

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH



CHÁNH TRỊ ĐẠO

Soạn giả:

Khai Pháp TRẦN DUY NGHĨA

HỘI THÁNH

Tái bản năm Giáp Dần

1974

KÍNH CÁO

Cùng Quý Đồng Đạo, Quý vị Đạo Tâm và
Độc giả thân mến,

In kèm theo Quyển sách Chính Trị Đạo có hai
quyển sau đây:

1-PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐẠO

Soạn giả: Thượng Đâu Sư LÊ VĂN TRUNG

HỘI THÁNH GIỮ BẢN QUYỀN

(Tái Bản năm Kỷ Dậu- 1969)

2- GIẢNG ĐẠO YẾU NGÔN

Tác giả: NGUYỄN VĂN KINH

HỘI THÁNH GIỮ BẢN QUYỀN

(Tái Bản năm Kỷ Dậu- 1969)

Trân trọng kính cáo,

BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI



TÒA THÁNH TÂY NINH

LỜI TỰA

Quyển Chánh Trị Đạo xuất bản hôm nay là một tài liệu do vị Thời Quân Khai Pháp Trần Duy Nghĩa trước kia soạn ra để làm Bài huấn luyện Chức Sắc Hiệp Thiên Đài trong Bộ Pháp Chánh.

Nhưng xét vì tài liệu này có một tầm quan trọng rất sâu xa về nền Chánh Trị của Đạo nên con cháu của Người xin cho xuất bản để cống hiến chẳng những cho toàn cả Chức Sắc và Tín hữu của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để học hỏi mà cũng giúp ích cho những học giả muốn tìm hiểu rõ Đạo Cao Đài hơn, có một tài liệu quý báu trên đường nghiên cứu.

Ấu cũng là một điều hay nên tôi rất tán đồng để cho những ai từ trước đến giờ thường gán cho Đạo Cao Đài can án “Làm Chánh Trị” được rõ là Đạo Cao Đài có một nền Chánh Trị Đạo khác hẳn với lối Chánh Trị Đời.

Theo Chơn Pháp của Đại Đạo thì Đức Chí Tôn mở Đạo Kỳ Ba này là để lập một đời mới mà các Đấng danh gọi là đời Minh Đức Tân Dân.

Như thế Đạo Cao Đài là một nền Tôn giáo không thể tách rời với xã hội loài người, nên có thể gọi nó là một nền Tôn giáo Nhập thế chứ không phải Xuất thế để mỗi người tìm phương giải khổ hoặc thoát khổ đặng sống một đời sống riêng tiêu diêu tự tại.

Nền Chánh Trị của Đạo Cao Đài chủ trương một tinh thần cao độ quên mình để mưu cầu hạnh phúc cho người, lúc nào cũng phải hy sinh để phục vụ cho nhơn sanh và tìm phương Cứu Khổ cho Đời.

Chánh Trị Đạo chủ trương vô tư, bất vụ lợi, quên mình để mưu cầu lợi ích cho người bằng một tình thương bao la, rộng rãi, Huynh đệ Đại Đồng, xây dựng một xã hội Hòa ái cộng tồn; còn về Chánh Trị Đời thì ta thường thấy nào là tranh danh, đoạt lợi, tranh quyền, tranh vị, giành giật lẫn nhau miếng đỉnh chung, mùi phú quý, tranh nhau từ miếng ăn, chỗ ở để mưu cầu riêng biệt cho cá nhân mình, cho đoàn thể mình, hoặc cho Quốc gia Chủ nghĩa mình một đời sống sung sướng hơn kẻ khác. Như vậy, bảo sao không sanh ra chiến tranh tàn khốc, sát hại lẫn nhau còn hơn hùm beo thú dữ!

Nếu mỗi người đều hiểu đặng và thực thi chu đáo nền Chánh Trị của Đạo trong tình thương yêu anh em ruột thịt, tương thân, tương ái, tương trợ lẫn nhau, lấy của mình san sẻ cho những ai bạc phước hơn, thì cảnh đời đau khổ hiện nay sẽ trở thành một Thiên Đàng tại Thế, đúng như lời Đức Chí Tôn nói khi mới mở Đạo:

***“Hảo Nam Bang, Hảo Nam Bang!
Tiểu quốc tảo khai Hội Niết Bàn”.***

Với nhận xét trên thì có thể gọi nền Chánh Trị Đạo là Siêu Chánh Trị.

**Tòa Thánh, ngày 28 tháng Giêng, năm Giáp Dần
(DL, ngày 19 tháng 02 năm 1974)**

BẢO ĐẠO HIỆP THIÊN ĐÀI

(Ký tên)

HỒ TẤN KHOA

CHÁNH TRỊ ĐẠO

CHƯƠNG I

I- NỀN TẢNG CHÍNH TRỊ CỦA ĐẠO

A-Hiệp Thiên Đài:

- Pháp Chánh
- Phước Thiện

B- Cửu Trùng Đài:

- Hành Chánh
- Phổ Tế

II-NGUYÊN TẮC CẢI TRỊ CỦA ĐẠO

CHƯƠNG II

CÁC TRỊ QUYỀN TRONG NỀN CHÍNH TRỊ ĐẠO

Quyền Lập Pháp (*Quyền VạnLinh*)

- Hội Nhơn Sanh
- Hội Thánh
- Thượng Hội

CHƯƠNG III

QUYỀN HÀNH PHÁP (*Hành Chánh*)

- Tổ chức quyền Hành Chánh của Đạo
- Bảng Tổ chức quyền Hành Chánh
- Hàng phẩm đối quyền
- Quyền hành Chức Sắc và Chức Việc
- Phương pháp lập vị vào Thánh Thể của Đức Chí Tôn.

CHƯƠNG IV

- I- QUYỀN TƯ PHÁP
- II- CƠ QUAN PHƯỚC THIÊN

CHƯƠNG V

SO SÁNH CHÍNH TRỊ ĐỜI VÀ CHÍNH TRỊ ĐẠO

—

Soan giả: Khai Pháp TRẦN DUY NGHĨA
Dưới sự hướng dẫn của Đức Hộ Pháp PHẠM CÔNG
TẮC



CHƯƠNG THỨ NHỨT

I- NỀN TẢNG CHÍNH TRỊ CỦA ĐẠO

Chánh Trị Đạo có hai phần:

1- Phần vô hình.

2- Phần hữu hình.

Phần vô hình thuộc về quyền Thiêng Liêng của Bát Quái Đài.

Phần hữu hình lại chia đôi ra làm hai Đài gọi là Nhị Hữu Hình Đài: Hiệp Thiên Đài, và Cửu Trùng Đài.

HIỆP THIÊN ĐÀI

Hiệp Thiên Đài là cơ quan bảo thủ Chơn truyền từ xưa đến nay vẫn hằng hữu. Nhưng các Tôn Giáo buổi trước không có thiết hiện hình tướng của Hiệp Thiên Đài là vì các vị Giáo Chủ của các nền Tôn Giáo ấy đắc lĩnh Đức Chí Tôn chưởng chấp cả về mặt Thiêng Liêng, nên các Tôn Giáo từ xưa đến nay không được trường cửu là do nơi lỗi của tay phạm chuyên quyền lạm dụng. Vì vậy, các Tôn Giáo đành chịu thất kỳ truyền.

Vả lại, buổi trước trình độ tiến hóa của Nhơn sanh còn trong vòng Thánh Đức, lại nữa Càn Khôn chưa dĩ tận thức, Chí Tôn chọn người lập Đạo, Thánh ý là qui tụ con cái Ngài đặng đợi kỳ khai Đại Đạo.

Ngày nay Chí Tôn đến mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Ngài không giao Thánh Giáo cho tay phạm nữa, chỉ dùng huyền diệu Cơ bút đặng dạy Đạo. Vì vậy nên Hiệp Thiên Đài mới hiện tướng đặng làm trung gian giữa các Đấng Thiêng Liêng và chúng sanh, tức là hồn của Đạo vậy.

Nếu hồn của Đạo do Chí Tôn giữ thì phần Cửu Trùng Đài cũng không phương chuyên cải Chơn truyền, và cơ Đạo mới

trường tồn đến thất ức niên. Nên chi chúng sanh tuyệt mà Hiệp Thiên Đài chẳng bao giờ tuyệt.

Hiệp Thiên Đài là cơ quan bán hữu hình vì nó thuộc về Pháp giới.

Hiện tượng của Hiệp Thiên Đài là:

1- *Pháp Chánh.*

2- *Phước Thiện.*

1- PHÁP CHÁNH

Pháp Chánh là cơ quan bảo thủ Chơn truyền, giữ gìn Luật pháp, điều dẫn và lập vị cho con cái Chí Tôn, trong khuôn viên Luật pháp của Đạo đã thành lập, giữ cân công bình thể Thiên hành hóa, có trách vụ nặng nề để bênh vực kẻ cô thế, yếu hèn bị áp chế, để sửa răn những kẻ phạm Pháp luật, hầu tránh khỏi Thiên Điều trừng trị. Nếu bị thế trị thì mới mong giảm tội Thiên Liêng, bằng không bị thế trị, thì Thiên Điều không mong gì cầu rỗi.

Vậy Pháp Chánh rất cần thiết để giữ gìn Phẩm trật và địa vị của mỗi con cái Chí Tôn, và quyền hành phân minh cho nền Chánh Trị Đạo, y theo khuôn khổ Chơn truyền.

2- PHƯỚC THIỆN.

Phước Thiện là cơ quan Tận độ, cốt để mở đường Thánh Đức cho toàn Sanh chúng có đủ phương thế nhập vào Thánh Thể, người ngoại giáo có thể nhờ nơi cửa Phước Thiện mà hiệp cùng Hội Thánh. Phước Thiện là phương bảo tồn sanh chúng, tế khổn phò nguy, vì trong đời người không có sự khổ nào bằng Sanh, Lão, Bệnh, Tử. Muốn thi hành cơ Tận độ, những con cái của Đức Chí Tôn sẵn có tài tình học thức đã được lập công nơi cơ quan khác, còn sót lại những kẻ dốt, kém, thật thà, thì do nơi đâu mà lập công đoạt vị? Chỉ có cơ quan Phước Thiện mới có đủ phương thu nhập toàn thể con cái Chí Tôn qui về cửa Đạo, nên gọi là cơ “Bảo Tồn”.

Muốn thật hành chánh nghĩa Phước Thiện, con cái Chí Tôn đời phải nuôi, rách cho mặc, tật nguyên phải bảo dưỡng, cô thế phải chở che, châu cấp người già cả, săn sóc kẻ bệnh hoạn v.v. Nói tóm tắt là phải gánh mọi sự khổ trên đời này.

Vả lại, Đời là một trường tranh đấu vì miếng ăn, chỗ ở.

Muốn sống phải: no, ấm, mạnh. Phước Thiện cứu kẻ khổ, giúp kẻ nguy, dìu dắt cho có phương sanh sống, tuy không giàu mà tự toại, không sang mà thung dung, mới có thể tránh được sự tranh đấu vì lẽ sống, tức là nâng đỡ bảo sanh cho hạng tam dân (*Nông, Công, Thương*) hưởng đủ quyền lợi mà mỗi người được quyền sống hưởng theo luật tự nhiên của Tạo Hóa.

Phước Thiện là phương pháp làm cho bình đẳng giữa hai hạng người: Vô sản và Tư sản, hay nói cho đúng là dung hòa quyền lợi chung hưởng chánh đáng, bất phân giai cấp, sang hèn, tức là hườn thuốc **Tự do, Bình đẳng, Bác ái**.

Chơn truyền của Phước Thiện lại còn phải thay thế cho Chí Tôn và Phật Mẫu thật hành cơ cứu khổ bằng phương pháp là: Làm cha những kẻ không cha, làm mẹ những kẻ không mẹ, làm anh những kẻ không anh, làm bạn những kẻ thiếu bạn, làm chồng làm vợ những kẻ không chồng, không vợ, trong sự thương yêu cao quý, và trong sự giúp đỡ chơn thành. Như thế mới có thể thực hành cơ quan cứu khổ để nơi mặt thế.

Nếu cơ quan Phước Thiện bảo đảm được con cái Chí Tôn dưỡng ấy, thì ân đức của Đại Đạo có thể sánh cùng Trời Đất, làm cho đời khổ trở nên đời hạnh phúc, đời loạn trở nên đời an cư lạc nghiệp, thì sự hòa bình của Đại Đồng Thế Giới mới mong thành tựu đặng.

CỬU TRÙNG ĐÀI

Cửu Trùng Đài là cơ quan giáo hóa về tinh thần Đạo đức, đem ảnh hưởng hạnh phúc cho Nhơn sanh, vạch rõ con đường Chơn lý: Gom yêu, hòa ái, trong tâm lý của loài người, tập trung làm một khối tinh thần, nhìn nhau kết một tòa Lương Tâm của toàn thể nhơn loại.

Cửu Trùng Đài chia ra làm hai cơ quan:

1- *Hành Chánh.*

2- *Phổ Tế.*

1- HÀNH CHÁNH.

Hành Chánh là cơ quan trị thế sửa đời cho thuần phong mỹ tục, cầm quyền Chánh Trị toàn Đạo, thi hành theo khuôn viên Luật pháp của Chí Tôn đã thành lập từ thử.

- **VỀ PHÁP THÌ CÓ:** *Pháp Chánh Truyền, Thánh Ngôn.*

- **VỀ LUẬT THÌ CÓ:** *Tân Luật và Đạo Luật Hội Thánh.*

2- PHỔ TẾ.

Phổ Tế là cơ quan truyền bá Chơn Giáo của Đức Chí Tôn, làm thế nào cho toàn thể nhơn sanh biết nhìn nhận Chí Tôn là Cha Thiêng liêng của toàn nhân loại, chính mình Ngài đến hoằng khai Đại Đạo, cứu vớt con cái của Ngài, hầu độ rồi 92 ức Nguyên nhân qui hồi cựu vị. (Đạo Giáo nói rằng: có 24 chuyến thuyền Bát Nhã chở 100 ức Nguyên nhân xuống phàm. Nhất Kỳ Phổ Độ độ được 02 ức; Nhị Kỳ Phổ Độ độ được 06 ức nữa là 08. Còn lại 92 ức).

Chẳng những vậy thôi, Chí Tôn còn ân xá cho cả Bát Hồn lầm lạc, hoặc tội tình, đặng siêu thoát. Đã là Tận độ mà Chí Tôn không có hình thể nên dùng huyền diệu Cơ bút lập thành Thánh Thể của Ngài mà thay thế cho Ngài đặng phô bày hình tướng cho nhơn sanh noi theo lập công bồi đức mà đoạt vị. Nhưng tiếc thay! Hội Thánh đã lăm công đào luyện

nên hình, mà con cái của Đức Chí Tôn còn lằm lẩn trong phàm trần, bôn xu theo thế tục, chưa thấu đáo đặng cơ quan Tận độ. Vì vậy cần phải có cơ quan Phổ Tế, mang bầu xách gậy đến gieo rắc hạt Thánh Cốc trong tinh thần con cái Chí Tôn, dầu góc bể chơn Trời nào, như vậy đặng tỏ rằng căn công bình của Chí Tôn không bỏ sót một ai cả, ấy mới trọn câu Tận độ.

Cơ quan Phổ Tế độ rỗi Nhơn sanh vào cửa Đạo, giao cho Cửu Trùng Đài giáo hóa, có Hiệp Thiên Đài gìn giữ đường tu để tạo phẩm vị.

Nói rõ hơn nữa, Phổ Tế là cơ quan Truyền giáo của Đạo vậy.

II- NGUYÊN TẮC CẠI TRỊ CỦA ĐẠO

Đã nói trên rằng nền Chánh Trị của Đạo do hai Đài Chưởng quản: Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài, một bên phận sự Luật Pháp, một bên phận sự Hành Pháp. Hai Đài liên quan với nhau mật thiết như xác và hồn, xác không hồn thì không làm gì được, mà hồn không xác không chỗ dựa nương.

Cho nên trong Pháp Chánh Truyền có nói: **“Đạo không Đời không sức, Đời không Đạo không quyền”**, thì đây, Hiệp Thiên Đài là hồn, tức là Đạo, còn Cửu Trùng Đài là xác, tức là Đời, nếu Đạo không Đời tức là không có hình thể, không phương phổ hóa Chơn truyền, còn Đời không Đạo, nghĩa là nếu không có khuôn viên, được tự do phóng túng, thì còn đâu quyền hành phân minh, đẳng cấp trật tự nữa. Cho nên Đạo tạo quyền cho Đời bằng sự Công chánh, Đời lập nên hình tướng cho Đạo nhờ Luật Thương Yêu.

Còn phương pháp cai trị, chiếu theo câu “Ý Dân là ý Trời”, biết rằng quyền Vạn Linh đối với quyền Chí Linh, nên lúc nào cũng lấy nhơn sanh làm trọng.

CHƯƠNG THỨ HAI **CÁC TRỊ QUYỀN** **TRONG NỀN CHÍNH TRỊ ĐẠO**

QUYỀN LẬP PHÁP (*Quyền Vạn Linh*)

Nền Chánh Trị Đạo tuy vẫn chủ trương bởi hai Đài Hữu hình là Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài, song các trị quyền cũng chia làm ba như Chánh trị của mặt Đời: Quyền Lập Pháp, Quyền Hành Pháp, và Quyền Tư Pháp.

Nói về Quyền Lập Pháp tức là Quyền Vạn Linh:

Một Quốc gia biểu lộ sự sanh tồn bằng các quyền năng (*Fonctions*), quyền năng ấy lại phải có cơ quan (*Organe*) để thi hành. Trong cửa Đạo, muốn biểu lộ sự hoạt động không ngừng của bộ máy Chánh trị cũng có đủ các quyền năng và cơ quan để thi hành quyền năng đó. Quyền năng và cơ quan hiệp lại gọi là **Trị quyền**. Như quyền Lập Pháp tức là Quyền Vạn Linh là một trị quyền. Quyền năng của nó phải biểu lộ ý chí và nguyện vọng của nhơn sanh, còn cơ quan thì có ba Hội.

Quyền Lập Pháp của Đời lấy Nghị hội làm cơ quan, gọi là Viện, thường chia ra hai Viện (*Lưỡng Viện chế*) là: Thứ Dân Nghị Viện hay là Hạ Nghị Viện và Nguyên Lão Nghị viện hay Thượng Nghị Viện, hay là thống nhất lại thành một Viện (*Nhứt Viện chế*) Quốc Dân Đại Hội (*Kêu tắt là Quốc Hội*).

Trong nền Đạo, cơ quan Lập Pháp theo một chế độ khác lạ, là chia ra làm ba Nghị hội, ta có thể tạm gọi là Chế độ ba viện (*Tam Viện chế*).

Ba Hội ấy là:

1- Hội Nhơn Sanh (*Conseil populaire*) giống như Thứ Dân Nghị Viện, nghĩa là trực tiếp với Nhơn Sanh, gồm có các

Đại Biểu trực tiếp do nhơn sanh bầu cử, đặng thay mặt cho mình, đem lời thỉnh nguyện của mình ra trình bày giữa Hội (*Tánh cách dục tấn*).

2- Hội Thánh (*Conseil sacerdotal*) giống Nguyên Lão Nghị Viện với tánh cách bảo thủ đặng dung hòa, kèm chế bớt những ý nguyện quá bùng bột của nhơn sanh, do Hội Nhơn Sanh dâng lên. Hội Thánh có quyền tán thành hay phản đối lời thỉnh cầu của nhơn sanh chiếu theo Luật Pháp của Đạo.

3- Thượng Hội (*Haut Conseil*) tức là Hội Tối Cao có quyền xem xét đề nghị của Hội Nhơn Sanh và Hội Thánh rồi có quyền chấp thuận hay là không.

Ba Hội này hiệp lại làm Cơ quan của “**Quyền Vạn Linh**”.

Tại sao có Quyền Vạn Linh?

Từ xưa đến nay, xem qua Chánh Trị của Đời, Quyền Lập Pháp thường do một người hay một thiểu số người chủ trương, thành ra đa số thường bị áp bức phải tuân theo ý chí của nhóm thiểu số kia. Mà Pháp luật đã đặt ra do một thiểu số người, chỉ thích hợp với quyền lợi của một nhóm người này mà không thích hợp với quyền lợi của nhóm người khác, thích hợp với tập quán của địa phương này mà không thích hợp với tập quán của địa phương khác. Vậy thì ta chỉ thấy “Người cai trị người” chớ chưa hề thấy “Luật cai trị người”. Vì cơ cho nên Đời thường loạn.

Con người có ý chí trước, rồi hành động sau, thì hành động đó mới thích hợp được, bằng không thì chỉ là những hành động lầm lẫn, thiếu suy gẫm, thiếu tính toán.

Pháp luật cũng như ý chí của con người, có Pháp luật làm khuôn viên, thì toàn nhơn sanh cứ một mực khép mình vào khuôn viên ấy, mới có thể tránh những hành vi trái phép được.

Ý chí của con người thường biến đổi. Trình độ của Nhơn sanh luôn luôn tiến hóa về mặt trí thức, tinh thần, cần phải có Luật pháp chế biến cho thích hợp với trình độ tiến hóa với nhơn ý, nhơn nguyện, thì nhơn sanh mới vui lòng tuân hành.

Đức Chí Tôn là Đấng Tối Cao, sản sanh ra muôn loài, song Ngài đã nói rằng:

“Thầy là các con, các con là Thầy”, ý nghĩa nói rằng: Quyền Vạn Linh bằng với quyền của Chí Linh. Ý muốn của Vạn Linh (*Créatures*) tức là ý muốn của Chí Linh (*Créateur*). Ý muốn của **“Con cái”** tức là ý muốn của **“Cha Lành”** đó vậy. Vì thế mới có lập quyền Vạn Linh để Vạn Linh tự lập Luật lấy, đặt tự kềm chế mình trong con đường tu, hầu qui hồi cự vị, hội hiệp cùng Thầy.

SỰ LỢI ÍCH CỦA CHẾ ĐỘ NHIỀU NGHỊ HỘI TRONG QUYỀN LẬP PHÁP

Như đã nói trên, tánh cách của Hội Nhơn Sanh là dục tấn, nghĩa là bông bột, đòi hỏi rất nhiều, nếu trong Quyền Lập Pháp chỉ có một Hội Nhơn Sanh làm cơ quan thì ý nguyện của nhơn sanh nhiều khi đi quá cao hơn sự thực hành của họ, tất nhiên nhơn sanh không thể nào theo kịp. Cần phải có Hội Thánh để dung hòa ý chí quá cấp tiến của nhơn sanh và Thượng Hội để quyết định chấp thuận đề nghị nào. Thành ra cả ba Hội đều tự thấy mình cần phải dung hòa cùng nhau, mỗi Hội tự nhượng bộ một ít trong khuôn Luật pháp.

Về phương diện chuyên môn, một đề nghị đi qua sự thảo luận của nhiều Hội, tức nhiên chín chắn hơn là chỉ đi qua có một Hội.

CÁCH TỔ CHỨC BA HỘI LẬP QUYỀN VẠN LINH

Nói rằng ba Hội hiệp lại lập thành Quyền Vạn Linh, song sự tổ chức của mỗi Hội mỗi khác.

HỘI NHƠN SANH

CÁC HẠNG ĐẠI BIỂU.

Cũng như cái tên của nó đã chỉ, Hội này gồm các Đại Biểu của Nhơn sanh trực tiếp bầu cử.

Làm đầu Nhơn sanh là Lễ Sanh, nên Đại Biểu của Nhơn sanh kể từ phẩm Lễ Sanh trở xuống gồm có:

a- Chư vị Lễ Sanh, Đầu Tộc Đạo.

b- Nghị viên, tức là Đại Biểu gián tiếp của Nhơn sanh.

Ba vị mỗi Tộc Đạo:

- **Một Chánh Trị Sự:** Tất cả Chánh Trị Sự trong Tộc Đạo xúm nhau công cử một người.

- **Một Phó Trị Sự:** Tất cả Phó Trị Sự trong Tộc Đạo xúm nhau công cử một người.

- **Một Thông Sự:** Tất cả Thông Sự trong Tộc Đạo xúm nhau công cử một người.

c- Phái viên, tức là Đại Biểu trực tiếp của nhơn sanh. Cứ 500 Tín đồ trưởng trai công cử ra một Đại biểu gọi là Phái viên.

Số Nghị viên và Phái viên Nam phái thế nào, thì bên Nữ phái cũng đồng số với nhau, theo qui tắc.

* **Hạn lệ nhiệm kỳ:** Mỗi Nghị viên và Phái Viên có nhiệm kỳ ba năm. Đến năm thứ tư thì tổ chức cuộc tuyển cử lại. Thảng trong thời gian ba năm đó, có người chết hoặc vì lẽ gì

không thể đi dự hội, phải cử người khác thay thế trong hạn lệ của nhiệm kỳ.

ĐIỀU KIỆN TUYỂN CHỌN ĐẠI BIỂU HỘI NHƠN SANH.

Như trên vừa nói, thì không có điều kiện chi quá đáng, đại khái có mấy điều như sau:

a- Phải là Tín đồ Cao Đài Giáo thuộc Tòa Thánh Tây Ninh.

b- Phải trường trai.

c- Không phân biệt Nam, nữ.

d- Phải trên 18 tuổi, là hạng tuổi đem tên vào Bộ chánh của Đạo.

Xem các điều kiện trên đây thì sự tuyển chọn Đại biểu tùy theo địa phương và tỉ lệ như số Tín đồ trong mỗi địa phương (*Élection par localité et élection proportionnelle*).

Khi đã đắc cử rồi, mỗi Nghị viên và Phái viên Hội Nhơn Sanh chụp (03) tấm hình (*cỡ hình dán căn cước 4x6*), giao cho Khâm Châu Đạo gửi về Tòa Nội Chánh (*Lại Viện*):

- (01) một gắn vào Giấy Chứng Nhận Nghị viên hoặc Phái viên.

- (01) một gắn vào Bộ Nghị viên và Phái viên Hội Nhơn Sanh.

- (01) một lộng khuôn để tại Nhà nhóm.

Cả Nghị viên và Phái viên nơi Châu Đạo hội nhóm lại nhằm ngày Rằm tháng chạp, hiệp cùng chư Chức Sắc, Chức Việc và Đạo hữu trong địa phương mình, thảo luận Chương trình của Hội Nhơn Sanh và lấy Quyết nghị chung. Vì Bằng cuộc hội nhóm này làm (03) bản, giao cho các Đại Biểu (01) bản, lưu chiếu (01) bản, còn (01) bản gửi về Lại Viện trước ngày Khai mạc Hội Nghị.

Các Nghị viên và Phái viên lãnh một Tờ Chứng Nhận tạm của Chức Sắc địa phương sở tại, khi về đến Tòa Thánh

Tây Ninh, vào trình diện tại Văn Phòng Lại Viện (Tòa Nội Chánh) đăng đối giấy Chứng thiệt thọ và ghi tên vào sổ để tiện việc sắp đặt trật tự. Hạn lệ phải đến Tòa Thánh ít nhất hai ngày trước ngày mở Hội, nghĩa là phải đến Tòa Thánh vào ngày 13 tháng Giêng và lưu lại đến ngày Hội bế mạc. Nếu vô cớ đến trễ thì không được dự Hội. Còn trong thời gian hội họp mà vô cớ không đến nhóm Hội thì:

- Nghị viên bị mất quyền nhóm Hội ba năm.
- Phái viên mất quyền ứng cử ba năm.

Các năm sau, chư Nghị viên và Phái viên nhớ đến lệ thì về nhóm, chớ không có Thư Mời, nhớ đem Giấy Chứng Nhận theo mới đăng nhập Hội.

Ngày nào từ giã Tòa Thánh phải trình ghi Giấy Thông Hành tại Tòa Nội Chánh (*Lại Viện*).

Mỗi năm, vào ngày 01 tháng chạp thì Nghị Trưởng gửi Chương trình những vấn đề sẽ đem bàn cãi cho các Châu Đạo. Nơi Châu Đạo nhóm ngày Rằm tháng này (*Chạp*) đem ra bàn cãi xem xét trước cho kỹ lưỡng.

Nghị viên nào muốn xin canh cải, thêm bớt, hủy bỏ điều chi trong Luật Đạo, hay điều chi khác nữa thì phải gửi Tờ xin phép Nghị Trưởng hai mươi (20) ngày trước Đại Hội và phải nói rõ mình muốn xin canh cải, thêm bớt, hoặc hủy bỏ điều chi.

TƯ CÁCH CỦA CHƯ HỘI VIÊN.

a - Y phục: Nếu là Chức Sắc hay Chức Việc thì mặc Đạo phục; nếu là Tín đồ vào hạng Phái Viên thì mặc thường phục (Áo dài trắng khăn đen).

b - Khi đứng ngồi: Phải thủ lễ, ngồi ngay ngắn không nên dựa nghiêng, dựa ngửa, không được ăn trầu, hút thuốc.

Đương nhóm mà Vị nào có việc cần ra ngoài, phải xin phép Nghị Trưởng, xong rồi trở vô liền.

c- Khi nói năng: Khi Nghị Viên đang nói mà có vẻ nổi giận, Nghị Trưởng rung chuông ngăn lại, đừng khuyến giải. Nếu không vâng lời, Nghị Trưởng hỏi ý kiến các Nghị Viên, nếu phần đông đồng ý kiến, thì Nghị Trưởng mời vị đó ra khỏi Hội.

Khi một Nghị Viên đương nói, các người khác phải im lặng nghe, chẳng nên xen vào làm đứt đoạn.

Khi Vị nào mặt có sắc giận dữ, xin phép nói đặng tỏ ý giận của mình, Nghị Trưởng có quyền không cho phép nói.

Tóm lại, tất cả Nghị Viên phải tuân y “Luật lệ chung của các Hội”.

BIỂU QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ

Có hai cách biểu quyết:

a- Gặp việc quan trọng cần yếu thì phải bỏ thăm kín.

b- Gặp việc thường thì Quyết nghị bằng cách giơ tay lên.

Với cách thứ nhứt, hay cách thứ nhì, Quyết nghị các Hội vẫn lấy thái bán số thăm làm quy tắc, nghĩa là bên nào được một lá thăm nhiều hơn bên kia là thắng số, và vấn đề ấy được công nhận hay bác bỏ.

Thắng như số thăm thuận và thăm nghịch đồng nhau, Nghị Trưởng đồng ý kiến với bên nào, thì bên đó thắng số.

Vấn đề thường hay trọng yếu nào có một phần ba ($1/3$) số Nghị Viên hiện diện xin bỏ thăm kín, thì Nghị Trưởng cho lịnh y theo.

TỔ CHỨC HỘI NHƠN SANH

Chiếu theo Đạo Nghị Định thứ tư, Điều thứ tư của Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp ngày 03 tháng 10 năm Canh Ngọ (*Đệ Ngũ Niên*) thì Thượng Chánh Phối Sư làm Nghị Trưởng Hội Nhơn Sanh.

Vậy, Hội Nhơn Sanh sắp đặt như sau:

- | | |
|-------------------------|-------------------|
| 1- Thượng Chánh Phối Sư | - Nghị Trưởng |
| 2- Nữ Chánh Phối Sư | - Phó Nghị-Trưởng |

- 3- Lễ Sanh - Hội Viên
 4- Chánh, Phó Trị Sự, Thông Sự và Phái Viên - Nghị Viên hay Hội Viên
 5- Một Nghị Viên Nam và Một Nghị Viên Nữ - Từ Hàn
 6- Hai Nghị Viên Nam và Hai Nghị Viên Nữ - Phó Từ Hàn

Ngoài ra Chư vị Đại Biểu của nhơn sanh trên đây còn có:

1- Cửu Trùng Đài.

a- Thái và Ngọc Chánh Phối Sư.

b- Chư vị Chức Sắc Đại Thiên Phong cầm quyền *Cửu Viện Nội Chánh* đến dự Hội để trả lời những điều nào Nghị Viên không rõ xin bày tỏ, hoặc minh triết những vấn đề Nghị Viên chất vấn.

Nếu có một vấn đề thuộc Viện nào bị chỉ trích thì Chánh Phối Sư hay Thượng Thống Viện đó phải giải thích cho rõ ràng và bày tỏ đủ lý lẽ để khỏi sanh điều khó khăn cho việc bàn cãi và giúp chư Nghị Viên giải quyết dễ dàng nhanh chóng.

c- Dự thỉnh: Cả Chức Sắc, Chức Việc và Đạo Hữu không đắc cử Nghị Viên Hội Nhơn Sanh, được thông thả đến Tòa Thánh nhập Hội, nhưng chỉ được dự thỉnh mà thôi. Nơi Nhà nhóm có sắp đặt chỗ ngồi riêng cho những vị này.

2- Hiệp Thiên Đài.

Một Chức Sắc Hiệp Thiên Đài (*Thường thì có vị Chương Quản Bộ Pháp Chánh và các Ty Pháp Chánh địa phương*) đến chứng kiến và bảo thủ Luật lệ không cho Hội phạm đến.

PHẬN SỰ CỦA HỘI NHƠN SANH

Hội Nhơn Sanh nhóm để bàn cãi những việc này:

a- Giáo hóa nhơn sanh.

b- Liệu phương hay cho Đạo với Đời khỏi phản khắc nhau, và nâng cao tinh thần trí thức của nhơn sanh.

c- Phổ Độ nhơn sanh vào cửa Đạo, dìu dắt Tín đồ cho khỏi trái bước và trọn vâng theo các Luật lệ của Đạo.

d- Xin sửa cải, thêm bớt hay hủy bỏ những Luật lệ của nhơn sanh.

e- Lo cho nền Đạo được trong ấm ngoài êm và đủ phương tiện đặng Phổ thông nền Chơn Giáo.

g- Xem xét và công nhận phương diện Chánh Trị của Đạo, quan sát Sổ Thâu Xuất, Tài sản, nghị số phỏng định năm tới.

NƠI NHÓM HỌP

Đại Hội Nhơn Sanh nhóm nơi Nhà nhóm riêng tại Tòa Thánh.

THỜI KỲ LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI NHƠN SANH

Đại Hội Hội Nhơn Sanh mỗi năm nhóm lệ một lần, khai mạc vào ngày Rằm tháng giêng.

Khi có việc chi thiết trọng hệ, thì được phép nhóm ngoại lệ Đại Hội tại Tòa Thánh mỗi năm một kỳ mà thôi. Như vậy thì Thiệp mời phải gửi đến trước (15) ngày, hoặc điện tín thì phải gửi trước (03) ngày.

Trước bữa Đại Hội mà Nam, Nữ sẽ nhóm chung nhau, Thượng Chánh Phối Sư hoặc Nữ Chánh Phối Sư có điều chi phải hỏi ý kiến riêng Hội Viên phái mình thì được quyền mời nhóm (*Nam theo Nam, Nữ theo Nữ*).

Kỳ nhóm này Từ Hàn phái nào theo phái nấy, lập Vi Bằng (02) bốn, Nghị Trưởng và Từ Hàn ký tên, (01 bốn để lưu chiếu, còn 01 bốn thì Chánh Phối Sư Nam gửi cho Chánh Phối Sư Nữ, còn Chánh Phối Sư Nữ thì gửi cho Chánh Phối Sư Nam), hầu hiểu rõ những điều của mỗi phái bàn tính.

LỄ KHAI MẠC ĐẠI HỘI

Trước giờ mở Hội thì Nghị Trưởng phái vài Hội Viên đi rước Giáo Tông và Hộ Pháp đến dự lễ.

Khi nhị vị Đại Thiên Phong nầy đến thì Lễ Viện cho nhạc trở tiếp mừng. Chánh, Phó Nghị Trưởng, Chức Sắc Hiệp Thiên Đài và Nội Chánh Nam, Nữ ra cửa đón rước. Toàn thể Hội Viên đứng dậy, chờ cho Nhị vị an tọa rồi mới ngồi xuống sau.

Giáo Tông ngồi ghế Chủ Tọa, bên tay mặt thì Hộ Pháp, bên tay trái Nghị Trưởng.

Giáo Tông đọc bài Diển văn Khai mạc, Hộ Pháp chú giải những khoản Luật pháp mà Hội không hiểu rõ. Kế đó, Nghị Trưởng đọc bài Diển văn trình bày Chương Trình Nghị sự.

Xong rồi nhị vị Đại Thiên Phong trên đây ra về, lễ đưa sắp đặt cũng như lễ rước, nghĩa là Nghị Trưởng, Phó Nghị Trưởng đưa ra tới cửa, Chư vị Hội Viên đứng dậy chào như lúc đến.

Lễ Khai mạc Hội Nhơn Sanh và Hội Thánh giống như nhau, chỉ khác có nơi nhóm họp mà thôi.

BAN ỦY VIÊN

Sau khi Khai mạc Đại Hội, Nghị Trưởng trình bày Chương Trình Nghị sự xong rồi thì toàn Hội chọn cử ra các Ban Ủy Viên Ngành theo Phái đảng tùy phương diện thảo luận các vấn đề cho cặn kẽ thấu đáo.

Có (04) Ban Ủy Viên:

- 1- Phái THÁI.
- 2- Phái THƯỢNG.
- 3- Phái NGỌC.
- 4- Phái NỮ.

Mỗi Ban Ủy Viên gồm có:

- 1- Một Nghị Trưởng.
- 2- Một Phúc sự viên.
- 3- Số Nghị Viên còn lại chia đều cho các Ban.

Mỗi khi bàn định điều chi rồi thì Phúc sự viên tóm tắt lại, lập tờ phúc đệ ra Đại Hội nghị quyết.

Ban Ủy Viên khi nhóm thì mặc Đạo phục thường dùng hằng ngày.

VIỆC TRẬT TỰ

Một vị Lễ Sanh Phái Ngọc lãnh phần cai quản Cơ Tuần Phòng Bảo Thể Quân, mặc Thiên Phục, buộc dây Sắc Lĩnh tam sắc Đạo của Hiệp Thiên Đài ban cho trong lúc hội nhóm. Khi Hội giải tán thì đem nạp lại cho Hiệp Thiên Đài.

SAU KHI HỘI NHÓM

(20) Hai mươi ngày sau khi Hội nhóm Bế mạc, Từ Hàn phải lập Vi Bằng cho rồi, trong đó Nghị Trưởng, Phó Nghị Trưởng, Từ Hàn Nam, Nữ và một Chức Sắc Hiệp Thiên Đài ký tên vào.

Vi Bằng này phải lập ra năm bốn:

- Một bốn gửi cho Thượng Hội.
- Hai bốn gửi cho Hội Thánh.
- Một bốn gửi cho Hiệp Thiên Đài.
- Một bốn lưu chiếu.

Khi Thượng Hội và Hội Thánh gửi trả lại ba bốn với những lời phê công nhận hay bác bỏ khoản nào thì Thượng Chánh Phối Sư giữ một bốn, một bốn gửi cho Nữ Chánh Phối Sư, một bốn gửi cho Ngọc Chánh Phối Sư đặt hai vị đó thì hành.

HỘI NGÁNH THƯỜNG XUYÊN HỘI NHƠN SANH

Mục đích của Hội Ngánh Thường Xuyên tại Tòa Thánh này là bàn tính các điều ngoại Chương Trình Nghị sự của Đại Hội và các việc trọng hệ xảy ra thành linh, nhất là việc Chánh Phối Sư, hoặc Chức Sắc nào mà Hội Thánh ủy quyền cho giao thông với Chánh Phủ.

Hội Ngánh thường xuyên Hội Nhơn Sanh gồm có:

- Thượng Chánh Phối Sư - Nghị Trưởng
 - Nữ Chánh Phối Sư - Phó Nghị Trưởng
 - Từ Hàn Nam của Đại Hội và
Từ Hàn Nữ của Đại Hội - Từ Hàn
 - Phó Từ Hàn Nam của Đại Hội và
Phó Từ Hàn Nữ của Đại Hội - Phó Từ Hàn
- Sau khi Bế mạc Đại Hội, mỗi Tỉnh chọn trong hàng Nghị Viên của mình một người Nam, một người Nữ để thường xuyên tại Tòa Thánh (*Nam Tông Đạo hay các Tông Đạo Ngoại Giáo cũng vậy*) - Nghị Viên
- Chức Sắc Nội Chánh, Chưởng Quản các Viện tùy theo việc bàn tính - Đại diện Cửu Trùng Đài
 - Một Chức-Sắc Hiệp Thiên Đài - Đại diện Hiệp Thiên Đài.

1- Ngày, giờ làm việc.

Hội Ngánh Thường Xuyên Hội Nhơn Sanh nhóm mỗi năm ba kỳ, (*Bốn tháng một kỳ*).

- Kỳ thứ nhất: Mùng 6 tháng 4
- Kỳ thứ nhì : 13 tháng 8
- Kỳ thứ ba : 13 tháng 11.

2- Sau khi Hội Ngánh Thường Xuyên nhóm.

Mười ngày (10) sau ngày Bế mạc Hội Ngánh, Vi Bằng phải lập xong và làm y như Đại Hội. Chánh, Phó Nghị

Trưởng, Từ Hàn Nam, Nữ, với một Chức Sắc Hiệp Thiên Đài ký tên vào Tờ Vi Bằng ấy.

3- Ban Ủy Viên xem xét Tài chánh.

Hội Ngánh Thường Xuyên chọn ba (03) vị Nghị Viên Nam, và ba (03) Nghị Viên Nữ lập thành một Ban Kiểm Soát Tài Chánh.

Trước ngày Khai mạc thường lệ của Hội Ngánh Thường Xuyên, Ban Kiểm Soát này đến xem xét sổ sách của Hội Viên, lập Tờ Phúc Trình đệ ra giữa Hội thảo luận.

4- Ngu sở của Nghị Viên Thường Xuyên.

Hội Thánh cất đất trong châu vi Tòa Thánh chia cho các Tỉnh cất nhà cửa hoặc cơ sở vĩnh cửu đặng cho người Đại Biểu của Tỉnh mình ở thường xuyên gần Tòa Thánh đó là phần của các Tỉnh thuộc Việt Nam.

Còn riêng các nước Lân bang, Hội Thánh cất nhà khách đặng đón rước và làm nơi lưu trú cho chư Nghị Viên thuộc các nước đó. Về quyền hạn Đại Biểu, họ vẫn đồng quyền như các Nghị Viên sở tại vậy.

TRÁCH VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI NHƠN SANH

Quyền Vạn Linh có ba Hội làm cơ quan như trên đã nói: Quyền Vạn Linh đối với Quyền Chí Linh, cũng như câu “ Ý Dân là ý Trời”, cho nên nhơn sanh có quyền hạn rất rộng rãi trong nền Chơn Giáo của Đức Chí Tôn. Có như vậy ta mới thấy được mặt cân Công Bình Thiêng Liêng tại thế.

1- Trách vụ Lập Pháp.

Hiến Pháp của Đạo tức là Pháp Chánh Truyền do Chí Tôn truyền xuống, bằng huyền diệu Cơ bút, là một bộ Hiến Pháp bất di, bất dịch, bất khả xâm phạm (*Cang tánh Hiến Pháp*).

Vậy thì quyền Lập Pháp đây là lập các Luật lệ thường thức đăng thi hành Pháp Chánh Truyền, khép mình vào khuôn viên Đạo, để có thể đi trọn vẹn con đường Phổ Độ của Đức Chí Tôn một cách sáng suốt, minh mẫn và trong sạch.

Tất cả ý nguyện của Nhơn sanh đề nghị, qua sự xem xét của Hội Thánh và Thượng Hội được dâng lên xin quyền Chí Tôn phê chuẩn, tức nhiên thành Luật lệ ban hành trong toàn Đạo.

Một đề nghị nào do ý nguyện của Nhơn sanh đưa ra, ba Hội thay nhau thảo luận và chấp thuận thì đã thành ra ý nguyện chung của ba Hội, mà ba Hội là Cơ quan của quyền Vạn Linh, tức nhiên ý nguyện đó thành ra ý nguyện của Vạn Linh rồi, cho nên Luật Lệ lập thành do ý nguyện của Vạn Linh là tượng trưng ý chí chung của toàn vạn loại, để ấn định quyền hạn của toàn Đạo, và tổ chức quyền Chánh Trị chung toàn Đạo.

Nhơn sanh được tự do đề nghị và thảo luận thế nào cho dung hợp với trình độ tiến hóa của nhơn loại và thích nghi với khắp các địa phương.

Trách vụ Lập Pháp của Nhơn Sanh có thể chia ra:

a- Quyền Sáng kiến: Lập Pháp của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Chí Tôn cho nhơn sanh được tự lập để khép mình vào cái khuôn khổ do mình tạo ra, vì cơ nhơn sanh được đưa đề nghị lập những Đạo Luật mới, tùy theo sự tấn triển của nhơn trí. Các Dự án Luật đó phải gửi trước một bản đến vị Nghị Trưởng Hội Nhơn Sanh đăng vị này đem vào Chương Trình Nghị sự giữa Đại Hội Nhơn Sanh (*Droit d'initiative*).

b- Quyền Phủ quyết: Chẳng có Điều Luật nào không còn thích hợp với phong hóa, có thể cản trở bước đường Đạo đức của toàn Đạo, nhơn sanh được quyền xin hủy bỏ (*Droit de Veto*).

c- Quyền Phúc quyết: Chia làm hai loại:

- **Phúc quyết thăm dò:** Hội Thánh có thể đưa ra một Dự án Luật cho nhơn sanh bàn cãi trước khi lập thành Điều Luật thiết thọ.

- **Phúc quyết thừa nhận:** Cũng có nhiều Điều Luật do Hội Thánh ban hành trong vòng một năm từ ngày Đại Hội năm trước, tới kỳ này đem ra cho nhơn sanh xem xét coi Điều Luật đó trong khi thi hành đã làm lợi cho nhơn sanh hay là làm hại. Thảng đã làm lợi và còn thích hợp thì nhơn sanh thừa nhận, để còn đủ hiệu lực, bằng không xin huỷ bỏ. Trường hợp này *Quyền Phúc quyết* thành ra *Quyền Phủ quyết*.

2- Trách vụ kiểm soát chánh trị.

Trách vụ kiểm soát nền Chánh Trị của Hội Nhơn Sanh có nhiều khoản:

a- Quyền Tuyển cử: Trong cửa Đạo, mỗi Chức Sắc của Đạo đều Tuyển cử bắt đầu từ Tín Đồ trở lên. Căn Công bình của Chí Tôn muốn cho con cái của Ngài tạo Công nghiệp xứng đáng, tu tâm đức vững chắc, dựng lập vị Thiêng Liêng, phải đi có trật tự từ hàng Tín đồ vào hàng Chức Việc Bàn Trị Sự trong Hương Đạo, lần lần đủ Công nghiệp y như Luật định, được đem ra quyền Vạn Linh xem xét, công nhận.

Nếu không có nhơn sanh công nhận thì trừ phi do khoa mục, hay do quyền Chí Tôn ân tứ, chiếu theo Công nghiệp phi thường thì không còn con đường nào khác đặng bước lên Thiêng Liêng vị. Mà tại thế này, đẳng cấp trong Cửu Phẩm Thần, Tiên được nhìn nhận cân đối ngang nhau với Thiêng Liêng vị ngày qui liễu về cùng Đức Chí Tôn.

Vừa nói nhơn sanh tuyển chọn Chức Sắc của Đạo trong hàng Tín đồ, bắt đầu cho chọn vào phẩm vị Chức Việc Bàn Trị Sự rồi mỗi khi thăng cấp, phải có sự công nhận của quyền Vạn Linh, hay nói trước hết của Hội Nhơn Sanh.

Quyền này tánh cách như Quyền Khảo Thí trong ngũ Quyền Hiến Pháp của Tôn Dật Tiên (*Quốc Phụ của Trung Hoa*).

***Chủ Nghĩa Dân Quyền của Tôn Dật Tiên.**

Nhân Dân có năm Chủ quyền:

- 1- Quyền Bầu cử.
- 2- Quyền Ứng cử.
- 3- Quyền Bãi miễn.
- 4- Quyền Sáng chế.
- 5- Quyền Phúc quyết.

Chánh Phủ có năm Trị quyền:

- 1-. Quyền Lập Pháp.
- 2- Quyền Hành Pháp.
- 3- Quyền Tư Pháp.
- 4- Quyền Khảo thí.
- 5- Quyền Giám sát.

b- Quyền Bầu cử và Ứng cử Nghị viên: Quyền của Nhơn sanh được rộng rãi vô cùng, song không thể tất cả mọi người đều ra giữa Nghị hội được, thành thử phải chọn người Đại Biểu theo tỷ lệ.

Những người Đại Biểu này được bầu cử trực tiếp (*Như Phái viên*) hay gián tiếp (*Như Nghị viên*).

Đến quyền Ứng cử, mọi người đều có quyền cũng như Bầu cử. Vả lại, cũng là nhiệm vụ tối trọng của cả Tín đồ, phải tham gia việc chánh trong Đạo đặng dự phần cải cụ hoán tân cho kịp theo trào lưu tiến hóa Nhân loại.

c- Quyền Ủy nhiệm Quyền hành: Thường những quyền nào trong nền Chánh Trị Đạo đã khuyết mà không người thay thế, vì nó có tánh cách quan hệ, cơ quan Chánh Trị trao cho Hội Nhơn Sanh, để Hội này giao lại cho người nào và trọn Ủy nhiệm cho người đó hành sự.

Ví dụ như: Quyền Thống Nhất Chánh Trị Đạo thuộc về Đầu Sư mà trong Đạo khuyết phẩm Đầu Sư nên Hội Nhơn Sanh năm Mậu Dần (1938) Ủy nhiệm Quyền thống nhất cho Đức Hộ Pháp cầm cho tới ngày nào có Đầu Sư chánh vị.

d- Xem xét công việc đã thi hành và kết quả của nó:

Mỗi năm, kỳ Đại Hội Nhơn Sanh, Hội Thánh trình bày công việc của mình sắp sửa làm, đang làm hoặc đã làm, và trình bày kết quả của nó giữa Hội và sẽ được Hội Nhơn Sanh thừa nhận hay là không.

3- Trách vụ kiểm soát Tài Chánh.

Y như trong khoản phận sự Hội Nhơn Sanh đã nói sơ lược và chiếu theo Nội Luật Hội Ngánh thường xuyên Hội Nhơn Sanh, thì Hội Nhơn Sanh còn có trách vụ quan sát tài sản, sổ thu xuất và đề nghị số phỏng định cho năm tới.

Trước ngày Đại Hội Nhơn Sanh, các cơ quan trong nền Chánh Trị Đạo dự đoán số thu xuất tài chánh trong năm tới của cơ quan mình, rồi dâng lên Cửu Viện, nơi đây tổng số các khoản thu xuất đem ra Hội Nhơn Sanh công nhận.

Quan hệ nhất về vấn đề Tài chánh này thuộc Phái Thái (Có ba Viện: Hộ, Lương, Công), cho nên trong lúc Đại Hội Ban Ủy Viên Phái Thái phải chú ý đến điều này, đến tại ba Viện trên, nhất là Hộ Viện xem xét sổ sách, rồi Phúc sự viên lập Tờ trình đem ra giữa Đại Hội, đăng toàn Hội Nhơn Sanh thảo luận lại, hoặc công nhận, hoặc bác bỏ các khoản Dự toán chi phí vô ích.

HỘI THÁNH

Như cái tên của Hội, Nghị Viên của Hội này gồm các Chức Sắc thuộc hàng Thánh Thể của Đức Chí Tôn và phải đương quyền Hành chánh.

Hội Thánh dung hòa các ý nguyện quá bùng bốt của Nhơn sanh, tánh cách giống như Viện Cộng Hòa (*Conseil de*

la République) theo Chánh Trị Đồi trong Chế độ Đại Nghị Pháp.

PHẬN SỰ CỦA HỘI THÁNH

a- Thảo luận lại các vấn đề của Hội Nhơn Sanh dâng lên hoặc của Thượng Hội đưa xuống, đặng lập phương ban hành.

b- Lo về sự Phổ Độ Chúng sanh, việc châu cấp cho Chức Sắc hành Đạo tha phương, xem xét lại Tài chánh của Đạo, kiểm thảo lịch trình Chánh Trị của Đạo.

c- Bàn cãi, và công nhận số phởng định Thâu xuất tài chánh năm tới.

d- Xin huỷ bỏ, thêm bớt, sửa cải những Luật lệ nào không phù hợp với sự tấn hóa về Dân trí của Nhơn sanh.

e- Quan sát các việc có ảnh hưởng về nền Đạo.

ĐIỀU KIỆN CHỌN NGHỊ VIÊN

a- Từ hàng Giáo Hữu đở lên đến Chánh Phối Sư được kể là Nghị Viên của Hội Thánh vì đã nhập vào Thánh Thể của Đức Chí Tôn.

b- Phải dưới 60 tuổi.

c- Phải đương quyền Hành chánh.

HỘI THÁNH GỒM NHỮNG AI?

*CỬU TRÙNG ĐÀI

a- Chức Sắc dự Hội Thánh:

- | | |
|---|-------------------|
| - Thái Chánh Phối Sư | : Nghị Trưởng |
| - Nữ Chánh Phối Sư | : Phó Nghị Trưởng |
| - Phối Sư, Giáo Sư, Giáo Hữu Nam Nữ. | : Nghị viên |
| - Một Nghị Viên Nam và một Nghị Viên Nữ | : Từ Hàn |
| - Hai Nghị Viên Nam và hai Nghị Viên Nữ. | : Phó Từ Hàn |

b- Chức Sắc Nội Chánh:

- Thượng và Ngọc Chánh Phối Sư và Chư Đại Thiên Phong cầm quyền Cử Viện Nội Chánh đến dự đăng minh triết các điều hạch hỏi của Nghị Viên. Chức Sắc Nội Chánh có cả Chức Sắc Nữ Phái cũng đồng quyền như Nam Phái, đều là Nghị Viên cả.

c- Dự Thính:

Chức Sắc Hàm Phong Nam Nữ đăng quyền dự thính, chỗ ngồi sắp đặt riêng.

Số Chức Sắc dự Hội Thánh, nếu kể ra cho đủ số phải có, bên Nam Phái:

- 36 vị Phối Sư
- 72 vị Giáo Sư
- 3.000 vị Giáo Hữu

Còn về phần Nữ Phái, thì gồm tất cả Chức Sắc Nữ Phái hiển hiện từ hàng Giáo Hữu đổ lên.

***HIỆP THIÊN ĐÀI.**

Thập Nhị Thời Quân phải có mặt đăng Bảo thủ Luật pháp không cho Hội phạm đến cũng đồng quyền như Nghị Viên.

TRƯỚC KHI NHÓM ĐẠI HỘI

Mỗi năm vào ngày Rằm tháng sáu, Nghị Trưởng (Thái Chánh Phối Sư) lập xong Chương trình Đại Hội Hội Thánh và gửi cho Chư vị Thiên Phong mỗi người một bản. Rồi đến ngày nhóm, cả thầy tự tiện về Tòa Thánh dự nhóm chớ không có Thơ mời.

Khi đến Tòa Thánh, phải đến Lại Viện Nội Chánh ghi Giấy Thông Hành, chường trở về cũng phải trở lại Nội Chánh trình ghi như khi đến, nếu vô cơ đến trễ không được dự nhóm.

NGÀY GIỜ NHÓM ĐẠI HỘI

Mỗi năm, Đại Hội Hội Thánh nhóm Thường lệ một kỳ vào ngày Rằm tháng bảy. Chư Nghị Viên phải có mặt tại Tòa Thánh trước (03) ngày và lưu trú lại cho đến ngày Bế mạc.

NHÓM NGOẠI LỆ

Khi có việc chi thật trọng hệ, cần yếu thì được nhóm ngoại lệ, một năm một kỳ mà thôi,

Thiệp mời phải gửi trước (15) ngày.

TRONG KHI NHÓM ĐẠI HỘI

Chư Nghị Viên phải tuân y theo thể lệ chung các Hội. Buổi nhóm mà vô cơ không đến, bị đệ ra Tòa Tam Giáo. Tư cách Nghị Viên trong lúc nhóm hội phải nghiêm chỉnh, mặc Thiên Phục trang hoàng.

PHƯƠNG PHÁP BIỂU QUYẾT

Hội Thánh có đủ hai bên Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài dự nhóm, cho nên sự biểu quyết các vấn đề có khác hơn Hội Nhơn Sanh.

Nếu một vấn đề nào, sau khi bàn cãi rồi mà Cửu Trùng Đài bỏ thăm thuận, còn Hiệp Thiên Đài bỏ thăm nghịch, hoặc là Hiệp Thiên Đài bỏ thăm thuận, mà Cửu Trùng Đài bỏ thăm nghịch, thì vấn đề ấy phải bàn tính mà bỏ thăm lại.

Nếu hai bên bàn cãi mà vẫn còn phản khắc nhau, thì Nghị Trưởng tuyên bố liền rằng: Vấn đề ấy sẽ dâng lên Thượng Hội định đoạt.

QUYỀN CHẤT VẤN

Chư Nghị Viên, muốn xin canh cải, thêm bớt hay hủy bỏ điều chi, Luật lệ nào, phải gửi tờ xin phép trước ngày mồng 1 tháng 6 đặng Nghị Trưởng ghi vào Chương Trình.

Nếu có điều chi chất vấn, hạch hỏi ở giữa Hội, thì phải gửi tờ trước ngày 15 tháng 6 và nói rõ muốn chất vấn về khoản nào, đặng Hội Thánh đủ thì giờ minh triết.

Trong lúc đang nhóm Hội, Nghị Viên được quyền xin hạch hỏi, hoặc công kích Hội Thánh. Nội Chánh có quyền trả lời liền lúc đó. Thảng như gặp việc trọng hệ phải quan sát lại, thì Nghị Trưởng có quyền đình lại đến kỳ nhóm Hội Ngánh

thường xuyên, Hội Thánh sẽ đem vấn đề ấy ra minh triết, hoặc gửi Châu Tri trả lời các câu hỏi đó.

NƠI NHÓM HỌP

Hội Thánh nhóm Đại Hội giữa Đền Thờ Đức Chí Tôn.

TRẬT TỰ

Cơ Bảo Thế, Tuần Phòng lãnh giữ trật tự trong lúc nhóm Đại Hội.

Một vị Giáo Hữu phái Ngọc chỉ huy công việc này, mặc Thiên Phục, mang dây Sắc lệnh ba màu Đạo của Hiệp Thiên Đài ban cho, sau khi mãn Hội, phải trả lại cho Hiệp Thiên Đài.

SAU KHI ĐẠI HỘI HỘI THÁNH BẾ MẠC

(20) Hai mươi ngày sau khi Bế mạc Đại Hội, Từ Hàn phải lập cho xong (05) bốn Vi Bằng, lưu chiếu (01) bốn, đệ lên Thượng Hội (03) bốn, gửi cho Hiệp Thiên Đài (01) bốn.

Khi Thượng Hội giao trả (03) bốn trở lại, Hội Thánh lưu chiếu (01) bốn, còn lại (02) bốn gửi cho Ngọc Chánh Phối Sư và Nữ Chánh Phối Sư ban hành.

Vi Bằng này có Nghị Trưởng (*Thái Chánh Phối Sư*), Phó Nghị Trưởng (*Nữ Chánh Phối Sư*), Từ Hàn Nam, Nữ và một Chức Sắc Hiệp Thiên Đài ký tên.

PHIÊN NHÓM RIÊNG NAM NỮ

Cũng như Hội Nhơn Sanh, trước khi nhóm Đại Hội Hội Thánh, Thái Chánh Phối Sư và Nữ Chánh Phối Sư có quyền mời nhóm riêng chư Nghị Viên, Nam theo Nam, Nữ theo Nữ.

Từ Hàn Nam, Nữ của Đại Hội cũng thi hành phận sự mình ở Hội nhóm này, và cùng với vị Chủ tọa ký tên bản Vi Bằng. Xong rồi, Vi Bằng của Hội nhóm Nam phải gửi cho Hội nhóm Nữ Phái và trái lại, đặng hai bên hiểu rõ công việc của mỗi Phái đã bàn tính.

HỘI NGÁCH THƯỜNG XUYÊN CỦA HỘI THÁNH

Hội Ngách Thường Xuyên của Hội Thánh lập tại Tòa Thánh đặng thảo luận các việc bất thường xảy ra, trọng yếu nhất là kiểm soát hành vi của vị Chánh Phối Sư hay Chức Sắc nào được quyền giao thông với Chánh Phủ. Kế đó là phận sự kiểm soát Tài chánh của Đạo, cho nên trong Hội Ngách Thường Xuyên Hội Thánh có một Ban Kiểm Soát Tài Chánh, thi hành phận sự như Ban Kiểm Soát Tài Chánh của Hội Nhơn Sanh vậy.

1- Ngày giờ làm việc:

Hội Ngách nhóm một năm 03 kỳ (04 tháng một kỳ).

- Kỳ thứ nhất Ngày 13 tháng 2.

- Kỳ thứ nhì Ngày 13 tháng 6.

- Kỳ thứ ba Ngày 13 tháng 10.

Chư Nghị Viên phải có mặt trước một ngày.

Bốn vị Kiểm-Soát Tài Chánh phải tới trước (03) ngày cho tiện việc xét Sổ Hộ Viện.

Trong (03) kỳ Hội này, Chư vị Thượng Thống có quyền vắng mặt và phái các vị Phụ Thống thay thế.

2- Sau khi Hội Ngách Thường Xuyên nhóm:

Chư vị Nghị Trưởng, Phó Nghị Trưởng, Từ Hàn, Phó Từ Hàn Nam, Nữ của Đại Hội Hội Thánh vẫn giữ y phận sự cũ ở Hội Ngách Thường Xuyên và (10) ngày sau mỗi kỳ nhóm, ký tên vào Vi Bằng, có một vị Chức Sắc Hiệp Thiên Đài ký chứng.

3- Nhiệm kỳ của Nghị Viên Hội Ngách Thường Xuyên Hội Thánh:

Các Tỉnh Nam Việt chia làm 9 Địa phận như sau đây:

1- Sài Gòn, Chợ Lớn, Tân An.

2- Gia Định, Tây Ninh.

3- Bà Rịa, Biên Hòa, Thủ Dầu Một.

4- Mỹ Tho, Gò Công.

5- Bến Tre, Trà Vinh.

6- Sa Đéc, Vĩnh Long.

7- Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên.

8- Cần Thơ, Rạch Giá.

9- Bạc Liêu, Sóc Trăng.

Sau này có thay đổi ra làm (05) Trấn Đạo gồm có (20) Châu Đạo.

- Gia Định.

- Biên Hòa.

- Định Tường.

- Long Hồ.

- An Giang.

Mỗi Quận cử (02) Nghị Viên, một Chánh, một Phó, nhiệm kỳ (01) năm.

Các Nước lân bang được cử từ (01) đến (03) Nghị Viên, Nhiệm kỳ từ (01) năm đến (03) năm, Nam Nữ đồng số.

4- Ngụ sở:

Chư Nghị Viên cư ngụ tại Nhà khách.

THƯỢNG HỘI

Thượng Hội là Hội Tối Cao trong ba Hội lập quyền Vạn Linh, cho nên Hội Viên là Chư vị Đại Thiên Phong cầm quyền Đạo trong nhị Hữu Hình Đài.

Hội này gồm có:

- | | |
|------------------------|-------------------|
| 1- Giáo Tông | : Nghị Trưởng |
| 2- Hộ Pháp | : Phó Nghị Trưởng |
| 3- Thượng Phẩm | : Nghị Viên |
| 4- Thượng Sanh | : -nt- |
| 5- (03) Vị Chưởng Pháp | : -nt- |

- 6- (03) vị Đầu Sư Nam phái : -nt-
 7- Đầu Sư Nữ phái : -nt-
 8- Một vị Giáo Sư hay Phối Sư : Từ Hàn.
(Không có quyền bàn cãi và bỏ thăm).

Trừ ra mấy vị trên đây, không có một ai có quyền dự thánh Thượng Hội.

TỪ HÀN THƯỢNG HỘI

Vị Từ Hàn của Thượng Hội chọn trong hàng Chức Sắc Thiên Phong Cửu Trùng Đài từ Giáo Sư đở lên. Từ Hàn có nhiệm kỳ (04) năm. Khi mãn hạn có quyền tái cử, nếu đủ Đạo đức, đủ siêng năng và làm tròn trách nhiệm.

Phận sự của Từ Hàn là lo giữ gìn giấy tờ, sổ sách của Thượng Hội. Mỗi kỳ nhóm, Từ Hàn phải tòng Giáo Tông mà lập Chương trình và viết Thư mời chư Hội Viên. Khi nhóm họp, Từ Hàn chỉ có quyền dự thánh, biên chép các lời bàn cãi đặng lập Vi Bằng mà thôi, ngoài ra có quyền nói là khi cần nhắc khoản gì trong Chương trình có ghi trước mà chư Nghị Viên bỏ quên không thảo luận tới.

NGÀY, GIỜ LÀM VIỆC CỦA THƯỢNG HỘI

Mỗi năm sau ngày Lễ Noel thì Thượng Hội nhóm lệ thường niên trong hạn kỳ là (15) ngày.

Ngoài phiên nhóm lệ này, Thượng Hội còn nhóm (03) tháng một lần.

Còn khi có việc gấp rút, Nghị Trưởng (Tức Giáo Tông) gửi Tờ Mời nhóm liền, hay là viết thư hỏi ý kiến chư Nghị Viên cũng được.

PHẬN SỰ CỦA THƯỢNG HỘI

Thượng Hội xem xét và phê chuẩn:

1- Các điều của Hội Nhơn Sanh và Hội Thánh bàn luận về việc Đạo.

2- Các điều ước nguyện của Hội Nhơn Sanh và Hội Thánh, những điều nào hoặc của Hội Nhơn Sanh mà Hội Thánh đánh đổ, hoặc của Hội Thánh mà Hội Nhơn Sanh đánh đổ, thì không được phép đệ lên Thượng Hội, trừ khi nào có đơn của hai ông Nghị Trưởng kêu nài.

3- Thượng Hội bàn luận và định đoạt các việc cần gấp hoặc yếu trọng phải ban hành trong Đạo.

TRƯỚC KHI NHÓM THƯỢNG HỘI

Chư vị Đầu Sư Nam phái và Đầu Sư Nữ phái cầm quyền cai trị về phần Đạo và phần Đời của con cái Đức Chí Tôn, thì phải lập Tờ phúc về những điều bản tính của Hội Nhơn Sanh và Hội Thánh đệ lên Giáo Tông xem xét rồi đem ra Thượng Hội thảo luận. Tờ phúc phải nộp (15) ngày trước bữa Thượng Hội.

Cả giấy tờ đem ra Thượng Hội phải có đủ cả Nghị Viên xem xét trước (07) ngày.

KHAI HỘI VÀ BÃI HỘI

Bữa Lễ Khai mạc Thượng Hội thì (03) vị Chánh Phối Sư Nam phái đến rước Giáo Tông và Hộ Pháp, còn Chánh Phối Sư Nữ phái đến rước Nữ Đầu Sư.

Cả Chức Sắc Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài Nam, Nữ hiện diện tại Tòa Thánh mà không có phận sự cần yếu, mặc Thiên Phục đến trước Đền Thờ hầu rước.

Khi Giáo Tông và Hộ Pháp đến thì Lễ Viện cho lĩnh đánh (06) hồi trống và chuông, dứt hồi trống chuông thì chư Nghị Viên vào Đại Điện bái lễ Đức Chí Tôn. Nhạc trở bản “Tấu Huân Thiên” dứt bản nhạc cả thầy an vị và khai Hội.

Bốn (04) vị Chánh Phối Sư tạm xuất ngoại chờ có lệnh mời mới đến. Cả Chức Sắc khác vào Thiên Phong Đường chỉ chờ bãi Hội mới đến hầu lễ đưa.

Hội nhóm trong Đền Thờ, trên Điện thì mỗi hương đảng (06) vị Lễ Sanh thuộc (03) Phái đứng hầu tại Bát Quái Đài,

(02) vị Nữ Lễ Sanh hầu bên hữu ban, (02) vị Lễ Sanh Phái Ngọc hầu tả ban, mỗi giờ phải thay đổi.

Lúc bãi Hội, Chư vị Đại Thiên Phong ra về, Lễ Viện cũng cho đánh (06) hồi chuông trống, (04) Chánh Phối Sư đưa Chư vị Đại Thiên Phong mỗi người về đến tư dinh của mình.

TRẬT TỰ

Một vị Giáo Sư Phái Ngọc mặc Thiên Phục mang Sắc Lệnh của Hiệp Thiên Đài, cai quản Cơ Bảo Thể giữ gìn trật tự bên ngoài, khi Hội Bế mạc, phải đem dây Sắc Lệnh trả cho Hiệp Thiên Đài.

Khi nhóm Thượng Hội thường xuyên thì nhóm tại Giáo Tông Đường, (Cơ Bảo Thể cũng giữ trật tự) song mặc y phục thường, vị Giáo Sư cai quản cũng vậy, Lễ Viện khởi cho đổ chuông trống và đánh nhạc.

PHƯƠNG PHÁP BÀN CẢI

Trong mỗi việc đem ra bàn luận, mỗi Hội Viên được xin nói (03) lần, mỗi lần (05) phút, hay là (01) lần (15) phút đồng hồ. Phải chờ Hội Viên khác dứt lời, mới được đứng lên nói, không được chặn lời của một Hội Viên nào.

BIỂU QUYẾT

Khi đã bàn cãi xong rồi, Hộ Pháp và Giáo Tông có ý kiến chi thì mới tỏ bày sau rốt, rồi Nghị Trưởng (*Giáo Tông*) định cho bỏ thăm, vẫn lấy đa số thăm làm Quy tắc.

Quyền của Giáo Tông và của Hộ Pháp hiệp lại là quyền Chí Tôn tại thế, cho nên (02) vị Đại Thiên Phong này không có bỏ thăm.

Nếu cả (03) Hội phản khắc nhau, thì quyền Giáo Tông và Hộ Pháp hiệp lại chỉ định thế nào thì Chánh Trị Đạo phải đi theo thế ấy.

Thẳng Giáo Tông và Hộ Pháp phản khắc nhau thì cả thấy ý kiến chánh trị và nguyện ước của Chúng sanh đều hủy

bỏ. Chừng ấy Hội Nhơn Sanh, Hội Thánh và Thượng Hội phải nhóm lại để thảo luận lần thứ hai nữa.

Trước giờ Bế mạc Thượng Hội (15 phút), Giáo Tông và Hộ Pháp cùng vào Đại Điện mật nghị, rồi trở ra cho Thượng Hội rõ biết Quyết nghị chung của mình.

Quyền Vạn Linh trong nền Chánh Trị Đạo là một quyền rất nên trọng hệ, và phải đủ (03) Hội làm cơ quan thì lập quyền Vạn Linh mới đứng qui tắc.

Nói đến Vạn Linh tức nhiên nói chung cả Bát Hồn, Thần, Thánh, Tiên, Phật thì đã có Hội Thánh và Thượng Hội tức là Thánh Thể của Đức Chí Tôn làm tượng trưng rồi; còn Chúng sanh tức là vật chất, thảo mộc, thú cầm, Nhân loại thì có Nhơn sanh là phẩm tối linh, là thượng đẳng Chúng sanh thay thế bằng hình tượng của Hội Nhơn Sanh. Vậy thì Nhơn sanh không, không đủ kể là Vạn Linh, mà toàn Thánh Thể của Đức Chí Tôn cũng chưa phải là Vạn Linh được.

Ấy vậy, ba Hội phải kế tiếp nhau và phải tổng hợp đủ ba Hội mới có tánh cách đại diện cho Vạn Linh.

Về sự phân quyền (*Séparation des pouvoirs*), xem từ đầu tới cuối cách tổ chức của ba Hội, ta nhận thấy trong nền Chánh Trị Đạo, sự phân quyền chỉ tương đối (*Séparation relative*) mà thôi, chớ không phải phân quyền tuyệt đối (*Séparation absolue*).

Chư Chức Sắc dự Hội, vừa là nhơn viên của Hội Thánh, vừa là Nghị Viên của các Hội, theo ta tưởng thế nào cũng có điều tư vị, song Hiệp Thiên Đài luôn luôn kề cận để quan sát hành tàng, thành thử lúc nào cũng giữ vững nét công bình, và có công bình thì quyền hành mới đủ điều kiện tồn tại và mới có năng lực mãnh liệt đặt điều khiển bộ máy Chánh Trị Đạo quá bao quát.

HIẾN PHÁP CỦA ĐẠO

(PHÁP CHÁNH TRUYỀN)

Trước hãy định nghĩa Hiến Pháp là gì?

Theo nghĩa thông thường, Hiến Pháp là một bản Văn kiện ghi chép những Luật lệ căn bản qui định sự tổ chức quyền Chánh Trị trong một nước và bảo vệ các công quyền của toàn thể công dân.

Pháp Chánh Truyền của Đạo là một bản Văn kiện do huyền diệu Cơ bút của Đức Chí Tôn truyền dạy, qui định sự tổ chức của nền Đại Đạo, Sắc phục của chư Thiên Phong đẳng cấp, quyền hạn của chư Chức Sắc cầm quyền Chánh Trị, hầu giữ vững Chơn Truyền của nền Chánh giáo, không cho có sự xâm phạm, giữ gìn cho cơ Đạo khỏi qui phạm.

A- HIẾN PHÁP CÓ HAI LOẠI.

1- Bất thành văn Hiến Pháp: Ngày trước không có Hiến Pháp, chỉ có các Điều Lệ do phong tục, tập quán vì thời gian mà biến thành. Bởi nguyên căn của nguồn gốc do sự biến thiên của tập tục và không văn kiện làm bằng chứng cho nên thường bị xâm phạm. Vì thế về sau, muốn cho nó được tôn trọng, cần phải biên chép thành Hiến Chương gọi là **Hiến Pháp**.

2- Thành văn Hiến Pháp: Là thứ Hiến Pháp lấy từ chương làm căn bản, được thông dụng trong các nước, vì nó ấn định một cách minh bạch quyền hạn của Chánh Phủ, công nhận và bảo đảm các quyền tự do Chánh Trị cùng tự do Dân sự của nhân dân.

Hiến Pháp thành văn lập thành do nhiều cách:

a- Do Vua ban.

b- Do sự cam kết giữa Vua và dân.

c- Do Quốc Hội Lập Hiến làm ra.

Pháp Chánh Truyền thuộc về loại Hiến Pháp thành văn, và lập thành theo cách thứ nhất, song có điều khác nhau với Đời là Hiến Pháp do Vua ban hành, còn Pháp Chánh Truyền do Đấng Chí Tôn dụng quyền năng Thiêng Liêng của huyền diệu Cơ bút mà truyền thế.

B- SO SÁNH CÁC TÍNH CHẤT CỦA HIẾN PHÁP VÀ PHÁP CHÁNH TRUYỀN

1- Hiến Pháp khác với Pháp luật thường.

Thường trong một nước, sau khi lập Quốc, lập tức Chánh Phủ triệu tập một Quốc Hội Lập Hiến, để lập Hiến Pháp, do theo Dân nguyện. Xong rồi, Quốc Hội Lập Hiến giải-tán, để triệu tập Quốc Hội Lập Pháp, chỉ có quyền hạn lập thành các Pháp luật thường để thi hành Hiến Pháp mà thôi.

Trong nền Đạo, có ba Nghị Hội hiệp lại làm cơ quan cho quyền Vạn Linh. Ba Hội ấy, quyền hạn tương đồng như Nghị Hội Lập Pháp, chỉ lập Pháp Luật thường do nguyện ước của Nhơn sanh, đặng thi hành Chơn Truyền Chánh giáo là Pháp Chánh Truyền.

2- Cứng tánh HiếnPháp và nhu tánh HiếnPháp.

Khi Nghị Hội Lập Pháp không có quyền sửa đổi Hiến Pháp thì Hiến Pháp ấy gọi là cứng tánh Hiến Pháp (*Constitution rigide*). Trái lại, khi Nghị Hội Lập Pháp sửa đổi Hiến Pháp đặng, như các Pháp luật thường thì Hiến Pháp ấy gọi là nhu tánh Hiến Pháp (*Constitution souple*).

Pháp Chánh Truyền thuộc về loại cứng tánh Hiến Pháp, bởi nó bất di, bất dịch, bất khả xâm phạm và ba Hội lập Quyền Vạn Linh không có quyền sửa cải.

3- Hiến Pháp đại yếu và Hiến Pháp chi tiết.

Những bản Hiến Pháp nào nói tỉ mỉ về sự tổ chức các cơ quan, các ty, các sở, như Hành Chánh, Tư Pháp, v.v.. gọi là Hiến Pháp chi tiết. Thứ Hiến Pháp này rất bất tiện, vì phải sửa đổi luôn, mà sửa đổi Hiến Pháp là một điều phiền phức.

Còn Hiến Pháp đại yếu, chỉ nói những điều thật bao quát. Các Điều lệ chi tiết để cho Nghị Hội Lập Pháp tùy nghi ấn định cho hợp thời.

Pháp Chánh Truyền thuộc loại Hiến Pháp đại yếu.

CHƯƠNG THỨ BA
CỬU TRÙNG ĐÀI
QUYỀN HÀNH CHÁNH

TỔ CHỨC HÀNH CHÁNH CỦA ĐẠO

Sự tổ chức bắt đầu từ dưới lên trên. Nền móng tổ chức này là Hương Đạo, nhiều Hương Đạo lập thành Tộc Đạo, nhiều Tộc Đạo lập thành Châu Đạo, nhiều Châu Đạo lập thành Trấn Đạo. Các Trấn Đạo trực tiếp liên lạc với Cửu Viện, tức là (09) Viện, đối chiếu Lục Bộ Thượng Thơ của Triều Đình, hay Hội Đồng Tổng Trưởng theo Chế độ Dân chủ.

Từ Trấn Đạo trở xuống thuộc về Hành Chánh Địa Phương, còn từ Cửu Viện trở lên là Cơ quan trụ cốt ở Tòa Thánh, cầm quyền cai trị toàn Đạo.

BẢNG TỔ CHỨC QUYỀN HÀNH CHÁNH

GIÁO TÔNG

Thái Chưởng Pháp Thượng Chưởng Pháp Ngọc Chưởng Pháp

Thái Đầu Sư Thượng Đầu Sư Ngọc Đầu Sư

Th. Chánh Phối Sư Thg. Chánh Phối Sư Ng. Chánh Phối Sư

Thượng Thống Cửu Viện

Khâm Trấn Đạo

Khâm Châu Đạo

Đầu Tộc Đạo

Bàn Trị Sự

***Đề ý:** Trong lúc loạn Đạo, ba vị Đầu Sư cầm quyền thống nhất, đầu Giáo Tông hay Hộ Pháp cũng phải tuân mạng.

Đầu Sư, Giáo Tông và Hộ Pháp hiệp lại thường gọi là “**Hội Thánh Anh**”.

THÁI, THƯỢNG, NGỌC ĐẦU SƯ
GIÁO TÔNG HỘ PHÁP

Điều chưa từng thấy và rất nên đặc biệt chú ý trong Chánh Trị Đạo là “**Hội Thánh Em**” tổ chức tại Hương Đạo.

- *Chánh Trị Sự* : **Đầu Sư Em**
- *Phó Trị Sự* : **Giáo Tông Em**
- *Thông Sự* : **Hộ Pháp Em.**

Vậy Đạo Cao Đài có một **Hội Thánh Anh** mà hằng hà sa số **Hội Thánh Em**, vẫn tấn hóa mãi mãi lên, và nhờ như vậy, không một quyền lực nào có thể diệt tiêu Hội Thánh của Đạo Cao Đài cho được.

HÀNG PHẨM ĐỐI QUYỀN

- **Cửu Viện** : *Phối Sư cầm quyền Thượng Thống.*
- **Trấn Đạo** : *Giáo Sư cầm quyền Khâm Trấn Đạo.*
- **Châu Đạo** : *Giáo Hữu cầm quyền Khâm Châu Đạo.*
- **Tộc Đạo** : *Lễ Sanh cầm quyền Đầu Tộc Đạo.*
- **Hương Đạo** : *Chánh Trị Sự cầm quyền Đầu Hương Đạo.*
- **Ấp Đạo** : *Phó Trị Sự cầm quyền Hành Chánh.
Thông Sự cầm quyền Tư Pháp.*

Trong việc Hành Chánh, Nam, Nữ đều phân quyền.

Mỗi vị Thượng Thống có một Phụ Thống và nhiều thừa quyền Phụ Thống giúp việc. Trong các Hương Đạo thì Bàn Trị Sự Nam, Nữ cũng hành sự riêng biệt.

Hội Thánh phái Nữ cũng tổ chức y như Hội Thánh Nam phái, duy có một điều là phẩm cùng tột của Nữ là ĐẤU SỬ.



THIÊN PHỤC

của Chức Sắc Cử Trùng Đài

(Xem Pháp Chánh Truyền Chú Giải)



QUYỀN HÀNH

(Xem rõ trong Pháp Chánh Truyền Chú Giải)

GIÁO TÔNG

Giáo Tông là người thay mặt cho Đức Chí Tôn tại thế, giáo hóa diu dắt toàn thể con cái Chí Tôn cho đến tột bậc ngang hàng cùng Thầy, trọn quyền dung nạp tâm lý của toàn thể Nhơn loại đặng tạo thành một cơ quan Chánh Trị Thiên Triều, trọn cả đường Đạo và đường Đời cho trọn câu Thể Thiên Hành Hóa.

Ngôi Giáo Tông là tột bậc của loài người, mà chỉ truyền Hiền chớ không truyền Tử. Như thế mới có thể lập đời Thánh Đức trường tồn được.

Tại sao Quyền Chí Tôn lại chia làm hai?

Trước kia Đạo Thánh, Chí Tôn vì quá thương Nhơn sanh, đã giao phần Hồn và phần Xác cho Đức Chúa Giê Giu (*Jésus Christ*) đủ quyền năng lập Đạo. Trái lại, Nhơn sanh lợi dụng lẽ thương yêu ấy, nhứt là những kẻ kế vị cho Chúa, vì mang phàm thân, nhục thể, thành ra quá lạm dụng quyền Tối cao ấy

như ngọn gươm bén mà sát phạt con cái của Chí Tôn. Chính Chí Tôn đã nói: “Vì quá thương mà ban cho”.

Ngày nay Chí Tôn cũng không phải đến lấy lại, mà chỉ chia đôi quyền hành ấy ra cho Giáo Tông và Hộ Pháp. Giáo Tông chỉ có quyền dìu dẫn con cái của Chí Tôn về phương châm giáo hóa, chánh Trị cho thuần phong mỹ tục, thay quyền cho Chí Tôn trong đường Đạo và đường Đời mà thôi.

Còn Hộ Pháp có đặc quyền gìn giữ Luật pháp, bảo thủ Chơn Truyền, gìn giữ ngôi vị cho con cái Chí Tôn, không cho loạn hàng thất thứ.

Phương pháp ấy, Chí Tôn rất công bằng và chia đôi cho Lưỡng quyền, không thể chuyên chế để áp dụng mà hà hiếp con cái của Người.

CHƯƠNG PHÁP *(Cardinal Censeur)*

Ba vị Chương Pháp là người có phận sự đặc biệt của Hiệp Thiên Đài mà phẩm vị lại ở bên Cửu Trùng Đài. Ấy là Thánh ý của Đức Chí Tôn muốn Cửu Trùng Đài phải có Hiệp Thiên Đài chăm nom gìn giữ làm thế nào cho nền Chơn Giáo của Đức Chí Tôn không qui phạm. Nhờ vậy mà Chánh Trị Đạo không tự tung, tự tác, tự do canh cải mà làm mất nét Đạo đức, để xứng đáng là một nền chánh trị của Trời tại thế có sự công bằng hi hữu vậy.

Tại sao Thượng Chương Pháp mặc áo trắng?

Thượng Chương Pháp có quyền thay thế cho Giáo Tông khi vắng mặt (*Pour remplacer le Pape par interim*). Áo của Giáo Tông màu trắng tức là màu nguồn gốc của Đạo. Đạo không màu sắc, hay tượng trưng một màu rất trong sạch là *trắng*, là màu vô tội, trắng có thể biến ra các màu vàng, xanh, đỏ, v.v.. Trở lại màu trắng, tức là qui hồi căn bản vậy.

ĐẦU SƯ (*Cardinal*)

Đầu Sư là Thầy của các Thầy khác. **Người có nửa quyền Tư Pháp và nửa quyền Hành Chánh.** Người đứng trung gian giữa Giáo Tông và Chánh Phối Sư, nghĩa là giữa người cầm quyền cai trị Tối cao và người đại diện của Nhơn sanh là kẻ bị trị.

Đã được trách vụ quan trọng như thế, nhưng không có quyền trực tiếp thân cận với Nhơn sanh, việc chi cũng phải đi ngang qua tay Chánh Phối Sư mới được. Nếu không truất quyền ấy thì Đầu Sư có thể giục loạn, làm cho con cái của Chí Tôn phải chia phe phân Phái.

Bởi cố, nên khi nào có loạn Đạo, Đầu Sư được cầm Quyền Thống Nhất, dụng độc tài mà trị loạn, dầu cho vị Chức Sắc Thiên Phong nào nhỏ hay lớn, cho đến Giáo Tông và Hộ Pháp cũng phải tuân theo mạng lệnh của Người khi hành sự. Nhưng khi nào hết loạn Đạo, thì không được dùng Quyền Thống Nhất nữa.

Chí Tôn lập Đạo, phân phát quyền hành cho mỗi con cái của Người, nhưng vẫn hạn định đặng tránh sự bất công.

Tại sao truất quyền thân cận với Nhơn sanh?

Chỉ có phẩm Đầu Sư và Chưởng Pháp được quyền tranh cử nếu khuyết Ngôi Giáo Tông. Nếu không truất quyền thân cận với Nhơn sanh của Đầu Sư thì Chưởng Pháp không trông gì tranh cử đặng.

PHỐI SƯ (*Archevêque*)

Phối Sư là người cầm đầu giềng mối Chánh Trị của Đạo, có (36) vị, chia ra làm (03) Phái, mỗi Phái (12) vị, trong (12) vị phải có một vị Chánh.

1-Thái Chánh Phối Sư: Lo về mặt Tài Chánh, gìn giữ sản nghiệp của Đạo, làm Chủ Tọa Hội Thánh.

Dưới quyền Thái Chánh Phối Sư có (03) Viện:

- **Hộ Viện:** Lo việc thu xuất tài chánh, phân phát lương hưởng, phụ cấp cho Chức Sắc (*Trésorerie*).

- **Lương Viện:** Bảo đảm sự sanh nhai, tìm phương nuôi sống toàn Đạo về mặt vật thực. (*Intendance*).

- **Công Viện:** Lo việc tạo tác dinh thự, đường giao thông, gìn giữ sản nghiệp của Đạo. (*Travaux publics*).

2- Thượng Chánh Phối Sư: Lo về mặt ngoại giao với Chánh Phủ, giữ quyền giáo hóa, làm Chủ Tọa Hội Nhơn Sanh, dưới quyền có (03) Viện:

- **Học Viện:** (*Instruction publique*) Lo bảo toàn: Thể, Trí, Đức dục của toàn thể Chức Sắc, Đạo Hữu và Nhi đồng.

- **Y Viện:** (*Santé publique*) Chuyên môn khoa cứu tế, lo trị các chứng bệnh của toàn Đạo.

- **Nông Viện:** (*Agriculture*) Lo khai phá mở mang đồn điền, chuyên về trồng tía.

3- Ngọc Chánh Phối Sư: Nắm quyền tạp tụng, cầm quyền Chủ Trưởng Chức Sắc, lo việc văn từ, chưởng quản (03) Viện:

- **Hòa Viện:** (*Affaires intérieures et extérieures*) Lo về nội, ngoại giao, gìn giữ trật tự và bảo an toàn Đạo.

- **Lại Viện:** (*Service du personnel*) Lo về công văn, Bộ Đạo, Bộ Khai Sanh, Bộ Khai Tử, Bộ Hôn Thú, Bộ Chức Sắc Hành Chánh, thuyên bổ Chức Sắc trấn nhậm các nơi.

- **Lễ Viện:** (*Service des Rites*) Lo về nghi tiết, cúng kiến, quan, hôn, tang, tế.

Cả (09) Viện trên đây họp lại gọi là Cửu Viện Nội Chánh, tức là Nội Các của Đạo vậy.

GIÁO SƯ (*Evêque*)

Giáo Sư cầm quyền cai trị của Đạo trong một Trấn, hay một Nước. Toàn thể Đạo có (72) vị Giáo Sư chia làm (03) Phái: Thái, Thượng, Ngọc, mỗi Phái (24) vị, chẳng đặng tăng thêm hay giảm bớt. Giáo Sư được rộng quyền dạy dỗ Nhơn sanh trọn vẹn đường Đạo và đường Đời. Có quyền xin chế giảm Luật lệ cho hạp với trình độ trí thức, hay sanh hoạt của Nhơn sanh.

GIÁO HỮU (*Prêtre*)

Giáo Hữu cầm quyền cai trị của Đạo trong một Châu hay rộng hơn, sau này trong một Nước nhỏ, được quyền thân cận với Nhơn sanh đặng phổ thông Chơn Đạo của Thầy, thay mặt Giáo Sư khai đàn cho chư Đạo Hữu. Cả thầy có 3.000 Giáo Hữu, không đặng tăng thêm hay giảm bớt, chia ra mỗi Phái là 1.000 người. Giáo Hữu cũng có quyền xin chế giảm Luật lệ như Giáo Sư, nhưng phải đi theo đẳng cấp.

LỄ SANH (*Élève Prêtre*)

Thánh Giáo của Đức Chí Tôn nói rằng: Lễ Sanh là đứa có hạnh trong con cái của Thầy lựa chọn, để hiến lễ trọn cho Thầy.

Nhờ ơn Đức Lý Giáo Tông định cho, theo Đạo Nghị Định thứ ba, Điều thứ hai cho Lễ Sanh được cầm quyền Hành Chánh một Tộc Đạo.

Số Lễ Sanh không có giới định, bao nhiêu cũng được. Phải vào hàng Lễ Sanh mới mong nhập vào Thánh Thể của Đức Chí Tôn được.

THIÊN PHỤC

(*Thiên Phục của Chức Sắc Nam, Nữ xem Pháp Chánh Truyền*).

*Về Tiểu Phục Nam Phái:

Do theo ý nguyện của Hội Nhơn Sanh năm Bính Tuất, được Hội Thánh năm Đinh Hợi và Thượng Hội năm Mậu Tý phê chuẩn cho Chức Sắc Hành Chánh Nam Phái được mặc một kiểu Đạo Phục mới, thế vì cho Tiểu Thiên Phục.

Đạo Phục mới này gồm có:

1- Một áo cổ bẻ, tay chẹt, giống như Đạo Phục của Chức Sắc Hiệp Thiên Đài, yếm tâm dài tới bụng, đơm chín nút, ý nghĩa là Cửu Trùng Đài. Bề dài áo này còn 15 phân nữa thì chấm đất.

2- Một cái áo choàng ngoài, may bề dài dài hơn áo trong 5 phân, và hai bên may dính lại, chỉ chừa mở dài xuống ngay phía bụng. Cổ như cổ áo Bà lai rộng, làm thế nào để nó có thể chừa vón vẹn cổ trong ra ngoài.

3- Một biểu hiệu hình chữ nhật (5 phân x 3 phân) sơn màu theo sắc Phái, và có chữ Nho (*Lối cổ tự*) ghi phẩm vị của mỗi người, mang bên tay trái, ngay trái tim. (*Vì cổ tự ít người đọc được, nên sau này cho để chữ Quốc ngữ*).

4. Về phần mũ, thì dùng mũ Tiểu Phục cũ, song tất cả đều đổi lại màu trắng.

Sau này có lệnh mới cho Chức Sắc Nam Phái được dùng khăn đen thường thế vì mũ Tiểu Phục.

PHƯƠNG PHÁP LẬP VỊ VÀO THÁNH THỂ CỦA ĐỨC CHÍ TÔN.

Phương pháp lập vị vào nền Đạo, bắt đầu từ Hương Xã, tuyển chọn kẻ làm quan trong khối dân, lựa tài, lọc đức, đào luyện bằng cách lập công bồi đức, có 3 phương cách:

1- Cầu phong chiếu theo Đạo Luật năm Mậu Dần (1938)¹

2- Do Khoa mục tuyển chọn.

3- Do quyền Chí Tôn ân tứ.²

Chí Tôn nói rằng lập Đạo cho các con cái của Ngài, Ngài lựa ra:

Nhứt Phật,

Tam Tiên,

Tam Thập Lục Thánh.

Thất Thập Nhị Hiền.

Tam Thiên Đồ đệ.

Nhứt Phật là phẩm **Giáo Tông**.

Tam Tiên là ba vị **Đầu Sư**.

Tam Thập Lục Thánh là 36 **Phối Sư**.

Thất Thập Nhị Hiền là 72 **Giáo Sư**.

Tam Thiên Đồ Đệ là 3.000 **Giáo Hữu**.

Hiệp tâm cộng trí lập thành Hội Thánh, tức là Thánh Thể của Đức Chí Tôn đặng thay thế cho Ngài tại thế.

Cho nên theo Thể Pháp, phẩm vị tại thế này đối với phẩm vị Thiêng Liêng trong Cửu Phẩm Thần Tiên.

1- Hễ vào Đạo rồi, tức nhiên

đứng vào hàng

: *Địa Thần*.

¹ Luật cầu phong áp dụng từ hàng Lễ Sanh, những người dự Sổ cầu phong phải là Chánh Trị Sự có 5 năm công nghiệp đầy đủ và tròn trách nhiệm. Một đôi khi có lệnh Ân xá cho những Phó Trị Sự hoặc Thông Sự lâu năm được đem tên vào Sổ cầu phong.

Đạo Hữu có công nghiệp phi thường cũng được dự Sổ cầu phong. Và Chức Sắc Ban Thế Đạo từ phẩm Hiền Tài được cầu ân phong vào phẩm Giáo Hữu đở lên. Ngoài ra mọi người đều phải đi qua mặt luật Chánh Trị Sự 5 năm tất cả.

² Quyền Chí Tôn ân tứ cho các Chi Phái gia nhập về Hội Thánh và do theo công nghiệp phi thường của họ.

- 2- Bàn Trị Sự: Chánh, Phó Trị Sự,
 Thông Sự vào hàng : *Nhơn Thân.*
 3- Lễ Sanh : *Thiên Thân.*
 4- Giáo Hữu : *Địa Thánh.*
 5- Giáo Sư : *Nhơn Thánh.*
 6- Phối Sư : *Thiên Thánh*³.
 7- Đầu Sự : *Địa, Nhơn Tiên.*
 8- Giáo Tông : *Thiên Tiên tức là*

Phật Vị.

Từ hàng Giáo Hữu trở lên, con số đã qui định sẵn rồi, hiện giờ nền Đạo đang trong thời kỳ phôi thai, còn dễ dàng cho con cái Đức Chí Tôn lập vị mình. Khi Đạo đã phổ thông khắp Địa cầu này, con số Thánh Thể Đức Chí Tôn đã đủ người đứng vào Phẩm vị, thì sự thăng vị ấy nhận thấy khó khăn vô đối.

Số Lễ Sanh thì hằng hà, bao nhiêu cũngặng, cũng chia ra 3 Phái: Thái, Thượng, Ngọc. Thăng như có một vị Giáo Hữu Phái Thái qui liễu, tất cả Lễ Sanh xúm nhau công cử một vị Phái Thái đặng thay thế, mà chỉ chọn một người của Phái Thái thôi, còn hai Phái kia còn chờ đợi.

Một thí dụ nữa: Như có khuyết phẩm Giáo Sư Phái Thượng, cả thầy Giáo Hữu xúm nhau công cử một vị trong 1.000 vị Giáo Hữu Phái Thượng cho thăng vị, còn 2.999 vị kia phải chờ đợi, sự quan hệ do ở con số mà cũng do nơi sắc Phái nữa.

³ Theo chữ Nho thì chữ Phối có nghĩa là “So sánh”, nên phẩm Phối Thánh là so sánh ngang hàng với phẩm Thánh. Nên Phối sư là Phối sư, Phối Thánh là Phối Thánh chứ Phối Thánh không phải là Phối sư. Theo Nho Giáo có bốn phẩm Thánh kể từ trên xuống là: Tôn Thánh, Thuật Thánh, Á Thánh và Phối Thánh.

Cũng vì các sự khó khăn trên đây, nên những Chức Sắc Hàm Phong hay hưu trí (*Quá 60 tuổi*) không còn kể vào con số nhứt định của Thánh Thể đương quyền Hành Chánh được.

Hai ví dụ nói trên về hàng Thánh Thể, nghĩa là từ Giáo Hữu (*Hàng Thánh*) trở lên, còn về phần Bàn Trị Sự trong Hương Đạo, cách thức công cử cũng đã có phần khó nhiều rồi. Được đứng tên vào sổ Cầu phong lên Lễ Sanh phải là Chánh Trị Sự đầy đủ công nghiệp (05) năm và tròn trách vụ.

Bực Đạo Hữu muốn lên Chánh Trị Sự, phải bao nhiêu công đức. Tỷ như trong Hương Đạo có 4 Ấp (Hay Lý), mỗi Ấp lẽ cố nhiên có một vị Thông Sự và một vị Phó Trị Sự, cả 4 Ấp cộng lại là 8 vị, nếu cứ theo thứ tự mà công cử mỗi Ông làm Chánh Trị Sự một Khóa thì vị nào chót cũng phải mất (05 năm x 8 người) 40 năm mới được dự sổ Cầu phong, thì chừng ấy đã lụn cụn rồi. May mắn thay, thỉnh thoảng cũng có kỳ ân xá và thăng thưởng về Công nghiệp phi thường do quyền Chí Tôn ân tứ.

Ấy vậy, trong trường đoạt vị, chỉ có lập công và bồi đức là biết tòng Thánh ý của Đức Chí Tôn, vì phẩm vị tại thế này đối hàng với phẩm vị Thiên Liêng, nên càng khó khăn càng có giá trị xứng đáng.

NHỮNG TRƯỜNG HỢP CẦU PHONG NGOÀI MẶT LUẬT CHÁNH TRỊ SỰ (05) NĂM.

Chiếu theo Đạo Luật năm Mậu Dần (1938) về khoản Cầu phong của Hành Chánh thì mọi người đều phải chịu điều kiện (05) năm Công nghiệp đầy đủ và tròn trách nhiệm ở phẩm Chánh Trị Sự, mới được đem tên vào sổ Cầu phong Lễ Sanh.

Song cũng có nhiều trường hợp Cầu phong vào hàng Lễ Sanh qua khỏi mặt Luật ấy, do nơi Quyền Thống Nhứt Chánh Trị Đạo ban cho:

- Giáo Nhi
- Lễ Sĩ.
- Đầu Phòng Văn.
- Bảo Thẻ Quân.
- Tạo công: Sở Mộc và Sở Hồ.
- Giáo viên trường Đạo Đức.
- Sĩ Quan Cơ Thánh Vệ.
- Bộ Lễ, Nhạc.
- Điều Dưỡng Viên, Bộ Y Tế.

Giáo Nhi, do nơi Sắc Lệnh số 51 đề ngày 09 tháng 11 năm Bính Tý (22-12-1936) năm thứ 10, thì Giáo Nhi và Lễ Sĩ trọn hiến thân và có Cấp bằng của Hội Thánh, cứ đủ (05) năm công nghiệp thì đặng thăng thưởng Lễ Sanh, khỏi phải đem ra quyền Vạn Linh công nhận.

Còn những Giáo Nhi nào theo mặt thế, nghĩa là có chồng con mà còn hành sự tại làng của mình, thì buộc mỗi năm dạy cho được (36) Đồng nhi, Chức Việc sở tại, mới được đem vào sổ Cầu phong.

Đầu Phòng Văn đủ (05) năm Công nghiệp hành sự kể từ ngày được chấm đậu do Khoa mục tại Tòa Thánh.

Bảo Thẻ Quân đủ (05) năm Công nghiệp hành sự tại Tòa Thánh ở địa vị Chánh Bảo Thẻ.

Châu vi Tòa Thánh có cơ quan Công thợ Sở Hồ và Sở Mộc, chưa định hàng phẩm tương đối với các cơ quan khác, để mở đường lập vị, nên mới có Thánh Lệnh số: 231/TL ngày 09 tháng 07 Canh Dần, đặt riêng cho Công thợ những danh từ và chức vụ như vậy:

- 1- Tá Lý coi về một Sở.
- 2- Phó Tổng Giám làm đầu nhiều Sở dưới quyền Tổng Giám.
- 3- Tổng Giám kiểm soát toàn thể các Sở.

Những chức vụ này đối hàm như vậy:

- Tá Lý đối hàm Chánh Trị Sự hay Hành Thiện.
- Phó Tổng Giám đối hàm Lễ Sanh hay Giáo Thiện.
- Tổng Giám đối hàm Giáo Hữu hay Chí Thiện.

Mỗi Bậc cũng phải hành sự đủ (05) năm Công nghiệp mới đặng thăng lên và tới bậc Tổng Giám thì được Hội Thánh đem ra quyền Vạn Linh công nhận vào hàng Giáo Sư, sau khi đầy đủ Công nghiệp.

Giáo viên Nam, nữ Đạo Đức Học Đường hành sự đúng (05) năm Công nghiệp được ân phong vào hàng Lễ Sanh có Tờ Hiến thân trọn đời cho Hội Thánh.

Sĩ Quan Cơ Thánh Vệ (*Bất luận phẩm nào trong hàng phẩm Sĩ Quan Cơ Thánh Vệ*) mà chức vị Bảo Thể đã đặc lệnh bổ dụng trong Cơ Thánh Vệ được nay đủ (05) năm hành sự được đem tên vào sổ Cầu phong Lễ Sanh. (*Sau này Sĩ Quan quân đội có từ cấp Úy đổ lên được xin cầu phong Lễ Sanh*).

Ngoài ra các trường hợp vừa kể trên, nơi Chương thứ ba, Điều thứ 14, Khoản thứ sáu, Đạo Luật năm Mậu Dần (1938) nói như vậy:

- Ngoài ra các vị nhân viên Phổ Tế (Tức là Chức Sắc, Chức Việc thuộc cơ quan Phổ Tế của Hội Thánh) nếu có Chức Việc hoặc Đạo hữu nào độ đặng từ 500 tới 1.000 người ngoại Đạo Nhập môn, thì vị ấy sẽ được Hội Thánh đem ra quyền Vạn Linh cầu xin phong thưởng vào phẩm Lễ Sanh, từ 1.000 tới 3.000 thì được vào phẩm Giáo Hữu.

Từ 3.000 đến 10.000 thì đặng vào phẩm Giáo Sư.

CHƯƠNG THỨ TƯ

HIỆP THIÊN ĐÀI - QUYỀN TƯ PHÁP

Người ta thường định nghĩa Quyền Tư Pháp về mặt Đời, là biến tấu của quyền Hành Pháp, nghĩa là trong các trường hợp nào mà Pháp luật đem ra thi hành không được tôn trọng, thì người ta dùng Quyền Tư Pháp đặng cưỡng chế người tuân theo.

Theo Nguyên tắc phân quyền thì Quyền Tư Pháp là một quyền độc lập, riêng biệt với quyền Lập Pháp và Hành Pháp. Các Tư Pháp Quan là các viên chức bất khả xâm phạm, bất khả bãi miễn, bất khả giáng cách. Quyền Tư Pháp của Đời để bảo vệ Pháp luật, có nhiệm vụ giải thích tùy trường hợp thực tế, để cho mọi người biết tôn trọng các Pháp luật ấy, nghĩa là giải quyết các vụ tranh tụng quyền lợi giữa Nhơn dân (*Dân-sự*) và trừng trị những tội xâm phạm Pháp luật (*Hình sự*).

Về mặt Đạo, quyền Tư Pháp do Hiệp Thiên Đài đảm nhiệm, có phận sự **bảo thủ Chơn Truyền của Đức Chí Tôn**, gìn giữ các cơ quan Chánh Trị Đạo đi trong khuôn viên Đạo pháp.

Chức Sắc Hiệp Thiên Đài chia làm ba Chi thuộc quyền Hộ Pháp, Thượng Phẩm và Thượng Sanh Chưởng quản.

- HỘ PHÁP : Chưởng Quản **Chi Pháp**.
- THƯỢNG-PHẨM : Chưởng Quản **Chi Đạo**.
- THƯỢNG-SANH : Chưởng Quản **Chi Thế**.

Ba Chi đều có phận sự về Tư Pháp, song phân ra như sau đây:

- **Chi Pháp** : Phận sự định Án.

- **Chi Đạo** : Phận sự cải Án.
- **Chi Thế** : Phận sự buộc tội.

Dưới đây là đoạn trích lục trong Pháp Chánh Truyền Chú Giải (Từ trang 48 đến 54, Thái Hòa Ấn quán, in lần thứ ba).

“Trước khi Thầy lập Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài, Thầy kêu “Cả chư Môn đệ khá tuân mạng” thì Thầy đã chỉ rõ rằng: Thầy lập Hiệp Thiên Đài rất trọng hệ là đường nào. Sự trọng hệ ấy là chi? Sau đây nên giải rõ:

Cơ Tạo Hóa chỉ có hai bí mật tối trọng, một là quan sát sự Hữu hình, hai là xét đoán sự Vô vi; quan sát sự Hữu hình thì dễ, mà xét đoán sự Vô vi vẫn rất khó, Hữu hình với Vô vi chỉ phân nhau với màn bí mật. Từ thuở tạo Thiên lập Địa, dầu cho bậc trí thức Nhơn sanh đặng tấn hóa lên tới bậc Đại giác đi nữa, cũng chưa hề có phương thế hé trọn vẹn màn bí mật ấy mà dòm qua phía Vô vi cho đặng, nhưng Nhơn sanh đã có sẵn nơi tay một cái chìa khóa, là xem cơ tương đặc của Hữu hình và Vô vi trong sự sanh hoạt của vạn vật. Vô vi và Hữu hình phải hiệp làm một, mới thuận theo cơ Tạo. Trời Đất có Âm Dương, vạn vật có thể phách, Nhơn loại có xác hồn. Sự sống của vạn loại trong Càn khôn thế giới chỉ nhờ có vật chất (*La matière*) và tinh thần (*L'essence*) tương hiệp thành hình.

Cả Vật chất hồn, Thảo mộc hồn, Thú cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn, Phật hồn, đều khác đẳng cấp nhau, nên hình thể cũng biến sanh ra khác. Vật chất không giống Thảo mộc, Thảo mộc không giống Thú cầm, Thú cầm không giống Người, Người không giống Thần, Thần không giống Thánh, Thánh không giống Tiên, Tiên không giống Phật, Phật không giống Trời. Nói tóm một lời, hình thể tâm thần đều khác hẳn.

Vật chất (*La matière*) phải tùng lịnh tinh thần (*L'essence*) mà lập thành hình tướng. Cái cơ hiển nhiên là hình thể của

nhơn loại cũng phải tùy tinh thần mà biệt phân đẳng cấp. Kể hung bạo thì hình dung cổ quái, còn người lương thiện thì tướng hảo quang minh, nhờ đó mà cổ nhơn xem tướng đoán tánh người.

Xác phải phù hạp với hồn, cũng như vật chất phải phù hạp với tinh thần, vật chất vốn Hữu hình, mà tinh thần lại Vô vi, Vô vi cùng Hữu hình phải tương đắc, thấy Hữu hình đoán Vô vi, biết Vô vi mới định quyết Hữu hình.

Ấy vậy, Cửu Trùng Đài là Xác, Hiệp Thiên Đài là Hồn. Đã nói rằng Cửu Trùng Đài là Đời, tức nhiên là Xác của Đạo, còn Hiệp Thiên Đài là Đạo, tức nhiên là Chơn Thần của Đạo, vậy thì xác thịt có định hạn lệ đẳng cấp, chớ Chơn Thần chẳng hề định hạn lệ đẳng cấp đặng. Nhiều Đấng Thiêng Liêng cao mà lại tái thế xuống ra hèn hạ, còn có nhiều Đấng Thiêng Liêng thấp, một phen đắc Đạo, lập vị cao trọng tột phẩm, vậy thì Thiêng Liêng không có giới hạn, tức là Đạo không có giới hạn. Ấy là cơ bí mật của Đạo vậy.

Chư Hiền Hữu cùng chư Hiền Muội sẽ thấy rằng: Thầy không quyết định trách nhiệm của mỗi người Chức Sắc Hiệp Thiên Đài bởi cơ mà gây nên lăm điều trắc trở trong phẩm trật của cả Thiên Phong. Nghĩa là để tự nhiên cho cả Chức Sắc Hiệp Thiên Đài lập vị mình thế nào cho xứng đáng cùng phẩm định.

Cửu Trùng Đài là Đời mà Hiệp Thiên Đài là Đạo, cho nên buộc Đời phải nương Đạo mà lập ra thiết tướng, mới mong độ rỗi Nhơn sanh chuyển cơ Tạo Hóa. Cái hệ trọng là nếu không có Hiệp Thiên Đài thì không có Đạo, Trời Đất qua chớ Đạo không qua, Nhơn loại tuyệt chớ Hiệp Thiên Đài không tuyệt (*Hay lăm!*)⁴.

⁴ Chú ý: Những chữ "Hay, hay lăm!" là lời khen của Đức Lý Giáo Tông.

Hiệp Thiên Đài là tay vén màn bí mật cho sự Hữu hình và Vô vi hiệp làm một, tức là tay làm cho Đạo với Đời tương đắc vậy. Vì cơ ấy mà Thầy giáng Cơ buộc cả chư Môn đệ Thầy chẳng khi nào đặng phép trái mạng lệnh của Thầy.

Dưới đây Thầy đã nói rõ

P.C.T: Hiệp Thiên Đài là nơi Thầy ngự, cầm quyền Thiêng Liêng mối Đạo, hễ Đạo còn thì Hiệp Thiên Đài vẫn còn.

Chú Giải: Thầy là Chúa cả Càn Khôn Thế Giới, tức là Chúa Tể sự Vô vi, nghĩa là Chủ quyền của Đạo, mà hễ Chủ quyền của Đạo ngự nơi nào là Đạo ở nơi ấy.

Thầy đã nói, Hiệp Thiên Đài là nơi Thầy ngự, ấy là nơi Thầy cầm quyền Thiêng Liêng mối Đạo, vậy Đạo còn thì tòa ngự của Thầy là Hiệp Thiên Đài vẫn còn, hễ nói Đạo chẳng hề khi nào bị diệt, vì Đạo diệt thì là tận thế, vậy thì Đạo chưa tuyệt, ắt Hiệp Thiên Đài cũng không tuyệt (*Hay lắm!*).

P.C.T: Thầy đã nói Ngũ Chi Đại Đạo bị qui phạm là vì khi trước Thầy giao Thánh Giáo cho tay phạm, càng ngày càng xa Thánh Giáo mà lập ra Phạm giáo, nên Thầy nhứt định đến chính mình Thầy đặng dạy dỗ các con mà thôi, chớ không chịu giao Chánh Giáo cho tay phạm nữa.

Chú-giải: Câu này Thầy đã nói rõ nghĩa, duy Thầy chỉ than rằng, khi trước Thầy lỡ giao Chánh Giáo cho tay phạm, hễ càng lâu chừng nào thì Thánh Đức lại càng hao mòn mà phạm tâm lại tái phục, Nhon loại sửa cải Chánh Giáo cho vừa theo thế lực của Nhon tình mà lần lần làm cho Chánh Giáo phải trở nên Phạm giáo (*Hay!*).

Nay Thầy nhứt định đến chính mình Thầy đặng dạy dỗ Nhon sanh mà thôi, chớ không chịu giao nền Chánh Giáo của Thầy cho tay phạm nữa.

Thảng như có kẻ hỏi: Như đã nói vậy, sao Thầy lại giao Thánh Giáo cho tay phàm là Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài là ý nghĩa gì? Trong bài diễn văn của Đức Hộ Pháp đọc tại Tòa Thánh ngày 14 tháng 2 năm Mậu Thìn (5-3-1928) có giải rõ rằng: Thầy đến qui các lương sanh của Thầy đã sai đến trước lại làm một, đặng lập Hội Thánh mà làm hình thể của Thầy hầu tránh khỏi hạ trần trong lúc Tam Kỳ Phổ Độ này (Hay!).

Hội Thánh ấy có hai phần tại thế:

- Phần Hữu hình là Cửu Trùng Đài tức là Đời, nghĩa là Xác.

- Một phần Bán hữu hình là Hiệp Thiên Đài, nghĩa là nửa Đời nửa Đạo, ấy là Chơn Thần.

Còn phần Vô vi là Bát Quái Đài, tức là Hồn, ấy là Đạo.

Đã nói rằng Thầy là Chúa tể của sự Vô vi, ắt Bát Quái Đài thì Thầy là chủ, mà chủ Bát Quái Đài là chủ của Hồn Đạo. Hồn hiệp với Xác bởi Chơn Thần. Ấy vậy, Chơn Thần là trung gian của Hồn và Xác, Xác nhờ Hồn mà nên thì Cửu Trùng Đài cũng phải nhờ Hiệp Thiên Đài mới mong thành Đạo (Hay!).

Như có kẻ hỏi nữa: Thầy là Chí Tôn, huyền diệu vô biên, mà lại nói Thầy không giao Thánh Giáo cho tay phàm nữa, sao lại cũng còn phải nhờ Hiệp Thiên Đài, cũng tay phàm vậy? Nếu không Hiệp Thiên Đài, thì Thầy không thể lập Đạo sao?

Ta lại nói: Thầy là Chúa sự Vô vi, nghĩa là Chúa các việc Vô hình, Thầy lại ban cho người đủ khôn ngoan trí thức Thiêng liêng đặng làm Chúa cả sự hữu hình, nghĩa là Chúa cả vạn vật. Nếu muốn cho sự Vô vi và sự Hữu hình đặng tương đắc, thì cả hai Ông Chúa phải liên hiệp với nhau mới đặng, người có sức sửa cơ Tạo Hóa, song Tạo Hóa cũng tùy người mà làm cho vạn loại trở nên Tận Thiện, Tận Mỹ.

Chịu dưới quyền Thiêng Liêng của Tạo Hóa, sanh sanh, tử tử, Luật lệ ấy vốn nơi Trời, số số, căn căn, Thiên Điều đã định, người chỉ đặng có một quyền tự lập là mình làm chủ lấy mình, luân luân, chuyển chuyển dời cho đẹp đẽ Thánh Đức căn sanh, đặng lên tột phẩm vị Thiêng Liêng, mới nhập vào cửa Vô vi, đồng thể cùng Trời Đất (*Hay lắm! Lão khen đó!*).

Quyền tự chủ ấy, vẫn đã định trước, đặng làm cho cả Nhơn sanh vui theo tấn hóa, thì dầu cho Thầy cũng không cãi qua đặng, vì hễ sửa cải, thì mất lẽ công bình Thiêng liêng đã định, làm chình nghiêng cơ thưởng phạt. Hễ có công thưởng, tội trừng, thì phải để rộng quyền cho người tự chủ.

Thiên Cơ đã lập, có Địa Ngục với Thiên Đàng, ấy cảnh thăng, cảnh đọa.

Địa Ngục dành cho kẻ bạo tàn, Thiên Đàng cho người Đạo đức thì cân Công bình Thiêng Liêng đã sẵn. Ấy vậy chẳng buộc ai vào Địa Ngục, mà cũng chẳng nâng đỡ ai đến Thiên Đàng. Đồi đường hiển hiện, tự quyền người lựa chọn, siêu đọa tại nơi mình, các Đấng Thiêng Liêng duy có thương mà chỉ dẫn.

Thầy đến, nếu dùng cả quyền Thiêng Liêng làm cho Chúng sanh thấy đặng đủ Đức tin theo đường siêu mà bỏ nẻo đọa, thì cả Nhơn loại ắt xu hướng vào con đường Đạo đức, thì là Thầy nâng đỡ các Chơn Hồn vào Thiên Đàng, không cho vào Địa Ngục (*Hay!*) thì sự Công Bình Thiêng Liêng bởi nơi nào bền vững. Thưởng phạt ra bất minh, ắt phải truất bỏ cơ luân hồi chuyển kiếp.

Thầy cùng các Đấng Thiêng Liêng không nhơn thân, phạm ngữ, thế nào mà thông công cùng cả Chúng sanh, lại càng cao khó với, khuất không rời, chỉ nhờ lương sanh giúp công gây Đạo đức, Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài là người giúp công cho Thầy và các Đấng Thiêng Liêng gây Đạo.

Luân hồi chuyển kiếp là cơ mầu nhiệm để cho các Chơn hồn đặng cứu chuộc và tấn hóa, nếu truat bỏ cơ mầu nhiệm ấy đi, thì Đạo do nơi nào mà bền chặt?

Nhơn loại có Hóa Nhân, Quỷ Nhân và Nguyên Nhân, ấy là có phân đẳng cấp, nếu Thầy dùng huyền diệu Thiêng liêng mà làm cho Nhơn loại cả thấy đều thấy đặng cơ mầu nhiệm của Đạo, đồng đặng đắc kiếp, thì phẩm vị Thiêng liêng cũng không còn trật tự.

Trước đã nói, Hiệp Thiên Đài là Chơn Thần, Cửu Trùng Đài là Xác thịt, Bát Quái Đài là Linh Hồn, Hồn đặng tương hiệp cùng Xác, phải nhờ Chơn Thần, Chơn Thần lại là bán hữu hình, tiếp Vô vi mà hiệp cùng hình thể, cũng như Đạo tiếp Thánh Đức của các Đấng Thiêng liêng mà rưới chan cho Nhơn loại (*Hay!*).

Nhơn loại đặng liên hiệp cùng Trời thế nào thì Cửu Trùng Đài phải liên hiệp cùng Bát Quái Đài thế ấy.

Bát Quái Đài là Hồn của Đạo mà Thầy đã nắm chặt phần Hồn, thì Xác phải nương theo Hồn mới mong giữ bền sanh hoạt. Hồn Đạo Thầy đã nắm chặt rồi, thì Đạo chẳng hề khi nào còn chịu dưới tay phàm nữa (*Hay lắm! Hay lắm!*). Ấy vậy, Thầy nói không chịu giao Thánh Giáo cho tay phàm nữa là tại vậy.

P.C.T: *Lại nữa, Hiệp Thiên Đài là nơi của Giáo Tông đến thông công cùng Tam Thập Lục Thiên, Tam Thiên Thế Giới, Lục Thập Thất Địa Cầu, Thập Điện Diêm Cung mà cầu siêu cho cả Nhơn loại.*

Chú giải: Câu này đã giải rõ trong Chú Giải Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài Nam phái, nên không cần nói lại.

P.C.T: *Thầy đã nói sử dụng Thiêng Liêng, Thầy cũng nên nói sử dụng phàm trần của nó.*

Chú giải: Sở dụng Thiêng Liêng là Hiệp Thiên Đài làm trung gian của Giáo Tông cùng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật nghĩa là trung gian của Cửu Trùng Đài và Bát Quái Đài, vì Cửu Trùng Đài cầm quyền **Độ Rỗi**, còn Bát Quái Đài cầm quyền **Siêu Rỗi** (Hay!). Cả Chơn Thần toàn trong thế giới đặng tương hiệp nhau, phải nhờ nơi cửa Hiệp Thiên Đài, ấy là phần Thiêng Liêng, còn phần phàm trần, thì cầm quyền Luật lệ, cũng như Đạo có phép Thiên Điều mà gìn giữ Công Bình Thiêng Liêng cơ Tạo, chế sửa Ngươn Tranh đấu ra Ngươn Bảo tồn, làm cho Nhơn loại đặng Hòa bình lánh xa cơ tự diệt (Hay!).

Thượng Ngươn là Ngươn Tạo hóa, ấy là Ngươn Thánh Đức tức là Ngươn Vô tội (*Cycle de création, c'est-à-dire Cycle de l'innocence*).

Trung Ngươn là Ngươn Tấn hóa, ấy là Ngươn Tranh đấu, tức Ngươn Tận diệt (*Cycle de progrès ou Cycle de lutte et destruction*).

Hạ Ngươn là Ngươn Bảo tồn, ấy là Ngươn Tái tạo, tức là Ngươn Qui cố (*Cycle de conservation ou Cycle de reproduction et Rénovation*).

Dưới Cửu Trùng Đài có Tòa Tam Giáo, cũng như Bát Quái Đài có Tòa Tam Giáo Thiêng Liêng. Khi nào có Tòa Tam Giáo Cửu Trùng Đài xử đoán rồi mà người bị cáo còn uất ức hàm oan thì mới kêu nài đến Tòa Hiệp Thiên Đài. Thảng như có Tòa Hiệp Thiên Đài xử rồi mà người bị cáo còn uất ức nữa thì phải kêu nài lên Tòa Tam Giáo Thiêng Liêng là quyền của Bát Quái Đài Chưởng Quản.

Dầu cho lập Tòa Tam Giáo dưới Cửu Trùng Đài, hay là đệ lên Tòa Tam Giáo Thiêng Liêng là Bát Quái Đài cũng đều phải do nơi Hộ Pháp.

***P.C.T:** Hiệp Thiên Đài dưới quyền Hộ Pháp Chương Quán, tá có Thượng Sanh, hữu có Thượng Phẩm, phần của Hộ Pháp Chương Quán về Pháp.*

Chú giải: Vậy thì Hiệp Thiên Đài phải dưới quyền Hộ Pháp Chương Quán, cũng như Cửu Trùng Đài dưới quyền Giáo Tông và Bát Quái Đài dưới quyền Chí Tôn làm Chủ.”

QUYỀN HÀNH HIỆP THIÊN ĐÀI

(Tiếp theo)

CHI PHÁP, CHI ĐẠO, CHI THỂ

CHI PHÁP

HỘ PHÁP LÀ AI?

“Huyền vi mầu nhiệm của Đạo có Thiên Điều, cơ bí mật của Đời có Luật Pháp. Hộ Pháp là người nắm cơ mầu nhiệm của Đạo, nắm Luật của Đời, xử đoán Chư Chức Sắc Thiên Phong và cả Tín đồ, cùng là xin ban thưởng, công thưởng tội trừng nơi thế này. Hễ có phạm tội mới khởi Thiên trị, phải chiếu Luật Đạo cho toàn cả Tín đồ khỏi bị Thiên Điều, giữ phẩm vị Thiên Lương, mỗi Chức Sắc ắt phải gìn giữ Đạo đức của mỗi người. Người dùng hình phạt làm cho giảm tội Thiên Lương (*Hay!*) nắm cơ mầu nhiệm công bình mà đưa các Chơn Hồn vào Bát Quái Đài hiệp cùng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật. Người nắm trọn cả Luật Đạo và Luật Đời đặng xử đoán, làm chủ phòng xử đoán.

Dưới quyền Hộ Pháp có 4 vị:

- **Tiếp Pháp**
- **Khai Pháp**
- **Hiển Pháp**
- **Bảo Pháp**

Bốn vị này đồng quyền cùng Hộ Pháp, khi đặng lệnh Người sai đi Hành chánh song mỗi vị có mỗi phận sự riêng, quyền hành riêng là:



Chân dung ĐỨC HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC

TIẾP PHÁP: Là người tiếp Luật lệ, đơn trạng, kiện thưa, có quyền xét đoán nên phân định hay chẳng, những điều nào không đáng thì chiếu theo Đạo Luật hoặc bỏ qua, hoặc trả lại cho Cửu Trùng Đài, còn như đáng việc phải phân định thì phải dâng lên cho Khai Pháp định đoạt.

KHAI PHÁP: Khi tiếp dâng Luật lệ, đơn trạng, kiện thưa, của Cửu Trùng Đài định xử hay là đã xử nơi Tiếp Pháp dâng lên, thì quan sát coi nên cho cả Chức Sắc Hiệp Thiên Đài biết cùng chẳng, như đáng việc thì tức cấp nhứt diện tư tờ cho Cửu Trùng Đài xin đình đãi nội vụ lại bao lâu tùy ý (Song chẳng dâng quá hơn 15 ngày) nhứt diện trình cho Hộ Pháp hay dâng Hộ Pháp mời nhóm Hiệp Thiên Đài. Khi hội Hiệp Thiên Đài thì Khai Pháp phải khai rõ nội vụ ra cho Hiệp Thiên Đài quyết định, như quyết định phải sửa cải Luật lệ hay là buộc án thì Khai Pháp phải dựng lại cho Hiến Pháp.

HIẾN PHÁP: Khi tiếp được Luật lệ đơn trạng, thì phải mở đường tra vấn cho minh lẽ nên hư, phải trái, đủ chứng cứ rõ ràng, rồi dâng lên cho Bảo Pháp cho đủ nội vụ. Cấm Hiến Pháp không đăng thông công cùng Hiến Đạo và Hiến Thế.

Ấy vậy, kể từ việc chi đã giao vào tay Hiến Pháp rồi thì đã ra bí mật, dầu cho Chức sắc Hiệp Thiên Đài cũng không đăng biết tới nữa.

BẢO PHÁP: Thì gìn giữ sự bí mật ấy cho kín nhiệm, làm tờ đoán xét và định án chiếu theo Luật Đạo, rồi dâng lên cho Hộ Pháp đăng Người phân xử.

Bảo Pháp là người Đầu Phòng Văn của Hộ Pháp.

“P.C.T: Lo bảo hộ Luật Đời và Luật Đạo, chẳng ai qua Luật mà Hiệp Thiên Đài chẳng biết.

Chú giải: Nói tóm lại, Hộ Pháp là người bảo hộ Luật Đời, và Luật Đạo khỏi qui phạm, nâng đỡ cho Đời vào Thánh vị, chẳng ai qua Luật mà Hiệp Thiên Đài chẳng biết, dầu toàn Cửu Trùng Đài hay là Hiệp Thiên Đài sai Luật thì Hộ Pháp

phải phân xử cho phân minh, vì vậy mà Thầy buộc cả Chi “**Pháp**” phải thề giữ dạ vô tư mà Hành chánh.” (Trích lục *Pháp Chánh Truyền* trang 54 đến 56).

CHI ĐẠO

THƯỢNG PHẨM LÀ AI?

“Thượng Phẩm là người thay mặt cho Hộ Pháp, phải tòng lĩnh Hộ Pháp mà Hành chánh, hễ bước chơn vào cửa Đạo, thì là có Thiên phẩm, mà hễ có Thiên phẩm rồi thì Thầy lại đem lên cho tới Thượng Phẩm mới trọn nghĩa câu Phổ Độ.

Các Chơn linh đầu Nguyên Nhân hay Hóa Nhân, đều nhờ Thượng Phẩm gìn giữ, binh vực cho ngôi được an ổn địa vị mình, giúp đỡ cho đức hạnh trở thêm cao, cho khỏi phạm Luật lệ, xem sóc ngôi thứ chẳng cho giành giựt lẫn nhau, ắt giữ cho Cửu Trùng Đài được hòa nhã êm đềm, khép cửa Thiên môn, cấm đường không cho Chơn linh thối bước (*Hay!*). Phẩm trật nhờ Người mà đặng thăng lên hay là bị Người mà phải hạ.

Người nắm Luật Đạo nơi tay, mà binh vực cả chư Chức Sắc Thiên Phong và các Tín đồ, chẳng cho ai phạm Luật, vừa lo cho người đạo hạnh lên cho tột phẩm vị của mình.

Thượng Phẩm là chủ phòng cải Luật, làm Trạng Sư của Tín đồ.

“P.C.T: Thượng Phẩm thì quyền về phần Đạo, dưới quyền:

- Tiếp Đạo
- Khai Đạo
- Hiến Đạo
- Bảo Đạo

*Lo về phần Tịnh Thất, mấy Thánh Thất đều xem sóc
chư Môn đệ Thấy, binh vực chẳng cho ai phạm Luật đến
khắc khổ cho đặng*

Chú giải: Các Tịnh Thất đều về quyền của Thượng Phẩm cai quản. Cả Tín đồ thì về phần Người binh vực, chẳng cho ai phạm Luật đến khổ khắc cho đặng, các Chức Sắc trấn nhậm mấy Thánh Thất phải do nơi quyền Người thuyền bồng, liệu lượng tài sức mỗi người mà chỉ định phận sự (*Công bình vậy!*).

Thượng Phẩm là cây Cờ của Đạo, hễ Đạo nơi nào thì Thượng Phẩm nơi ấy.

Thượng Phẩm đối quyền với Chưởng Pháp bên Cửu Trùng Đài.

Hiệp Thiên Đài là Luật lệ, mà Thượng Phẩm lại là Chánh Trị, ấy vậy, Thượng Phẩm là người của Cửu Trùng Đài nơi Hiệp Thiên Đài.

Bốn vị Thời Quân của Chi Đạo, đồng quyền cùng Thượng Phẩm khi Người ban quyền Hành chánh, song mỗi vị có phận sự riêng, quyền hành riêng là:

TIẾP ĐẠO: Là người tiếp cáo trạng, án tiết, thì phải quan sát trước coi có oan khúc chi chẳng, đáng ra binh vực thì phải dâng lại cho Khai Đạo.

KHAI ĐẠO: Khi đặng tờ kêu nài cầu rỗi, thì liệu như đáng rỗi, phải nhứt diện tờ qua cho Tòa Tam Giáo Cửu Trùng Đài xin đình án bao lâu tùy ý (Song chẳng đặng phép quá 15 ngày) nhứt diện dâng sớ cho Hộ Pháp cầu nhóm Đại Hội Hiệp Thiên Đài đặng liệu định, như phải đáng bào chữa, thì Khai Đạo phân giải cho ra lẽ oan ứng, Hiệp Thiên Đài cho lệnh thì mới dâng nội vụ lên cho Hiến Đạo.

HIẾN ĐẠO: Khi Người đặng tờ chi của Khai Đạo dâng lên, tức cấp phải tìm biết căn nguyên cho rõ ràng, cấm không cho Hiến Đạo thông đồng cùng Hiến Pháp và Hiến Thế.



Chân dung ĐỨC CAO THƯỢNG PHẨM

Sự chi đã vào tay Hiến Đạo rồi thì đã ra bí mật, đầu cho Chức Sắc Hiệp Thiên Đài cũng không đăng biết tới nữa.

Hiến Đạo phải dâng nội vụ lên cho Bảo Đạo.

BẢO ĐẠO: Phải gìn giữ bí mật ấy, cho kín nhiệm, làm tờ lý đoán binh vực, chiếu y Luật Đạo, rồi dâng lên cho Thượng Phẩm, đặng người lo phương bào chữa, Bảo Đạo là người làm Đầu Phòng Văn của Thượng Phẩm.

Thượng Phẩm và tứ vị Thời Quân của chi Đạo, phải thế giữ dạ vô tư mà Hành chánh.”

(Trích lục Pháp Chánh Truyền trang 56 đến 58).

CHI THẾ

THƯỢNG SANH LÀ AI?

“Vật chất hữu sanh, thảo mộc hữu sanh, cầm thú hữu sanh, Nhơn loại hữu sanh, tức là Chúng sanh. Trong Chúng sanh có Nguyên sanh, Hóa sanh và Quỷ sanh (Nguyên sanh là gốc từ khai Thiên đã có, Hóa sanh là khai Thiên rồi mới biến hóa ra, Quỷ sanh là hai phẩm kia phạm Thiên Điều bị sa đọa).

(Tỷ như Nguyên nhân là khi khai Thiên rồi, thì đã có Chơn linh ấy, còn Hóa nhân là Chơn linh vật loại đoạt đến phẩm vị Nhơn loại, còn Quỷ nhân là hai Chơn linh kia xu hướng ác hành mà bị đọa đày vào Quỷ vị).

Trong các kiếp hữu sanh, duy có phẩm Người là cao hơn hết, nên gọi là Thượng Sanh.

Lập Tam Kỳ Phổ Độ này, Thầy đem các Chơn linh, đầu Nguyên sanh, Quỷ sanh, hay là Hóa sanh lên phẩm vị Nhơn loại mới trọn câu Phổ Độ.

Chơn linh các Nguyên nhân bị đọa trần, Quỷ nhân chuộc tội, hay là Hóa nhân thăng cấp, đều nhờ Thượng Sanh độ rỗi

(Ấy là *Thế độ*), nên Thượng Sanh làm chủ của Thế Đạo nắm Luật Thế nơi tay, mà dìu dắt cả Chúng sanh vào cửa Đạo.



Ai làm cho ngăn cản bước đường Tu của thế gian thì Thượng Sanh đặng quyền kiện cùng Tòa Thánh, chư Chức Sắc phạm Luật làm cho Chúng sanh phải xa lánh Đạo, thì Người có quyền xin trị tội tức thì.

Thượng Sanh làm chủ phòng cáo Luật.

“P.C.T: Thượng-Sanh thì lo về phần Đời.

Chú giải: Mỗi sự chi thuộc về Đời, thì về quyền của Thượng Sanh.

Dưới quyền Thượng Sanh có bốn vị Thời Quân là:

- **Tiếp Thế**
- **Khai Thế**
- **Hiến Thế**
- **Bảo Thế**

Bốn vị Thời Quân chi Thế đặng đồng quyền cùng Thượng Sanh, khi người ban lệnh Hành chánh, song mỗi vị có một phận sự riêng, quyền hành riêng là:

TIẾP THẾ: Khi đặng Thế luật hay là trạng cáo chi của ngoại Đạo, cùng là của Tín Đồ mà kiện thưa trách cứ Chức Sắc Thiên Phong bất câu phẩm vị nào phải dâng lên cho Khai Thế.

KHAI THẾ: Khi tiếp được đơn trạng chi của Tiếp Thế dâng lên thì phải kiểm hiểu các nguyên do, coi có đáng buộc án cùng chăng, như đáng thì nhứt diện tư tở qua Cửu Trùng Đài cho biết nội vụ, nhứt diện dâng sớ cho Hộ Pháp cầu Người mời hội Hiệp Thiên Đài đặng định đoạt, khi đặng lệnh của Hiệp Thiên Đài thì Khai Thế phải dâng nội vụ lên cho Hiến Thế.

HIẾN THẾ: Khi tiếp đặng nội vụ của Khai Thế dâng qua, thì tức cấp phải đi tra xét, cho đủ chứng cứ rõ ràng, rồi dâng lên cho Bảo Thế, cấm ngặt không cho Hiến Thế thông đồng cùng Hiến Pháp và Hiến Đạo.

Mỗi việc chi vào tay Hiến Thế rồi, thì đã ra bí mật dầu cho Chức Sắc Hiệp Thiên Đài cũng không đặng biết tới nữa.

BẢO THẾ: Phải giữ gìn sự bí mật ấy cho kín nhiệm, rồi chiếu y theo Đạo Luật và Thế Luật mà làm tờ buộc án, kể dâng lên cho Thượng Sanh, đặng Người đến Tòa Tam Giáo Cửu Trùng Đài, Hiệp Thiên Đài hay Bát Quái Đài mà buộc tội.

Bảo Thế là người Đầu Phòng Văn của Thượng Sanh.

Thượng Sanh là cây cờ của Thế, tức là Đời, ấy vậy Đời nơi nào thì Thượng Sanh nơi đó. Người có quyền xem xét kể hành Đạo, coi Thánh đức có đặc Nhơn tâm cùng chẳng, nhược bằng kể ấy Thế Đạo, không đủ tư cách, thì người có quyền dâng Sớ cầu xin thuyên bố.

Thượng Sanh đối quyền với Chưởng Pháp bên Cửu Trùng Đài.

Hiệp Thiên Đài là Luật lệ, mà Thượng Sanh lại là Chánh Trị, ấy vậy là người của Cửu Trùng Đài nơi Hiệp Thiên Đài.

Thượng Sanh và tứ vị Thời Quân về chi Thế cũng phải thể giữ dạ vô tư mà Hành chánh.”

(Trích lục Pháp Chánh Truyền trang 58 đến 60)

THIÊN PHỤC CỦA CHỨC SẮC HIỆP THIÊN ĐÀI THUỘC BA CHI

ĐẠO PHỤC CỦA HỘ PHÁP

Đạo phục của Hộ Pháp có hai bộ, một bộ Đại Phục và một bộ Tiểu Phục.

Bộ Đại Phục: Người phải mặc giáp, đầu đội Kim khôi toàn bằng vàng, trên Kim khôi có Thể Tam Sơn, giống như cái chĩa ba ngành, nghĩa là: Chưởng Quản Tam Thiên bên Tây Phương Cực Lạc.

Chơn đi hia, trên chót mũi hia có chữ “**Pháp**”, ngoài giáp thì choàng mủng bào, thế nào bên tả thì giáp, bên hữu thì mủng. Tay hữu (Bên Đạo nghĩa là bên Thượng Phẩm) cầm Giác Ma Xử (*Thể lấy Đời chế Đạo*), còn tay tả (Bên Thế nghĩa là bên Thượng Sanh) nắm xâu chuỗi “Từ-Bi” (*Thể lấy Đạo chế Đời*) thành ra nửa Đời nửa Đạo, ngang lưng cột dây Lịnh Sắc có ba màu Đạo (*Thể Chưởng Quản Tam Giáo nơi mình*) nắm trọn Thể Pháp và Bí Pháp đặng qui nhứt, cái mối dây Lịnh Sắc phải ngay chính giữa bụng.

Bộ Tiểu Phục: Thì toàn bằng hàng vàng (*Màu Đạo*), đầu đội Hổn Ngươn Mạo màu vàng (*Bề cao một tấc*), ngay trước trán chính giữa có thêu ba Cổ Pháp của Tam Giáo (Là Bình Bát Vu, cây Phát Chủ và bộ Xuân Thu) ngay trên Cổ Pháp ấy có chữ “**Pháp**”, lưng nịt dây Lịnh Sắc y như Đại Phục.

Khi ngồi Tòa Tam Giáo thì mặc bộ Tiểu Phục, còn Đại phục thì chỉ để khi ngự trên Ngai mình.

ĐẠO PHỤC CỦA THƯỢNG PHẨM

Đạo Phục Thượng Phẩm cũng có hai bộ, một bộ Đại Phục và một bộ Tiểu Phục.

Bộ Đại Phục: Thì toàn bằng hàng trắng, ngoài mặc áo lá màu xanh có viền chỉ kim tuyến bạc. Đầu để trần, chơn đi giày vô ưu màu trắng, trước mũi có chữ “**Đạo**”, lưng buộc dây Lĩnh Sắc y như Hộ Pháp, song mối phải thả ngay bên hữu. Tay hữu cầm Long Tu Phiến (Nghĩa là cây quạt kết đủ 36 lông cò trắng), trên đầu quạt ngay giữa có Phất Chủ (*Thẻ quạt đưa các Chơn hồn vào Tam Thập Lục Thiên, nghĩa là vào Thiên vị*), tay tả nắm xâu chuỗi Từ Bi (*Thẻ dâng Đạo vào cho Hộ Pháp*).

Bộ Tiểu Phục: Cũng bằng hàng trắng, lưng cột dây Lĩnh Sắc y như Đại Phục, đầu đội Hồn Ngươn Mạo màu trắng y như của Hộ Pháp, ngay giữa trán có thêu Long Tu Phiến, ngay trên hình Long Tu Phiến có chữ “**Đạo**”.

Khi đến Tòa Tam Giáo thì mặc bộ Tiểu Phục, còn Đại Phục chỉ dùng khi đến ngự trên Ngai mình.

ĐẠO PHỤC CỦA THƯỢNG SANH

Đạo Phục của Thượng Sanh cũng có hai bộ, một bộ Đại Phục và một bộ Tiểu Phục.

Bộ Đại Phục: Cũng y như Thượng Phẩm, đầu bịt Thanh Cân (Nghĩa là một bao đánh xanh), lưng mang dây Thần Thông (Nghĩa là một đường lụa đỏ), và nịt dây Lĩnh Sắc y như của Hộ Pháp và Thượng Phẩm, song mối phải thả ngay bên tả, nơi lưng giắt Thư Hùng Kiếm (*Thẻ tạo Thế và chuyển Thế*), tay hữu cầm cây Phất Chủ (*Thẻ đưa Thế vào cho Hộ Pháp*), tay tả nắm xâu chuỗi Từ Bi (*Thẻ dâng Đạo cho Nhơn Sanh*) chơn đi giày vô ưu màu trắng, trước mũi có chữ “**Thế**”.

Bộ Tiểu Phục: Cũng y như của Thượng Phẩm, song ngay trước mào, chính giữa có thêu Thư Hùng Kiếm và Phát Chủ, có chữ “**Thế**”, lưng cột dây Lịnh Sắc như Đại Phục.

Khi đến Tòa Tam Giáo thì phải mặc bộ Tiểu Phục, còn Đại Phục thì chỉ khi đến ngự trên Ngai mình.

ĐẠO PHỤC CỦA THẬP NHỊ THỜI QUÂN

Đạo Phục của Thập Nhị Thời Quân có hai bộ, một bộ Đại Phục và một bộ Tiểu Phục.

Bộ Đại Phục: Toàn bằng hàng trắng, cổ trịch viền chỉ kim tuyến bạc, đầu đội Nhựt Nguyệt Mạo cũng bằng hàng trắng, lưng nịt dây Lịnh Sắc theo Chi mình mà thả mối, chơn đi giày vô ưu màu trắng.

Bộ Tiểu Phục: Cũng toàn hàng trắng, lưng nịt dây Lịnh Sắc y như Đại Phục, đầu đội Hồn Nguơn Mạo cũng như Tiểu Phục của Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh, song tùy theo chi mình mà để Cổ Pháp, chân đi giày vô ưu màu trắng.

Khi Hành chánh, thì mặc Tiểu Phục, còn Đại Phục thì khi Đại Lễ (*Trích lục những trương 61, 62, 63 Pháp Chánh Truyền*).

Nhưng sau khi xem khoản giải thích về Đạo Phục, Đức Hộ Pháp có dạy Ngài Trần Khai Pháp như vậy:

Thêm vào Đại Phục và Tiểu Phục hiện thời, Đức Hộ Pháp và chư vị Thời Quân có thêm một kiểu Đạo Phục mới nữa:

“Áo cổ bẻ, có yếm tâm ở trước ngực, tay ráp rộng 25 phân.

Mào Tam Quan (*Nhựt, Nguyệt, Tinh*) tức là kiểu mào của Đức Khổng Phu Tử trị thế ngày xưa, màu trắng, có thêu chữ kim tuyến vàng, trước mào thêu “**Nhựt**” ở giữa, “**Nguyệt**” bên hữu, “**Tinh**” bên tả. Trong vòng minh khí, mặt Nhựt có Cổ Pháp của mỗi Chi.

Mỗi bên hông mào, thêu 6 ngôi sao tám góc và 6 đường linh khí”.

Đạo Phục này dùng hành lễ ngày thường.

Mỗi khi có Tiểu Đàn, Đức Hộ Pháp mặc Đạo Phục cũng y như trên, mà màu vàng.



GIẢI THÍCH THÊM **QUYỀN HÀNH CỦA HIỆP THIÊN ĐÀI**

Trong Pháp Chánh Truyền, Đức Chí Tôn có nói: **“Thầy khuyên các con lấy tánh vô tư mà hành Đạo, Thầy cho các con biết trước rằng: Hễ trọng quyền thì ắt có trọng phật”**.

Vì lời khuyên ấy mà Đức Lý Giáo Tông buộc cả Chức Sắc Hiệp Thiên Đài phải Minh thệ giữa Hội Thánh: **“Giữ dạ vô tư mà hành sự”**. Lại muốn tỏ ra rằng Chức Sắc Hiệp Thiên Đài thật trọng quyền, Ngài mới ban cho dây Sắc Lệnh. Khi một Chức Sắc Hiệp Thiên Đài mang dây Sắc Lệnh hành sự thì mọi người đều phải trọn tuân theo, dầu phải, dầu không, không được cưỡng lại, chỉ có Hội Thánh mới có quyền định tội hay trừng phạt vị ấy mà thôi.

Dưới đây xin sao lục lời của Ngài Khai Pháp giải về quyền năng của dây Sắc Lệnh (Thơ số 1421/ P.C) đáp hồi thơ số 47 ngày 23 tháng 9 Mậu Tý (Đl. 25-10-1948) của Thừa Sứ Nguyễn Huột Hải, Pháp Chánh Kim Biên:

1- Về quyền năng Thiêng Liêng: (Thì người được Hiệp Thiên Đài ban dây Sắc Lệnh) là người đại diện của Hộ Pháp

trong khi hành sự. Quyền hành y như Hộ Pháp khi thi hành mạng lệnh của Hộ Pháp, đây Sắc Lệnh là tướng diện của Luật pháp, chẳng một quyền nào tương đối lại đặng, khi hành pháp, thắng như quá quyền thì người đại diện đó phải mang trọng tội là lợi dụng hay là phỉ nhục Hộ Pháp.

2- Quyền hành Hữu hình: Cả cơ quan hữu vi của Đạo, dầu trọng dầu khinh, đều phải cúi đầu vâng phục Người thay mặt cho Thiên Điều tại thế, tổng hợp cả quyền Tam Giáo nơi mình đặng thi hành Luật pháp.

Vì quyền hạn của Chức Sắc Hiệp Thiên Đài, dầu thượng cấp, dầu hạ cấp, hễ Hộ Pháp ban cho tới đâu, hành quyền tới đó, nó không có giới hạn định chắc cao hay thấp.

CHỨC SẮC HIỆP THIÊN ĐÀI CÒN CÓ PHẨM NÀO?

Chức Sắc Hiệp Thiên Đài ngoài ra Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh và Thập Nhị Thời Quân còn có:

Chức Sắc Hàn Lâm Viện, dưới quyền trực tiếp của Giáo Tông và Hộ Pháp, mỗi vị Chức Sắc này có sở thức, sở năng chuyên môn của họ.

Những Chức Sắc đó gọi là **Thập Nhị Bảo Quân** là:

- 1- *Bảo Huyền Linh Quân.*
- 2- *Bảo Thiên Văn Quân.*
- 3- *Bảo Địa Lý Quân.*
- 4- *Bảo Sanh Quân.*
- 5- *Bảo Học Quân.*
- 6- *Bảo Cô Quân.*
- 7- *Bảo Y Quân.*
- 8- *Bảo Văn Pháp Quân.*
- 9- *Bảo Sĩ Quân.*
- 10- *Bảo Nông Quân.*
- 11- *Bảo Công Quân.*

12- Bảo Thương Quân.

Về sau, nhân năm 1935, nhiều vị Đạo hữu dày công cùng Đạo, vào Sổ cầu phong, Đức Lý Giáo Tông phê: “**Để cho Hiệp Thiên Đài định vị**” nên Đức Hộ Pháp cầu hỏi Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn và lập ra bảy phẩm Chức Sắc dưới nữa:

- 1- Tiếp Dẫn Đạo Nhơn.
- 2- Chưởng Ấn.
- 3- Cải Trang.
- 4- Giám Đạo.
- 5- Thừa Sử.
- 6- Truyền Trang.
- 7- Sĩ Tải.

Sau nữa, Đức Hộ Pháp ra Sắc Lệnh số 34 ngày 23 tháng 5 Bính Tý (11-7-1936) mở Khoa mục tuyển chọn thêm một cấp nữa là **Luật Sự** của Hiệp Thiên Đài (*Agent judiciaire*) đăng làm tay chơn của quyền Tư Pháp.

SẮC PHỤC CỦA CHỨC SẮC HIỆP THIÊN ĐÀI THUỘC CÁC PHẨM DƯỚI

Sắc phục của Chức Sắc Hiệp Thiên Đài có một kiểu giống như nhau, có hai bộ, một bộ Đại phục và một bộ Tiểu phục.

Bộ Đại phục: Thì đội Nhựt Nguyệt Mạo, mặc áo cổ trịch, tay rộng màu trắng, chơn không mang giày, Cổ pháp gắn hai bên hông mào, từ phẩm Sĩ Tải trở lên, còn Luật Sự gắn hai bên vai.

Một bộ Đạo phục thay vì Tiểu phục: Đầu đội mào kiểu Khôi nguyên, gắn Cổ Pháp ở trước trán, áo cổ bẻ, gài trước yếm tâm sáu nút, chơn không mang giày.

Đại phục mặc khi Đại Lễ, Tiểu phục mặc ngày thường.

ĐỐI PHẨM

CỦA CHỨC SẮC HIỆP THIÊN ĐÀI VỚI CHỨC SẮC CỬU TRÙNG ĐÀI

Vì Chánh thể Chơn Truyền Luật pháp Đạo thì Hiệp Thiên Đài vi chủ (*Quyền Hành chánh của Cửu Trùng Đài cốt để thi hành Chơn Truyền Luật pháp*) có đủ quyền năng mạnh mẽ gìn giữ phần Hồn và phần Xác của Nhơn sanh theo khuôn viên Luật pháp, nếu Pháp luật không quyền chủ uy đủ phương thế, đủ oai nghiêm, thì chúng sanh phải chịu trong vòng áp bức của quyền Hành chánh, nên chi Giáo Tông và Hộ Pháp hiệp nhau lập Luật đối phẩm của Chức Sắc Hiệp Thiên Đài, đặng Chức Sắc Hiệp Thiên Đài đủ oai quyền bảo trọng Chơn Pháp của Đức Chí Tôn (*Xem Đạo Nghị Định số 8 HTĐ ngày 19 tháng 10 năm Mậu Dần -1938*).

Chức Sắc Hiệp Thiên Đài chia ra mười phẩm:

HỘ PHÁP

Thượng Phẩm, Thượng Sanh

Thập Nhị Thời Quân

Tiếp Dẫn Đạo Nhơn

Chưởng Ấn

Cải Trạng

Giám Đạo

Thừa Sứ

Truyền Trạng

Sĩ Tải

Sĩ Tải là hạng Luật Sứ của Hiệp Thiên Đài, hoặc thi đậu về Khoa mục, hoặc bởi huyền diệu Cơ bút của Đức Chí Tôn ân tứ.

Truyền Trạng là bậc Sĩ Tả thi đậu về Khoa mục, hay là do huyền diệu Cơ bút của Đức Chí Tôn ân tứ.

Thừa Sứ là bậc Truyền Trạng bởi Khoa mục, hay là do huyền diệu Cơ bút của Đức Chí Tôn ân tứ.

Giám Đạo là bậc Thừa Sứ bởi Khoa mục, hay là do huyền diệu Cơ bút của Đức Chí Tôn ân tứ.

Cải Trạng là bậc Giám Đạo bởi Khoa mục, hay là do huyền diệu Cơ bút của Đức Chí Tôn ân tứ.

Chưởng Ấn là bậc Cải Trạng bởi Khoa mục, hay là do huyền diệu Cơ bút của Đức Chí Tôn ân tứ.

Tiếp Dẫn Đạo Nhơn là bậc Chưởng Ấn bởi Khoa mục, hay là do huyền diệu Cơ bút của Đức Chí Tôn ân tứ.

Bậc Tiếp Dẫn Đạo Nhơn muốn nhập vào địa vị Thập Nhị Thời Quân thì phải độ cho đặng một Nước và do huyền diệu Cơ bút của Chí Tôn mới đặng thăng vị.

Mỗi bậc phẩm tiểu Chức Sắc Hiệp Thiên Đài phải có hai năm Công nghiệp mới đặng ứng thí, hay là Cầu phong thì phải đầy đủ năm năm.

QUYỀN HÀNH VÀ PHẨM TRẬT CỦA CHỨC SẮC HIỆP THIÊN ĐÀI ĐỐI PHẨM CHỨC SẮC CỬU TRÙNG ĐÀI.

- | | |
|------------------------------|---------------------|
| - Luật Sự | - Chánh Trị Sự |
| - Sĩ Tả | - Lễ Sanh |
| - Truyền Trạng và Thừa Sứ | - Giáo Hữu |
| - Giám Đạo và Cải Trạng | - Giáo Sư |
| - Chưởng Ấn và Tiếp Dẫn | - Phối Sư |
| Đạo Nhơn | (hay Chánh Phối Sư) |
| - Thập Nhị Thời Quân | - Đầu Sư |
| - Thượng Phẩm và Thượng Sanh | - Chưởng Pháp |
| - HỘ PHÁP | - GIÁO TÔNG |

TỔ CHỨC CỦA QUYỀN TƯ PHÁP HIỆP THIÊN ĐÀI

Hiện thời, vì Chư vị Thời Quân chưa về đủ mặt ở Tòa Thánh hành Đạo, thành ra phận sự của ba Chi Pháp, Đạo, Thế cũng chưa thi hành được, và quyền Tư Pháp giao cho Bộ Pháp Chánh chia ra hai phần:

- 1- Bộ Pháp Chánh Trung Ương.
- 2- Các Ty Pháp Chánh ở mỗi Địa phương Châu Đạo.

Cách làm việc theo qui tắc “**Trung Ương Tập Quyền**” nghĩa là các Ty Pháp Chánh địa phương ở mỗi Châu Đạo giao cho một vị Luật Sự cầm quyền nắm giữ Luật pháp, trực tiếp các công văn, chịu mạng lệnh ngay nơi Bộ Pháp Chánh Trung Ương.

Dưới đây là cách tổ chức và Nội Luật của Bộ Pháp Chánh lập thành ngày 15 tháng 10 năm Đinh Hợi (27-11-1947) (*Khi danh từ Tòa Đạo chưa đổi lại là Pháp Chánh*) do vị Khai Pháp Chơn Quân, Chủởng Quản Tòa Đạo Hiệp Thiên Đài.

TÒA ĐẠO

(Tức là Pháp Chánh)

Y theo Luật Hội Thánh ngày 16 tháng giêng Mậu Dần (DL, 15-2-1938).

Chiếu y Pháp Chánh Truyền phân định đẳng cấp và quyền hành của Chức Sắc Hiệp Thiên Đài từ Hộ Pháp, Thượng Sanh, Thượng Phẩm tới Thập Nhị Thời Quân;

Chiếu y Thánh Giáo của Đức Chưởng Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn ngày 16 tháng 2 năm Ất Hợi (20-3-1935) phân định

đẳng cấp và quyền hành từ phẩm Tiếp Dẫn Đạo Nhơn trở xuống đến Luật Sự;

Chiếu y Đạo Luật Hội Thánh năm Mậu Dần (15-2-1938) về cơ quan Tòa Đạo, phân định hình phạt và án tiết cho những người phạm Luật pháp của Đạo;

Nghĩ vì Tòa Đạo để trị kẻ phạm, tức là dụng hình phạt phạm trần đặng giảm bớt hình phạt Thiêng liêng. Vậy Tòa Đạo là một cơ quan trọng yếu nắm cân công bình, giữ gìn trật tự trong hàng đồng Đạo;

Nghĩ vì Tòa Đạo là một cơ quan để bảo thủ Chơn truyền y theo khuôn viên Đạo Pháp, không ai qua Luật Đạo mà Hiệp Thiên Đài chẳng biết;

Lập Tòa Đạo để trị kẻ phạm, tức là dụng hình phạt phạm trần đặng giảm bớt hình phạt Thiêng liêng. Vậy Tòa Đạo là một cơ quan trọng yếu nắm cân công bình, giữ gìn trật tự trong hàng đồng Đạo;

Nghĩ vì hiện thời cần phải dẫn giải cho rõ thêm quyền hành và phận sự của Chức Sắc Tòa Đạo tại Tòa Thánh và các địa phương Đạo, nên: **Tổ Chức và Lập Nội Luật Tòa Đạo như sau đây:**

CHƯƠNG THỨ NHỨT

Điều Thứ Nhất

TOÀ HÒA GIẢI.

1- Tòa này lập có tính cách hòa giải đôi đàng, tiên cáo và bị cáo cho thỏa thuận, đừng tranh tụng với nhau nữa, về những vụ lặt vặt ngoài Pháp luật của Đạo, như các vụ phạm về tội nhẹ chưởi bới, hành hung, đánh đập không có thương tích, hay có thương tích nhẹ, Tòa này được quyền ra lệnh điều tra, phân xử, và kết án nhẹ, theo bản đính theo đây. Những vụ

này phạm về luật Đời nên Tòa này chỉ có tính cách hòa giải, còn quyền xử đoán quyết định thì thuộc về Tòa Đời, nếu phạm đến an ninh trật tự công cộng.

2- Về những tội khác phạm pháp hay phạm Luật của Đạo mà tội như bị khép về Thập Hình của Đức Lý Giáo Tông, thì Tòa Hòa Giải này vô thẩm quyền.

Trong trường hợp này nội vụ sau khi điều tra xong, phải đệ về Hội Thánh phân định.

Điều Thứ Nhì

PHIÊN NHÓM TÒA HÒA GIẢI.

Trong phiên nhóm của Tòa Hòa Giải, có những nhưn viên sau đây:

- **Chủ Tọa:** Một Chức Sắc Hiệp Thiên Đài lãnh quyền Tòa Đạo tại Trấn Đạo.

- **Nghị Án:** Hai Chức Sắc Cửu Trùng Đài trong hàng Lễ Sanh hay là Giáo Hữu nơi địa phận sở tại.

- **Biện Hộ:** Một Chức Sắc hoặc Chức Việc đồng phẩm với tội nhưn.

- **Chép Án:** Một Chức Sắc Hiệp Thiên Đài lãnh quyền Tòa Đạo tại Châu Đạo hay là một Chức Việc có đủ tư cách.

Điều Thứ Ba

Phiên nhóm xử tại Châu Đạo nào thì Chức Sắc hay Chức Việc nơi ấy đăng tuyển chọn bốn người làm nhưn viên dự xử.

Điều Thứ Tư

QUYỀN ĐIỀU TRA

Phận sự điều tra và lập hồ sơ những vụ tranh tụng thì về phần của những vị Chức Sắc Hiệp Thiên Đài thay mặt Tòa Đạo ở các Châu. Vị Chức Sắc nào đã lãnh phần điều tra thì không được quyền ngồi xử.

Điều Thứ Năm QUYỀN XỬ ĐOÁN

1- Tòa Hòa Giải được quyền xử đoán những vụ tranh tụng thuộc trong hàng Chức Việc Chánh, Phó Trị Sự, Thông Sự cùng là Tín Đồ trong địa phận của Tòa Đạo mỗi Trấn Đạo.

2- Tòa này cũng có quyền phân xử những vụ xảy ra giữa Đạo hữu bên cơ quan Phước Thiện từ bậc Hành Thiện trở xuống.

Thẳng như có những vụ tranh tụng giữa Tín Đồ hay là Chức Việc với Chức Sắc Thiên Phong từ Lễ Sanh hay Giáo Thiện sắp lên, thì vị Chức Sắc Hiệp Thiên-Đài lãnh quyền Tòa Đạo nơi Trấn Đạo phải tức cấp cho điều tra nội vụ rồi lập phúc trình đệ cả Hồ sơ về Văn phòng Tòa Đạo Hiệp Thiên Đài Tòa Thánh cho vị Chưởng Quản Tòa Đạo xem xét.

3- Vị Chưởng Quản Tòa Đạo Hiệp Thiên Đài sẽ liệu định, hoặc giải ra Hội Công Đồng, hoặc đệ ra Tòa Hiệp Thiên Đài Sơ Thẩm hay Thượng Thẩm hay là Tòa Tam Giáo Cửu Trùng Đài tùy theo mỗi vụ.

Điều Thứ Sáu ÁN TIẾT CỦA TÒA HÒA GIẢI

Những Án tiết của phiên Tòa Hòa Giải (*Điều thứ 1, 2, và 3*) sau khi Tòa đã tuyên Án rồi mà phạm nơn nghĩ mình bị phạt oan ức thì được phép ký tên nơi phòng Chép Án tại Châu Đạo đăng cầu nài đệ nội vụ lên Tòa Hiệp Thiên Đài Tòa Thánh, trong hạn lệ là mười lăm ngày kể từ ngày tiếp Án.

Trong thời gian kêu nài (*Tục gọi là chống Án*) thì Tòa Hòa Giải không quyền thi hành Án tiết đó.

Điều Thứ Bảy A-THỂ LỆ RIÊNG

Chức Sắc Hiệp Thiên Đài lãnh phận sự Tòa Đạo tại Trấn Đạo hay tại Châu Đạo vừa thi hành lệnh minh tra do Hội Thánh

truyền dạy, vừa được phép thâm nhận đơn trạng các nơi gửi đến và điều tra liền, rồi sẽ phúc sự sau. Chừng nào có lệnh trên phân đoán sẽ nhóm phiên Tòa xử.

Trong buổi hành sự, Chức Sắc trên đây được phép chăm nom trong địa phận Đạo của mình, những hành vi của những Chức Sắc Hành Chánh và Phước Thiện sở tại. Nếu gặp điều gì sai Luật hay bất hợp pháp theo thời cuộc thì được phép đệ tờ về Hội Thánh định liệu.

B- BẢN ÁN TIẾT

1- Mắng nhiếc, chửi bới, phạm thượng: Phải xin lỗi trước mặt Tòa và công chúng.

2- Hành hung, hăm dọa: Quì hương (*Từ 1 tới 3 nhang*).

3- Đánh đập không có thương tích: Quì hương (*Từ ba đến năm nhang*).

4- Đánh đập có thương tích nhẹ: Chịu sở tổn thuốc men và quì hương (*Từ năm đến bảy nhang*).

5- Đánh đập có thương tích nhẹ và hư hao đồ đạc: Chịu tiền thuốc men, bồi thường đồ đạc và quì hương (*Từ bảy đến mười nhang*).

6- Tái phạm: Bội nhị.

CHƯƠNG THỨ NHÌ

Điều Thứ Tám

TÒA TAM GIÁO HIỆP THIÊN ĐÀI.

Trong phiên nhóm Tòa Tam Giáo Hiệp Thiên Đài tại Tòa Thánh, có những vị kể dưới đây:

- **Chủ Tọa:** Đức Hộ Pháp, hay một vị Chức Sắc Hiệp Thiên Đài thay mặt, chọn trong hàng Thập Nhị Thời Quân của Chi Pháp.

- **Nghị Án:** Hai vị Chức Sắc Cửu Trùng Đài từ bậc Giáo Sư hay là Phối Sư.

- **Buộc Tội:** Một Chức Sắc Hiệp Thiên Đài trong hàng **Thời Quân Chi Thế.**

- **Biện Hộ:** Một Chức Sắc Cửu Trùng Đài đồng phẩm với Bị cáo nhân, và do Bị cáo nhân lựa chọn.

- **Cải Trạng:** Một Chức Sắc Hiệp Thiên Đài trong hàng **Thời Quân Chi Đạo.**

- **Chép Án:** Một Chức Sắc tiểu cấp Hiệp Thiên Đài.

Điều Thứ Chín

QUYỀN XỬ ĐOÁN.

Tòa Tam Giáo Hiệp Thiên Đài phải nhóm tại Tòa Thánh Tây Ninh để xét đoán, phân xử những đơn kêu nài của phạm nơn còn uất ức không vừa lòng Án tiết của Tòa Tam Giáo Cửu Trùng Đài.

Điều Thứ Mười

PHÂN ĐỊNH QUYỀN XỬ ĐOÁN CỦA TÒA TAM GIÁO HIỆP THIÊN ĐÀI.

Phiên Tòa Tam Giáo Hiệp Thiên Đài cũng có phân định quyền xử đoán những vụ xảy ra:

- 1- Giữa Chức Sắc và Chức Việc với Tín Đồ.
- 2- Giữa Chức Sắc với Chức Sắc các cơ quan của Đạo.
- 3- Giữa Chức Sắc Cửu Trùng Đài hay là Chức Sắc Phước Thiện với Chức Sắc Hiệp Thiên Đài.
- 4- Giữa nơn viên cao cấp của các Bộ ngoại pháp Chánh Trị Đạo.

Điều Thứ Mười Một

DANH SÁCH CÁC NHƠN VIÊN DỰ XỬ CỦA TÒA HIỆP THIÊN ĐÀI

Những Danh sách của các nơn viên ngồi xử phiên Tòa Hiệp Thiên Đài thì phải có Sắc Huấn của Đức Hộ Pháp

đề cử do vị Chủ tọa Tòa Đạo Hiệp Thiên Đài tại Tòa Thánh chuyển đệ xin phê.

Điều Thứ Mười Hai

ÁN TIẾT CỦA TÒA HIỆP THIÊN ĐÀI

Những Án tiết của phiên Tòa Hiệp Thiên Đài (*Điều thứ tám, chín, mười*) sau khi đã tuyên Án rồi, bị cáo nhân không còn kêu nài nữa.

Điều Thứ Mười Ba

QUYỀN PHÁ ÁN VÀ QUYỀN ƠN XÁ.

Quyền phá Án thì phần Tòa Tam Giáo Thiêng Liêng và quyền của Đức Chí Tôn (*Bát Quái Đài*) như định, ấy là về phần của cơ Thiên Trị.

Quyền Ơn xá là quyền của Đức Hộ Pháp về Hình luật hữu vi mà buộc người phải dâng Sớ vào Tòa Đạo Bát Quái Đài cầu xin tha thứ về Hình luật Thiên Điều.

Cách tổ chức của quyền Tư Pháp của Đạo hay là Pháp Chánh rất nên đơn sơ giản dị: chỉ có các Tòa Hòa Giải ở địa phương và một Tòa Tam Giáo Hiệp Thiên Đài.

Ngoài ra, mỗi cơ quan Chánh Trị Đạo có kỷ luật riêng, vị nào phạm kỷ luật ấy thì giao cho cơ quan mà họ thuộc thẩm quyền xử trị họ. Ta có thể tạm gọi đó là quyền Tư Pháp Hành Chánh. Quyền này gồm có các Hội Công Đồng cho tới Tòa Tam Giáo Cửu Trùng Đài làm cơ quan, đăng xử đoán những vụ tranh tụng quyền hành giữa Đạo hữu với Đạo hữu, Đạo hữu với Chức Việc, Chức Sắc; hay là Chức Sắc với Chức Sắc.

Nếu ta lấy sự tổ chức Tư Pháp của Đạo ra so sánh với Đời, sẽ thấy về mặt Đời nó có tánh cách phức tạp hơn.

Các Tư Pháp của Đời có các Tòa Án làm cơ quan.

VỀ DÂN SỰ:

1- Tòa Án Trị An tục kêu là Tòa Tạt Tụng hay là Tòa Hòa Giải (*Justice de paix*).

2- Tòa Án Đệ Nhất Thẩm hay Tòa Sơ Thẩm hay Tòa Sơ (*Tribunal de première instance*)

3- Tòa Án Phúc Thẩm kêu là Tòa Áo Đỏ (*Cour d'Appel*).

4- Tòa Thượng Thẩm kêu là Tòa Phá Án (*Cour de Cassation*).

VỀ HÌNH SỰ:

1- Tòa Sơ Thẩm hay Tòa Trưng Trị hay Tiểu Hình (*Cour correctionnelle*).

2- Tòa Đại Hình (*Cour d'Assise*).

3- Tòa Phá Án (*Cour de Cassation*).

Ngoài ra các vụ thuộc Dân sự và Hình sự còn có các vụ thuộc Thương sự, Công sự, Hành chánh, Quân sự... do các Ty Tư Pháp Thương sự, Công sự, Hành chánh, Quân sự... . . . xử đoán.

SƠ LƯỢC CÁCH TỔ CHỨC TÒA ÁN DÂN SỰ.

-Tòa Án Trị An: Chỉ có một Quan Tòa mà thôi, gọi là Quan Tòa Trị An (*Juge de paix*) không có Trưởng Tòa giữ trật tự và truyền rao giấy tờ. Việc này là về phần Hương Chức làng. (*Hương Hòa*).

-Tòa Án Trị An Rộng Quyền: (*Justice de paix à compétence étendue*).

Quyền hạn gần như Tòa Án Đệ Nhất Thẩm, song cách tổ chức có khác là Tòa Án Trị An Rộng Quyền có một Quan Tòa, một Quan Lục Sự và một Trưởng Tòa. Còn Tòa Đệ Nhất Thẩm thì có:

1- Quan Chánh Tòa (*Juge Président*).

2- Quan Tòa Trợ Thẩm (*Juge suppléant*) để thay thế Quan Chánh Tòa khi vắng mặt và làm Quan Bồi Thẩm (*Juge d'Instruction*).

3- Quan Biện Lý (*Procureur de la République*) để bảo vệ Pháp luật, trong phiên xử về Hình sự thì đứng buộc tội bị cáo nhưn.

Trong các Tòa lớn, có Quan Phó Biện Lý giúp việc.

4- Quan Lục Sự (*Greffier*) có chức trách coi việc giấy má, bảo tồn công văn. Thường có các viên Phó Lục Sự giúp việc (*Commis-Greffiers*). Quan Lục Sự dự phiên xử mặc áo tràng đen, đội mũ đen không có khoanh bạc.

-Tòa Phúc Thấm: (*Cour d'Appel*) gồm có các viên-chức sau đây:

1- Một Chánh Viện Trưởng (*Premier Président*).

2- Hai vị Ban Trưởng (*Président des chambres*) Chủ tọa hai ban trong Tòa Phúc Thấm. Ban thứ nhất (*Première chambre*) xử việc Hộ của người Pháp và Tiểu hình của người Pháp và người Việt Nam. Ban thứ nhì (*2e Chambre*) xử việc Hộ cho người bốn xứ.

3- Các Thấm Phán Quan (*Conseillers*).

Trong phiên nhóm xử các Tòa Phúc Thấm thì có:

- Một Chánh Thấm Phán (*Président*) tức là Ban Trưởng.

- Hai vị Thấm Phán (*Conseillers*).

- Một Chưởng Lý hay Phó Chưởng Lý (*Procureur général*) hay (*Substitut du procureur général*) hay Tổng Hộ Biện (*Avocat général*).

- Một Lục Sự (*Greffier*).

Các Thấm Phán Quan mặc áo đen, đội mũ nhưng khoanh vàng.

Khi nào phải xét về việc tố cáo Thấm Quan (*Prise à partie*), hay là một việc do Tòa Thượng Thấm phá Án rồi mà phải tái thẩm, thì phiên nhóm ấy gọi là phiên Đại Hội (*Audience solennelle*) thì các Quan Tòa mặc áo đỏ.

Tòa Thượng Thẩm (*Cour de Cassation*) tức là Tòa Pháp Án chỉ có phận sự xem xét coi các Tòa dưới xử có đúng theo Pháp luật hay không mà thôi

CHƯƠNG LÝ

Về các Chương Lý ở các Tòa Án Dân Sự (*Magistrats du Ministère public*), ở các Tòa Phúc Thẩm hay Tòa Đại Hình, thì về phần các Quan Tổng Chương Lý (*Procureur général*), Tổng Hộ Biện (*Avocats généraux*), hay Phó Chương Lý (*Substitut du procureur général*). Còn ở các Tòa Án Đệ Nhất Thẩm hay Tòa Tiểu Hình thì về phần các Quan Biện Lý (*Procureur de la République*), hay Phó Biện Lý (*Substitut du Procureur de la République*).

* Phận sự các Chương Lý:

- Bảo vệ Pháp luật, giữ cho các Quan Tòa, các Trạng Sư và mọi người tuân theo Pháp luật.

- Buộc tội Bị cáo như ở các phiên Tòa về Hình sự.

- Thỉnh cầu các việc nào nên thỉnh cầu, bên vực quyền lợi cho trẻ con vị thành niên, đàn bà có chồng, người mất công quyền ở các phiên Tòa Dân Sự.

- Có quyền xét xử, như xử truất quyền người cha, hay cải chánh giấy Khai sanh, Khai tử, Hôn thú.

- Có quyền Giám đốc các Quan Tòa Trị An, các Trạng Sư, Trưởng Tòa, Chương Khế (*Notaire*), Thừa Phát Lại (*Commissaire priseur*).

Các Quan Chương Lý thường kêu là Quan Tòa đứng (*Magistrats debout*) vì mỗi khi nói đầu đứng dậy (*Chỉ ngồi lúc Tòa tuyên Án*), đối với các Quan Tòa ngồi xử gọi là Quan Tòa ngồi (*Magistrats assis*).

HÌNH ÁN

CỦA PHÁP CHÁNH - HIỆP THIÊN ĐÀI

LUẬT: Những vị nào phạm Luật pháp thì chiếu theo Thập Hình của Đức Lý Giáo Tông mà định tội.

Kẻ phạm phải chịu dưới hai Quyền lực:

- **Luật:** Là Tân Luật, Bát Đạo Nghị Định và Luật Lệ Hội Thánh.

- **Pháp:** Là Pháp Chánh Truyền và Thánh Giáo của Đức Chí Tôn.

(Chương thứ tư, điều thứ mười lăm về Tòa Đạo trong Đạo Luật năm Mậu Dần- 1938).

Thập Hình của Đức Lý Giáo Tông chia ra có (05) năm khoản phạm pháp và (10) mười khoản phạm Luật.

PHẠM PHÁP

Đệ Nhứt Hình:

- 1- Không tuân Pháp Chánh Truyền và Đạo Nghị Định.
- 2- Phản loạn Chơn Truyền.
- 3- Chia phe phân Phái, và lập Tả Đạo Bàn Môn.

Định Án: Trục xuất.

Đệ Nhị Hình: Chư Chức Sắc Thiên Phong không tùng mạng lệnh của Hội Thánh:

- 1- Thuyên bổ không đi.
- 2- Không trọn phế Đời, hành Đạo.
- 3- Bỏ bê phận sự.

Định Án: Giáng cấp tới Tín Đồ hay buộc hành Đạo ngoại quốc.

Đệ Tam Hình:

- 1- Làm nhơ danh Đạo.
- 2- Mượn danh Đạo, tạo danh Đời.
- 3- Lợi dụng danh Đạo làm điều bất chánh.

Định Án: Giáng cấp từ phẩm đương quyền xuống đến hai hay là một cấp.

Đệ Tứ Hình:

- 1- Lấn quyền, giành quyền.
- 2- Phạm Thương.
- 3- Tự chuyên, sửa cải Chơn Truyền.

Định Án: Ngưng quyền từ (03) ba đến (05) năm năm.

Đệ Ngũ Hình:

- 1- Mê hoặc chúng sanh.
- 2- Cắm đố.

Định Án: Ngưng quyền từ (01) một đến (03) ba năm, và phạt vào Tịnh Thất.

PHẠM LUẬT

Đệ Nhất Hình:

- 1- Không tuân Tân Luật và các Luật Lệ Hội Thánh.
- 2- Công kích Hội Thánh.
- 3- Nghịch mạng.

Định Án: Trục xuất.

Đệ Nhị Hình:

- 1- Tư thông.
- 2- Dấy loạn Chúng sanh.

Định Án: Giáng cấp tới Tín Đồ hay buộc hành Đạo ngoại quốc.

Đệ Tam Hình:

- 1- Tham lam Tài chánh.

2- Giả mạo văn từ.

Định Án: Giáng cấp từ phẩm đương quyền xuống hai hay là một Cấp.

Đê Tứ Hình:

1- Khi lĩnh Hội Thánh.

2- Lập quyền riêng.

Định Án: Ngưng quyền từ (03) ba đến (05) năm năm.

Đê Ngũ Hình: Phạm Ngũ Giới Cấm.

Định Án: Ngưng quyền từ (01) một đến (03) ba năm.

Đê Lục Hình: Cường ngành.

Định Án: Phạt vào Tịnh Thất từ (01) một tháng đến (01) một năm mà vẫn còn Hành Chánh như thường.

Đê Thất Hình: Phạm Tứ Đại Điều Qui.

Định Án: Thuyên bổ đi nơi khác chỗ mình đang hành Đạo.

Đê Bát Hình:

1- Bê trễ phạm sự.

2- Biếng nhác.

Định Án: Triệu hồi về Tòa Thánh gần Giáo Tông và Hộ Pháp cầu học Đạo.

Đê Cửu Hình:

1- Ganh ghét.

2- Hung bạo.

3- Đố kỵ.

4- Xu phụ.

Định Án: Ăn năn sám hối thọ tội cùng chúng sanh.

Đê Thập Hình:

1- Phạm Thế Luật.

Định Án: Hầu kẻ đức hạnh của Hội Thánh định đăng cầu học Đạo.

2- Bị luật Đời trừng trị.

Định Án: Tùy tội nặng nhẹ, Tòa Đạo chiếu theo Thập Hình trừng trị thêm.

3- Những Vị nào vi phạm tội mà mất phẩm vị Thiêng Liêng, phải có luật Ân xá của Quyền Vạn Linh và quyền Chí Tôn mới đăng. Nhưng khi các Vị ấy biết ăn năn và lập nên Công nghiệp phi thường được toàn công chúng hoan nghinh và được Tòa Đạo minh tra đủ lẽ thì đăng phép phục sự với một Chức Sắc Thiên Phong nào mà kẻ phạm lựa chọn, cầu học Đạo thì mới xin đăng phục chức.

QUYỀN GIÁM SÁT VÀ QUYỀN BÃI MIỄN CỦA PHÁP CHÁNH

Chiếu theo Đạo Luật năm Mậu Dần (1938) thì **Pháp Chánh là Cơ quan Bảo thủ Chơn Truyền** y theo khuôn viên Đạo Pháp, bảo đảm sanh chúng, gìn cân Công lý cho toàn cả chúng sanh được sống một cách thung dung thơ thới dưới mặt Luật Công bình của Đạo.

Pháp Chánh bình vực những người bị uất ức, trừng phạt những người phạm Luật pháp, gìn giữ quyền hành phân minh, đăng cấp trật tự cho nền Chánh Trị Đạo.

Ngoài phận sự bảo vệ Luật pháp như Chức Sắc Hiệp Thiên Đài, hay rõ hơn Chư vị cầm quyền Pháp Chánh còn có phận sự chăm nom cả hành vi của toàn thể Đạo trong phạm vi hành sự của mình, thị chứng các cuộc nhóm họp của cơ quan Hành chánh và Phước Thiện.

Quyền này giống như Quyền Giám sát trong ngũ quyền Hiến Pháp của Tôn Dật Tiên nước Tàu.

Về Chánh Trị Đời, trong Chánh Thể Dân chủ, Nghị Hội dân chúng có quyền bãi miễn các viên chức của Chánh Phủ, nếu họ không vừa lòng hành vi của các vị này.

Trong Chánh Trị Đạo, thường thấy quyền bãi miễn này thuộc Bộ Pháp Chánh, tức là thuộc cơ quan của quyền Tư Pháp, chiếu theo Thập Hình của Đức Lý Giáo Tông.

Trong các trường hợp điều tra, khi một Vị Chức Sắc phạm tội, Bộ Pháp Chánh có quyền tạm bãi miễn, tức là tạm thu quyền và chức của Vị ấy, để đưa Bị cáo nhân ra Tòa Pháp Chánh điều tra hay thẩm phán, sau khi ấy, nếu trắng Án vô tội sẽ được phục quyền chức như cũ.

CƠ QUAN PHƯỚC THIỆN

Cơ Quan Phước Thiện đã định rõ rệt ở Chương thứ nhứt rồi, không phải bày giải thêm nữa ở Mục này. Nó là một cơ quan **thuộc Hiệp Thiên Đài** và dưới quyền điều khiển đặc biệt của Đức Hộ Pháp.

Hàng phẩm của Chức Sắc Phước Thiện chiếu theo Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng như dưới đây:

- 1- Minh Đức
- 2- Tân Dân
- 3- Thính Thiện
- 4- Hành Thiện
- 5- Giáo Thiện
- 6- Chí Thiện
- 7- Đạo Nhơn
- 8- Chơn Nhơn
- 9- Hiền Nhơn
- 10- Thánh Nhơn
- 11- Tiên Tử
- 12- Phật Tử

LUẬT TUYỂN CHỌN

Bất luận Nam hay Nữ, ai muốn gia nhập vào cơ quan Phước Thiện, phải lập Tờ Hiến Thân trọn đời làm công quả cho cơ sở Phước Thiện.

Những người ngoại giáo, hay chư vị Đạo Nhơn các nền Tôn Giáo khác muốn nhập vào cửa Đạo thì Hội Thánh sẽ do Công nghiệp Phước Thiện của họ mà định vị tùy theo Công nghiệp lớn nhỏ đặng định phẩm từ bậc Minh Đức tới Chơn Nhơn mà thôi.

Còn bậc Hiền Nhơn trở lên thì giúp Hội Thánh giữ gìn Chơn Pháp, nên các phẩm vị này phải do huyền diệu Cơ bút của Chí Tôn sở định. Người mới gia nhập Phước Thiện, khởi đầu làm công quả được 6 tháng thì vào hàng Minh Đức.

Những Chức Sắc hay Chức Việc đương quyền Hành Chánh mà muốn hiến thân vào Phước Thiện thì phải có Giấy Chứng nhận theo đẳng cấp của cơ quan mình mới đặng. Còn hạng Tín Đồ phải có Tờ kết chứng tánh hạnh của Bàn Trị Sự.

Chiếu theo Đạo Luật năm Mậu Dần (1938) Chương thứ hai về Phước Thiện thì bất luận người nào mới gia nhập vào cơ quan Phước Thiện đều phải làm công quả theo hàng Minh Đức, dầu cho vị ấy là Chức Sắc cao cấp bên cơ quan Hành Chánh cũng vậy. Nhưng năm Đinh Hợi vừa rồi, Đức Hộ Pháp có ra Thánh Lệnh số 531 đề ngày 13 tháng 10 Đinh Hợi (26-10-1947) cho Chức Sắc hai bên Hành Chánh và Phước Thiện được đối phẩm cùng nhau:

- Lễ Sanh đối với Giáo Thiện
- Giáo Hữu đối với Chí Thiện
- Giáo Sư đối với Đạo Nhơn và Chơn Nhơn

Hễ một vị Lễ Sanh được bổ qua Phước Thiện thì đương nhiên được kể là Giáo Thiện và phải mặc Sắc phục của Phước Thiện, dầu tạm bổ hay thuyên bổ thiệt thọ cũng vậy.

Về phần Chức Sắc Phước Thiện bổ qua Cử Trùng Đài cũng mặc Thiên Phục theo hàng phẩm đối hàm.

LUẬT CẦU PHONG

1- Chức Sắc Phước Thiện chịu dưới quyền công nhận của Đại Hội Phước Thiện là một Hội duy nhất mà đặng thăng

thưởng hay bị buộc tội. Hội này theo tính cách Nhất Viện Chế như trong Chánh Trị Đồi, Quốc Hội duy nhất của Chế độ Đại Nghị Pháp.

Sự phân quyền vẫn tương đối như ba Hội Quyền Vạn Linh vậy.

2- Bực Minh Đức muốn lên Tân Dân, Bực Tân Dân muốn lên Thính Thiện, Bực Thính Thiện muốn lên Hành Thiện phải có ba năm Công nghiệp đầy đủ với chức trách, có Tờ kết chứng Công nghiệp, tánh đức tốt, phải trường trai và có tư cách xứng đáng.

3- Bực Hành Thiện muốn lên Giáo Thiện thì ngoài điều ba năm Công nghiệp còn phải nuôi đủ mười hai gia tộc.

4- Mỗi đẳng cấp phải đủ ba năm Công nghiệp mới được qua đẳng cấp khác. Ngoại trừ ra những Vị nào có hai đại công, có đủ bằng cớ và được công chúng hoan nghinh, hoặc những Vị bị khổ hạnh, hay tù tội ngục hình vì Đạo, mới được vào Sổ cầu phong ngoài Luật đã định.

5- Về Hàm Phong và Truy Phong cũng theo các điều kiện như ân phong vậy.

Ngoài sự công nhận của Đại Hội Phước Thiện, quyền phong thưởng hay buộc tội Chức Sắc Phước Thiện thuộc về quyền đặc biệt của Đức Hộ Pháp.

SẮC PHỤC CỦA CHỨC SẮC PHƯỚC THIỆN

Chiếu theo Đạo Nghị Định số 48/PT ngày 13 tháng mười Mậu Dần (10/12/1938) thì Chức Sắc Phước Thiện mặc Đạo Phục thường (Nghĩa là khăn đen áo dài trắng) những ngày Đại lễ thì mặc áo tràng trắng choàng ngang vai một dây Sắc Lệnh bỏ mối qua tay mặt (*Thẻ Đạo*), trên dây Sắc Lệnh có gắn biểu hiệu theo hàng phẩm.

- Thính Thiện - Hành Thiện - Giáo Thiện: Mang dây Sắc Lịnh phái **Ngọc**

- Chí Thiện - Đạo Nhơn - Chơn Nhơn: Mang dây Sắc Lịnh phái **Thượng**

- Hiền Nhơn - Thánh Nhơn - Tiên Tử: Mang dây Sắc Lịnh phái **Thái**

- Phật Tử: Đạo Phục của Phật Tử sẽ do huyền diệu của Đức Chí Tôn định sau.

THỂ LỆ ĐẠI HỘI PHƯỚC THIỆN

Đại Hội Phước Thiện gồm có những Vị sau đây:

1- Nghị Viên

2- Phái Viên

3- Cả Chức Sắc từ phẩm Giáo Thiện trở lên.

Nghị Viên có hai hạng:

- Cả Chủ Sở Lương Điền Công Nghệ thuộc hàng Hành Thiện trong mỗi Tộc Đạo xúm nhau công cử một người thay mặt.

- Cả Chức Việc Bàn Cai Quản Sở Phước Thiện chánh trong Tộc Đạo xúm nhau công cử một vị thay mặt.

Phái Viên là Đại Biểu của các hạng Minh Đức, Tân Dân, Thính Thiện tức là các hạng mới nhập vào cơ sở Phước Thiện đặng học Thiện, theo Thiện và nghe Thiện, từ một đến năm trăm người hiến thân thì công cử một Vị, từ năm trăm lẻ một đến một ngàn người thì công cử hai Vị y theo thể lệ chọn cử Phái Viên của Quyển Vạn Linh.

Nghị Viên và Phái Viên trong mỗi Tộc Đạo gọi là Ban Ủy Viên.

Điều kiện căn bản bắt buộc chư Nghị Viên và Phái Viên là phải trưởng trai và có tánh đức tốt, xứng đáng Đại Biểu cho Phước Thiện.

Cuộc chọn cử Ban Ủy Viên tại mỗi Tộc Đạo phải có vị Giáo Thiện Đầu Tộc Đạo⁵ làm Chủ Tọa. Vị Chủ Tọa ban cho mỗi Vị đắc cử một Tờ kiết chứng đăng trình ghi khi về tới Tòa Thánh.

Ban Ủy Viên phải có mặt tại Tòa Thánh năm ngày trước ngày khai mạc Đại Hội.

PHẦN TẠO CƠ SỞ

Mỗi Hương Đạo phải khai mở nhiều sở Lương Điền, Công Nghệ, Thương Mãi.

Mỗi sở có một vị Chủ Sở vào hàng Hành Thiện Cai Quản và chịu dưới quyền điều khiển của sở Phước Thiện chánh.

Mỗi Tộc Đạo có một sở Phước Thiện chánh, làm nơi Hội hiệp đăng thương lượng các công việc làm ăn thuộc Phước Thiện, gồm có các Cơ quan:

- a- Bảo Sanh Viện
- b- Y Viện
- c- Ấu Trĩ Viện
- d- Dưỡng Lão Đường
- e- Học Viện . v.v...

Sở Phước Thiện chánh này đảm nhiệm do một Bàn Cai Quản có 12 người Chức Việc, chia ra các phận sự sau đây:

- 1- Một vị *Chủ Trưởng* làm Chủ Tọa các Hội nhóm.
- 2- Một vị *Phó Chủ Trưởng* giúp Chủ Trưởng lập Chương Trình các Hội nhóm, thay thế cho vị Chủ Trưởng vắng mặt.
- 3- Một vị *Thủ Bổn* lãnh phận sự bút toán, giữ Sổ sách Thâu Xuất, chịu trách nhiệm về công quỹ Phước Thiện sở tại và sẵn sàng trình bày mỗi khi Bàn Cai Quản muốn xem xét. Mỗi phiếu Xuất đều có Chữ ký tên của Chủ Trưởng hay của Vị Phó Chủ Trưởng thế quyền khi Vị trên vắng mặt.

Thủ Bổn giữ:

⁵ Khaâm Châu, Nãu Toác sau ñoài laii Quaun Châu, Quaun Toác.

- Một sổ Thâu xuất.
- Một cuốn sổ ghi Công quả.
- Một cuốn sổ Biên tài sản.
- Một cuốn Sổ Cấp tế những người cô quả, bệnh hoạn, đói khó, già cả, tật nguyền, cô độc, góa bụa và quan, hôn, tang, tế.

Trong mỗi kỳ nhóm lệ, Thủ Bồn phải lược thuật sự quản xuất tài chánh cho rõ ràng.

4- Một vị *Phó Thủ Bồn* giúp việc Thủ Bồn phần giấy tờ Sổ sách và thay thế khi Vị này vắng mặt.

5- Một vị *Từ Hàn* lãnh phần lập Vi Bằng các kỳ Hội nhóm, giữ sổ sách công văn của nhà Sở chánh.

6- Một vị *Phó Từ Hàn* giúp việc cho Từ Hàn.

7- Sáu vị *Nghị Viên*, trong đó cử ra hai vị Kiểm soát, nhiệm kỳ một năm, đặng xem xét các sổ sách của Thủ Bồn và Từ Hàn, tờ lược thuật tài chánh của Thủ Bồn mỗi kỳ nhóm lệ, phải có chữ ký tên của hai Vị Kiểm Soát Viên mới đủ phép. Hai vị Kiểm Soát Viên được tự quyền lập Tờ phúc gửi về cho Hội Thánh tường hiểu.

Còn bốn Vị *Nghị Viên* kia thì lo tra xét tin tức quan hệ tới quyền lợi của Cơ sở Phước Thiện, giúp Chủ Trưởng giữ trật tự các kỳ Hội nhóm.

Bàn Cai Quản Sở Chánh Phước Thiện gồm có các Chức Việc trọn hiến thân vào Phước Thiện, chỉ trừ chức Chủ Trưởng phải chọn trong hàng Chủ Sở Lương Điền, Công Nghệ. Cuộc công cử này có mặt Khâm Châu, Đầu Tộc Đạo Phước Thiện Chủ Tọa và một vị Sĩ Tả hay Luật Sự chứng kiến và ký nhận vào Vi Bằng.

CHƯƠNG THỨ NĂM
**SO SÁNH CHÁNH TRỊ ĐỜI
 VÀ CHÁNH TRỊ ĐẠO**

CHÁNH TRỊ ĐỜI

Từ xưa tới nay, khắp Thế giới, Chủ quyền Quốc Gia chia cho hai quyền nắm giữ:

1- Vua

2- Dân

Do đó nảy sinh ra hai Chánh Thể: **Quân Chủ** và **Dân Chủ**.

QUÂN CHỦ

Trong Chánh Thể Quân Chủ, Vua là tượng trưng cho Chủ quyền Quốc Gia. Mọi trị quyền như quyền Lập Pháp, quyền Hành Pháp và Quyền Tư Pháp đều thu trong tay của một người, người ấy là Vua.

Ngày trước, Chánh Thể Quân Chủ có hai hình thức: **Độc tài** và **Chuyên chế**, ngày nay không còn nữa. Phần nhiều các nước trên Thế Giới đã đổi lại theo Thể chế Dân Chủ hay Quân Chủ Lập Hiến hầu hết cả.

Độc tài (*Despotisme*) là không bị một Pháp luật nào hạn chế cả, Vua có đủ quyền sanh sát, mọi Luật pháp điều do ý muốn của Vua. Vua được hoàn toàn hành động tự do ở trên và ngoài Luật pháp.

QUÂN CHỦ LẬP HIẾN

Chánh Thể Quân Chủ Lập Hiến (*Monarchie constitutionnelle*) là phương pháp dung hòa quyền hành của Vua và quyền lợi của Nhơn dân. Người tượng trưng cho Chủ quyền vẫn là nhà Vua, song quyền của Vua chia một phần cho Dân, tức là Quân Dân cộng trị vậy. Quyền hành của Vua và quyền lợi của Dân đều do Hiến Pháp qui định rõ rệt.

Quân Chủ Lập Hiến là một bước dài tiến bộ của Chánh Thể Quân Chủ, Quân Chủ chuyên chế, và trong Chánh Thể này quyền Dân được thi thố theo phạm vi của nó.

Dân có quyền thỉnh nguyện và đề nghị lên nhà Vua những ước vọng chánh đáng của mình, và trái lại Vua cũng phải tôn trọng quyền lợi của nhơn dân. Cho nên Hiến Pháp là một bản cam kết giữa Vua và Dân để duy trì quyền lợi của nhau.

Để thực hiện quyền Tham chánh của mình, Nhân dân bầu cử Đại Biểu lập thành Nghị Hội để chế định Luật pháp đúng theo Dân ước, Dân nguyện.

Vua là tượng trưng độc nhất của Quốc Gia, Vua đứng đầu quyền Hành chánh, Vua dùng uy tín của mình để ban hành Luật Pháp cho nhơn dân. Luật Pháp lập thành do Dân nguyện, thì sự thi hành Luật pháp tức nhiên vừa với Dân nguyện, đi sát với quyền lợi của Dân sanh.

Nhà Vua trong Chánh Thể này vẫn được truyền tử lưu tôn và bất khả xâm phạm. Muốn giữ được mãi tính cách quý trọng đối với lòng tôn Vương của dân chúng mà không phản lại quyền lợi của dân chúng, ngày nay có thuyết Quân Chủ vô trách nhiệm.

Lẽ thường có quyền hành nắm trong tay, tức nhiên có trách nhiệm lớn lao, khi làm không tròn tất bị bãi bỏ.

Mà muốn lúc nào cũng như lúc nào, vẫn tôn kính nhà Vua thì không thể để cho nhà Vua có trách nhiệm được. Không có trách nhiệm tức không có thực quyền.

Vậy ngôi vị nhà Vua chỉ có danh mà không có quyền, không có trách nhiệm, thì được yên vị mãi mãi. Địa vị Vua nước Quân Chủ Lập Hiến giống như Tổng Thống nước Dân Chủ Cộng Hoà.

Để gánh trách nhiệm thay Vua, đã có Thủ Tướng và Nội Các. Thủ Tướng và các vị Tổng Trưởng (*Tức nhưn viên của Nội Các*) cầm quyền điều khiển mọi việc trong Nước, chịu trách nhiệm trước Nghị Hội, khi không tròn nhiệm vụ tất bị Nghị Hội bãi miễn ngay.

Mục đích của thuyết Quân Chủ vô trách nhiệm là để tránh sự Độc tài của nhà Vua, vừa để cho Dân có thể thay thế, chọn lựa người xứng đáng, thi hành Chánh sách ích Nước lợi Dân, hạp ý Dân.

Hiện thời, về Chánh Thể Quân Chủ Lập Hiến, có hai Nước đáng chú ý: **Anh** và **Nhật**.

QUÂN CHỦ LẬP HIẾN ANH.

Chế độ Quân Chủ Lập Hiến nước Anh gọi là Chế độ Đại Nghị. Người tượng trưng cho Chủ quyền Quốc gia là nhà Vua, mà người chịu trách nhiệm trước Nghị Hội là Thủ Tướng. Thủ Tướng do Vua bổ nhiệm. Thủ Tướng chọn lựa các Tổng Trưởng và Thứ Trưởng đặng lập Nội Các cai trị toàn quốc. Quyền Tư Pháp do các Tòa Án thi thố.

Quan hệ nhưt là quyền Lập Pháp, dưới có Quốc Hội làm Cơ quan, trên có Viện Quý Tộc (*Chambre des Lords*) kèm chế bất tánh cách giục thúc của Quốc Hội.

Nhà Vua giao trọn quyền Hành Chánh cho Nội Các do vị Thủ Tướng làm đầu.

Vua chỉ giữ quyền Phê chuẩn và quyền Phủ quyết các Đạo luật đã được Quốc Hội đề nghị.

Vua được quyền giải tán Quốc Hội.

Quyền lợi của quốc dân nước Anh được bảo đảm do các Bản cam ước từ xưa đến nay giữa Vua và Dân lập thành văn kiện.

QUÂN CHỦ LẬP HIẾN NHỰT.

Nhà Vua ở nước Nhựt khác nhà Vua ở nước Anh, vì Vua Nhựt mệnh danh là Thiên Hoàng, là Đấng Thần Linh, chí tôn, chí trọng của Dân, Vua Nhựt cầm quyền tối cao bình bị trong nước. Trong lúc loạn lạc chiến tranh, Vua Nhựt được quyền đình chiến, khai chiến, giảng hòa với các nước. Quyền của nhà Vua Nhựt không bị quyền của Lập Pháp chi phối và Vua có quyền bãi bỏ hoặc bổ nhiệm các Tổng Trưởng mà các Bộ Trưởng khi nhận chức không bị bắt buộc phải trình với Quốc Hội ưng thuận. Các Tổng Trưởng chịu trách nhiệm trước nhà Vua, không phải trước Nghị Hội.

Nước Nhựt được mau tiến bộ trên đường Duy tân theo kịp các nước liệt cường cũng nhờ ở uy tín và quyền hành rộng rãi, có khi cũng độc tôn.

Các nước nhược tiểu ngày nay vừa tỉnh giấc mê, biết áp dụng Chế độ cai trị như Nhựt chẳng mấy chốc mà tiến tới rứt rỡ trên đài vinh quang.

DÂN CHỦ

Trong Chánh Thể này, Chủ quyền thống trị toàn quốc thuộc về Nhân dân. Nhân dân là tất cả mọi người trong nước không phân biệt nam nữ, địa vị, giai cấp, già trẻ.

Nhân dân là những đơn vị kết hợp thành khối Quốc gia, cho nên Nhân dân được quyền tham dự việc chánh, đặng vận dụng Chủ quyền.

Mặc dù Chủ quyền thuộc toàn Dân, nhưng trong nước phải có một người tượng trưng quyền hành tối cao để chỉ huy và tổ chức việc cai trị. Trong nước Quân Chủ, người ấy là Vua; trong nước Dân Chủ, người ấy là Tổng Thống do dân

chúng bầu. Tổng Thống khác với Vua, bởi Vua được truyền tử lưu tôn, còn Tổng Thống do Dân bầu cử lên cầm quyền trong một thời hạn nhất định lâu hay mau tùy theo mỗi Nước. Nước Dân chủ có Tổng Thống gọi là Dân Chủ Cộng Hòa (*République démocratique*).

Lại nữa, Nhân dân là tất cả mọi người trong Nước, không phải một lúc đều ra tham chính cả, cho nên cần phải tổ chức có qui cũ.

Trong các quyền duy có quyền Lập Pháp là Dân chúng tham dự dễ dàng và tiện lợi nhất. Dân chúng bầu cử Đại Biểu lập Nghị Hội, ủy nhiệm cho Nghị Hội quyền chế định Luật Pháp cho vừa với Dân lợi, Dân sanh. Vị Tổng Thống dùng quyền tối cao của Nước, ban bố các Luật pháp do Nghị Hội lập thành. Tổng Thống là Đại diện cho Quốc Gia.

Quyền của Tổng Thống có khi phụ thuộc quyền Lập Pháp. Như ở nước Pháp, vị Tổng Thống do Quốc Hội bầu cử lên, nên quyền Lập Pháp là tượng trưng cho Chủ quyền tối cao mà quyền Hành Chánh là phụ thuộc để thi hành Luật pháp, cho nên quyền của Tổng Thống phải phụ thuộc quyền Nghị Hội. Vị Tổng Thống nầy vô trách nhiệm, và Chế độ nầy gọi là Chế độ Đại Nghị pháp.

Còn ở Mỹ, Tổng Thống do dân trực tiếp bầu cử lên, cho nên hai quyền Hành Chánh và Lập Pháp ngang nhau, tức là quyền của Tổng Thống không hề bị phụ thuộc quyền Nghị Hội mà nhiều khi quyền của vị Tổng Thống nầy còn rộng rãi hơn nhiều. Chế độ nầy gọi là Chế độ Tổng Thống.

Về việc Lập Pháp, các Nước Dân chủ hiện giờ, có nơi còn giữ hai Viện (*Lưỡng Viện Chế*), có nơi sáp nhập Thượng, Hạ Nghị Viện làm một (*Nhứt Viện Chế*). Như ở Pháp hiện thời, nhập Thượng Nghị Viện (Sénat) và Hạ Nghị Viện (*Chambre des Députés*) làm một gọi là Quốc Dân Đại Hội (*Parlement*). Nhưng ở trên thêm một Viện Cộng Hòa (*Conseil*

de la République) là cơ quan thuộc Chánh Phủ để bình vực các Dự án của Chánh Phủ.

Trên đây là nói về các Trị Quyền: Lập Pháp, Hành Pháp, Tư Pháp, còn nếu phân tách tỉ mỉ ra, dân chúng ở dưới Chánh Thể Dân Chủ còn có những quyền như dưới đây:

1- Quyền Tuyển cử, tức là quyền Ứng cử và Bầu cử Nghị Viên Quốc Hội, bằng cách phổ thông đầu phiếu.

2- Quyền Bãi miễn là bãi bỏ và làm tội các quan lại.

3- Quyền Sáng chế, tức là sáng kiến và đề nghị Luật Pháp.

4- Quyền Phúc quyết nghĩa là quyền quyết định lại những Luật lệ nào trái với công ích, công lợi.

5- Nhiều khi thêm quyền Phủ quyết là quyền phản đối, không nhìn nhận một Luật lệ nào đó còn hiệu lực nữa.

Ngoài các Chánh quyền, Nhân dân còn được hưởng mọi Tự do Dân chủ như: Tự do thân thể, Tự do Cư trú, Tự do Hội họp, Tự do Tư tưởng, Tự do Tín giáo, Tự do Lễ bái, Tự do Ngôn luận, Tự do Xuất bản, Tự do Kết xã, v.v. .

KHUYNH HƯỚNG CỦA CÁC QUỐC GIA

Các Quốc Gia ngày nay, phần nhiều Chánh Thể Dân Chủ thường xu hướng các Chủ nghĩa Xã hội, Tư bản, Vô sản v.v... rồi lại nảy sinh nhiều Chánh sách Độc tài, Đảng trị.

Chủ nghĩa nào cũng có cái hay, mà Chủ nghĩa nào cũng có cái dở. Song điều quan hệ là Chủ nghĩa hay Chánh sách nào không phản lại quyền lợi của đại chúng thì được khối dân ủng hộ

CHÁNH TRỊ ĐẠO

Chánh Trị Đạo là phương dung hòa tinh túy cả Thể chế Chánh Trị Đại đồng, thích hợp với quyền lợi của Nhơn sanh khắp toàn cầu Thế giới.

Nói rằng Chánh Trị Đạo xu hướng Quân Chủ, thì đó, phẩm vị Giáo Tông là vị Giáo Chủ trên các vị Giáo Chủ, vị Hoàng Đế trên các vị Hoàng Đế, chẳng khác nào một ông Vua ngồi trên một Triều Chánh oai nghi, mà một ông Vua được tuyển chọn từ khối Dân đi lên theo từ đẳng cấp cho đến cùng tột, một ông Vua không có quyền truyền tử lưu tôn, mà chỉ truyền Hiên. Ông Vua đó đắc vị do một cuộc Tổng Tuyển cử toàn cầu (*Élection Universelle*) mà ứng cử là chư vị Chưởng Pháp và Đầu Sư. Ngoại trừ trường hợp do Cơ bút của Đức Chí Tôn lựa chọn, phẩm vị Giáo Tông phải được lựa chọn y theo Pháp Chánh Truyền của Đạo.

Ông Vua Đạo không được độc tài hay chuyên chế, vì Ông không chế định Luật pháp; dưới Ông còn có phẩm Đầu Sư có quyền xin lập, và chế giám Luật lệ, và có phẩm Chưởng Pháp, kiểm soát hành tàng. Luật Pháp nào không có đủ ba ấn Chưởng Pháp, không có giá trị ban hành. Cầm quyền cai trị có Đầu Sư, mà Hành chánh là Chánh Phối Sư.

Trong chánh thể trị Đạo, quyền Dân được đặc biệt tôn trọng. Coi như Hội Nhơn Sanh, trên có hai Hội: Hội Thánh và Thượng Hội hiệp lại làm cơ quan của quyền Lập Pháp, tức quyền Vạn Linh. Nguyên ước của Nhơn sanh, sau khi được ba Hội thảo luận và đồng ý kiến chấp thuận, được dâng lên quyền Chí Tôn phê chuẩn thành Luật ban hành. Khác với Chánh Thể Dân Chủ, là Dân chúng chẳng những chỉ có quyền Bầu cử Nghị Hội và Tổng Thống mà thôi, mà ở đây Nhơn sanh ngoài quyền Bầu cử Nghị Viên và Phái Viên đại diện cho mình ở Hội Nhơn Sanh, còn có quyền chọn lựa các quan

Đạo từ trong khối Dân rồi tuân tự chấp thuận đề nghị thăng thưởng từ đẳng cấp theo điều kiện định trước, cho đến cuối cùng có cuộc Tổng Công cử Giáo Tông.

Nhơn sanh được quyền Bầu cử, chọn lựa kẻ cầm quyền Hành chánh từ trong Hương Xã trở lên. Trước nhứt các phẩm Chức Việc Bàn Trị Sự từ Ấp Đạo đến Hương Đạo, đều do nhơn sanh ứng cử và bầu cử. Chế độ này giống Dân Chủ Xã Hội.

Chánh Trị Đạo giống Chánh Thể Quân Chủ Lập Hiến, bởi Luật lệ lập thành do nguyện ước của nhơn sanh, nhưng đó chỉ là những Luật lệ thường, đặng thi hành Pháp Chánh Truyền, tức là một bản cang tánh Hiến Pháp bất di bất dịch do huyền diệu Cơ bút của Đức Chí Tôn truyền dạy.

Chánh Trị Đạo giống Chánh Trị Tư Bản và không cấm đoán sự Tự do tư sản, tôn trọng quyền lợi của mọi người, ủng hộ Trí thức, duy trì trường quan lại, nhưng cũng giống Chánh Trị Vô Sản, bằng cơ là trong cửa Đạo có cơ quan Phước Thiện. Những người hiến thân vào Phước Thiện, hiến cả tư sản gia nghiệp cho Đạo, rồi vào đó tùy sự bổ dụng của cơ quan ấy, làm ra bao nhiêu lợi tức để vào của chung.

Đói có Phước Thiện cho ăn, rách có Phước Thiện cho mặc, ốm đau có Phước Thiện cho thuốc, nói tóm lại Phước Thiện lãnh bảo đảm tất cả về phần sanh sống vật chất.

Trong Chánh Trị Đạo tuy rằng tôn trọng Dân quyền một cách đặc biệt, không phải là không Độc tài.

Trong buổi loạn Đạo mà Giáo Tông và Hộ Pháp phản khắc nhau, không thể gì nắm vững nền Chánh Trị Đạo cho khỏi xáo trộn, hoặc vì Tà quyền lẫn lộn, thì Giáo Tông và Hộ Pháp ủy nhiệm cho Đầu Sư cầm Quyền Thống Nhứt Chánh Trị Đạo, nghĩa là nắm cả Chánh trị và Luật lệ trong tay, tự do sử dụng, tùy nghi thế nào để dẹp yên mối loạn. Khi đó Giáo Tông và Hộ Pháp cũng phải cúi đầu vâng mạng lệnh của

Quyền Thống Nhất. Khi hết loạn thì Đầu Sư phải giao Quyền Thống Nhất lại cho Giáo Tông và Hộ Pháp.

Quyền Độc tài của Đầu Sư không phải là tuyệt đối, bởi theo Pháp Chánh Truyền của Đạo có ba vị Đầu Sư. Tuy vậy, vị Thượng Đầu Sư có quyền hơn hai Vị kia và là người chánh thức cầm Quyền Thống Nhất, song lúc nào cũng phải có sự đồng ý kiến của hai Vị kia mới thi hành được. Quyền Độc tài bị hạn chế ở chỗ đó.

Tóm tắt lại, Chánh Trị Đạo không đặc biệt giống một Chánh Thể trị Đời nào hết, mà trong Chánh trị Đạo hầu như gom góp cả cái hay của toàn cầu, dung hợp cùng nhau làm thành Chánh thể thích hợp với cả mọi người, trong đó quyền Dân được thi hành tùy sự tấn triển của Dân trí, và quyền Vua được tôn trọng, tùy sự bảo tồn của nơn phong; ta có thể tạm gọi **Chánh Thể trị Đạo là Chánh Thể Quân Chủ Dân Quyền vậy.**

CHUNG



Số: 30/BKD/TT

Ban Kiểm Duyệt Kinh Sách HỘI THÁNH

Kiểm Duyệt, ngày 29 tháng 01 Giáp Dần.

(ĐI 20-02-1974)

**ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH**

**PHƯƠNG CHÂM
HÀNH ĐẠO**

Soạn giả:

Thượng Đâu Sư **LÊ VĂN TRUNG**



HỘI THÁNH GIỮ BẢN QUYỀN
(Tái bản năm Kỷ Dậu- 1969)

MỤC LỤC

I- Giữ Đạo.

- 1- Làm lành Lánh dữ
- 2- Trau dồi đức hạnh

II- Người trong Đạo phải đối đãi nhau thế nào?

- 1- Tín đồ
- 2- Chức Sắc

III- Đối với người ngoại giáo.

- 1- Đối với viên quan Chức sắc
- 2- Đối với người khác Đạo
- 3- Đối với người nghịch Đạo

IV- Phổ thông Thiên Đạo.

- 1- Thuyết Đạo
- 2- Khai Đàn

V- Phải năng hầu Đàn.

VI- Điều Lệ hầu Đàn.

VII- Phải xem Kinh sách, Luật lệ.

VIII- Phải xem Kinh sách thế nào?



ĐỨC QUYỀN GIÁO TÔNG THƯỢNG TRUNG NHẬT

LỜI TỰA

Thiết tưởng, Đạo nào cũng dạy lánh dữ làm lành. Chủ nghĩa mỗi Tôn Giáo thấy đều cao thượng; nhưng nếu người hành Đạo không noi theo một Phương châm nào cho chính đáng, tức nhiên Đạo cao thượng cũng hóa ra hư hèn, rồi lâu đời mỗi Chánh Truyền phải mất.

Tôi vốn không từng viết văn, lẽ không nên làm sách, song nghĩ vì trách nhiệm nặng nề, sở dĩ phải lược lục Quyển sách “PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐẠO” này, mong rằng chư Đạo Hữu lưỡng phái Nam nữ nhứt tâm hành sự theo qui tắc chuẩn thẳng, thì rất may mắn cho nền Đạo, mà lại cũng là một điều hân hạnh cho tôi lắm đó.

Mỗi lần thuyết Đạo, chư vị Thiên Phong cũng nên đem Quyển sách này ra đọc cho chư Tín Đồ nghe, rồi giải rành thêm cho mọi người dễ hiểu.

Tòa Thánh Tây Ninh, ngày 29 tháng 02 năm Mậu Thìn

Thượng Đẩu Sư

LÊ VĂN TRUNG

PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐẠO

I- GIỮ ĐẠO

Kỳ Hạ Ngươn này là buổi hiệp Tam Giáo làm một, hầu đem về căn bản cho hiệp lễ tuần hườn; Đức NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ lại dùng huyền diệu Tiên gia giảng Cơ giáo Đạo; thế thì chúng ta lấy làm hữu duyên hữu phước mới sanh nhằm đời Đạo mở; muôn năm ngàn kiếp mới có một lần như vậy; nếu chẳng thành tâm tu niệm thì rất uổng cho cơ hội này lắm đó.

Nhập môn cầu Đạo là để làm lành lánh dữ, dưỡng tánh tu Tâm, lập công bồi đức, cứu độ Nhơn sanh, chớ không phải vào Đạo để cậy lấy phần đông, rồi kết phe lập đảng mà ý chúng hiệp cô cùng là xui mưu làm loạn. Kẻ vào Đạo chỉ mưu việc quấy như vậy là muốn gây rối cho nền Đạo, tức là kẻ nghịch Đạo đó.

Muốn giữ Đạo cho tròn bổn phận, người Nhập môn rồi phải do theo “**Tân Luật**” lại cần phải “**làm lành lánh dữ**” và “**Trau giới đức hạnh**”.

1- LÀM LÀNH LÁNH DỮ

Có người thuở nay không làm điều chi bất nhơn thất đức, cứ một lòng ở thật ăn ngay; như vậy có đủ gọi là làm lành lánh dữ không? Không đâu. Người ấy chỉ có biết lánh dữ

mà thôi, nghĩa là chỉ có biết giữ mực công bình¹ của nhơn loại vậy thôi, chớ chưa có chi gọi là làm lành.

Muốn trọn hai chữ làm lành, phải cứu nhơn độ thế. Kinh Phật dạy cứu nhơn độ thế mà không giải rành là sao, thành ra nhiều vị tu hành không để ý đến, chỉ biết có một phép Từ bi thanh tịnh là gốc.

Sao gọi là cứu nhơn độ thế?

Cứu nhơn độ thế là cứu cấp những người đương hồi khốn cùng, hoạn nạn; ai đói mình cho ăn, ai khát mình cho uống, ai đau mình giúp thuốc, ai thác mình thí hòm, ai lạc nẻo mình chỉ đường, ai buồn rầu mình an ủi, ai kiện thưa tranh đấu mình kiếm chước giải hòa; bắt cầu bồi lộ cho hành khách tiện bề qua lại; in thí Kinh điển, Thiên thư cho mọi người coi theo hầu cải Tà qui Chánh, vân vân. . . Vậy mới gọi là cứu nhơn độ thế, song chẳng nên bắt cấp mà cũng đừng cho thái quá.

Bất cấp là khi nào mình giúp người không trọn, có trước không sau, làm cho người sau rồi cũng phải khốn cùng, hoạn nạn như trước vậy.

Thái quá là đặng ai giúp nấy, không xét coi kẻ ấy đáng giúp hay chẳng, vì ở đời lắm người giả dối, quanh năm chỉ ỷ lại nơi người nhơn thiện mà no cơm ấm áo. Giúp đỡ cho những kẻ ấy tức là giúp cho họ dễ bề làm biếng, tiện thế ở không, tức là chường ác cho họ vậy.

Vả lại, cứu nhơn độ thế phải tùy dươn tùy sức mới đặng; giàu cứu độ theo phận giàu; nghèo cứu độ theo phận nghèo; theo lời giải trước kia, cứu nhơn độ thế có nhiều cách;

1 Mực Công bình chỉ gom vô câu này: “Việc chi mình không muốn, thì mình chẳng nên làm việc ấy cho ai.” Bao giờ mình lại muốn việc dữ đến cho mình; thế thì mình chẳng nên làm dữ với ai cả. Cho nên không làm dữ là giữ mực Công bình vậy thôi, chớ chưa đủ gọi là LÀNH đặng.

có của thí của, không của thí công; của công ví đặng thiệt lòng, cân lại cũng đồng Âm chất.

2- TRAU GIỎI ĐỨC HẠNH

Người giữ Đạo không những gọi làm lành lánh dữ là đủ, lại còn phải trau giỏi đức hạnh thì nơn cách mới hoàn toàn.

Đức hạnh là điều cần nhất của bậc tu hành. Thành Tiên, thành Phật cũng nhờ đức hạnh, vì thuở nay chưa từng nghe có Tiên Phật nào mà không hoàn toàn đức hạnh. Thái Thượng khuyên lập Đức, Khổng Thánh dạy Tu thân, lập Đức tu Thân là căn bản của Tôn Giáo.

Muốn vẹn bề đức hạnh, ngoài Đạo Tam Cang Ngũ Thường ² ra ta lại cần phải giữ sao cho đặng khiêm nhượng, nhẫn nại, thuận hòa, kiên tâm, thanh liêm, thì mới gọi là Khắc kỷ ³ mới gấm ghé đặng phẩm vị Thần Tiên vậy.

Khiêm nhượng

Sao gọi là khiêm nhượng?

Khiêm nhượng là hạ mình để nhượng người, tặng người trên mình vậy. Đấng Chí Tôn có dạy rằng: “Hạnh Khiêm nhượng là hạnh yêu dấu của Thầy . . Các con phải cho Khiêm nhượng mới độ rỗi Thiên hạ đặng”. Kể tài sơ mà biết khiêm nhượng, người bác học mới vui dạ dất đều; người bác học mà biết khiêm nhượng, kẻ tài sơ mới đem lòng mến phục. Nên biết rằng dầu mình tài cao trí sáng đến bậc nào đi nữa, cũng có người khác giỏi hơn mình; vả lại, nếu đem cái sức học hữu hạn của mình mà so sánh với biển Thánh mênh

² *Đạo Tam Cang Ngũ Thường* đã có nhiều sách giải rồi, tưởng không cần luận ra đây cho choán giấy.

³ *Khắc kỷ* là thắng mình (*La maitrise de soi*) là đè ép được tánh tình chẳng tốt.

mông, rừng Nhu thăm thăm thì có thấm tháp vào đầu mà mong tự đắc. Vì vậy mà Thánh Hiền xưa có nói: *“Học chùng nào càng thấy mình dốt chùng nấy”*.

Thánh Hiền xưa thì vậy, còn người đời nay, phần nhiều hễ mở miệng ra đà khoe mình giỏi, không đợi ai khen, cái tánh tự kiêu ấy làm cho lòng dạ tối tăm, có mắt mà không biết thấy, có trí mà không biết suy; vì vậy nên hễ việc chi của mình làm, lời chi của mình thốt đều cho là phải cả, rồi hiu hiu tự đắc, xem người như không có; ai nói cũng không nghe; ai khuyên cũng không nạp; ai trách lại không dung.

Kẻ tự kiêu là ngu xuẩn thì không quan hệ chi, vì đã là ngu xuẩn thì không ai thêm phục; cho nên kẻ ấy không làm hại đến ai, chỉ có làm trò cho thiên hạ cười chơi vậy thôi. Đến như kẻ tự kiêu mà tài giỏi thì rất nên nguy hiểm, vì kẻ ấy đủ tài lực chuyên chế cả hạng người tinh thần yếu ớt rồi một mình làm quấy kéo cả bọn quấy theo; một mình nghị sai hại cả một đoàn sai cả. Có câu rằng: **“Thiên Đạo ố dinh nhi ích khiêm”**. Nghĩa là: *“Đạo Trời ghét đầy mà thêm vơi”* nghĩa là ghét kẻ tự kiêu mà giúp cho người khiêm nhượng.

Quý hoá thay hạnh Khiêm nhượng!

Nguy hiểm thay tánh tự kiêu!

Nhẫn nại

Đức Nhẫn nại là Đức nhịn nhục. Người biết nhẫn nại không đua tranh, cãi cọ với ai, cứ giữ thái độ ôn hòa, ai nhạo báng không hờn, ai chê bai chẳng giận.

Việc chi mà hai bên phải xung đột kịch liệt nhau, nếu một đảng biết nhẫn nại thì việc cũng hóa êm, tỉ như hai đầu dây, một bên thẳng, một bên dòn, thì chẳng hề dây đứt. Nên biết rằng: Nhẫn nại là không phải xấu, chỉ muốn xuôi mọi việc mà thôi, cho nên Phương ngôn có câu: *“Một câu nhịn bằng chín câu lành”*.

Đức Nhẫn nại rất cần ích cho mọi người, như là cho người hành Đạo vì người hành Đạo thường hay gặp điều khó khăn gay trở, nào là kẻ này vắn nạn, nào là người kia công kích, nếu không nhẫn nại cho qua buổi chi cho khỏi sinh ra lăm cuộc dở dang bất hoà, mà hễ bất hoà thì còn mong chi độ người cho được.

Thuở trước có một người trong hàng Đệ tử Đức Thích Ca xin đi truyền Đạo.

Đức Phật hỏi rằng: “Nếu truyền Giáo người ta không nghe, còn trở lại mắng nhiếc, thì hiền đồ liệu sao?”

Thưa: “Nếu ai mắng nhiếc, thì Đệ tử chắc rằng người ấy là người tốt, vì họ không đánh đập”.

Hỏi: “Nếu họ đánh thì Hiền đồ liệu sao?”

Thưa: “Đệ tử cũng cho họ là lành tốt, vì họ chỉ đánh đập chớ chưa hề đâm chém”.

Hỏi: “Nếu họ đâm chém thì Hiền đồ liệu sao?”

Thưa: “Đệ tử cũng cho họ là lành tốt vì họ không đành lòng chém Đệ tử đến chết”.

Hỏi: “Nếu họ chém chết mới liệu sao?”

Thưa: “Đệ tử sẽ cho họ là người ơn vì nhờ họ Đệ tử khỏi đau đớn mà thoát được cái xác thịt thú hôi tù túng này”.

Ấy là một gương Nhẫn nại chúng ta nên noi theo trong mảy mún để đi truyền Đạo.

Thuận hòa

Sách có câu: “*Địa lợi bất như nhơn hòa*”. Nghĩa là: “Đất lợi chẳng bằng người hòa”. Cho nên gia đình nào mà chẳng thuận hòa thì gia đình ấy chẳng đặng yên ổn; chồng trách vợ, vợ hờn chồng, gia đạo không thành, rồi ra lăm điều cắn đắng.

Thân tộc nào mà chẳng thuận hoà, tức là thân tộc ấy phải mất niềm tương hảo, rồi đối với nhau không những là

không mật thiết, mà lại còn chống trả nhau trách thẹn nhau, nghịch lẫn nhau cho tương tàn cốt nhục.

Xã hội nào mà chẳng thuận hòa tức là xã hội ấy phải đảo điên rối rắm chẳng chi là trật tự, công bình, rồi mạnh đê yếu, trí hiếp ngu, lê thứ phân vân, dân tình ly loạn.

Tôn Giáo cũng như một gia đình, một thân tộc, một xã hội vậy. Tôn chỉ Đạo đầu cao thượng đến đâu đi nữa, nếu người hành Đạo không được thuận hòa, nền Đạo tức phải vì đó mà nghiêng đổ. Nền Đạo tử như Nhơn thân, mỗi người hành Đạo chẳng khác nào một phần trong thân ấy. Giác quan, tạng phủ thấy đều ăn chịu nhau, nường cậy nhau cả, thì người cùng chung một Đạo cũng phải ăn chịu nhau, nường cậy nhau mới được.

Xét đến lẽ ấy rồi, người đồng Đạo phải biết thương nhau, cứ xử cùng nhau cho hết dạ thuận hoà, trên dạy dưới tuân lời, dưới khuyên trên vui dạ; mỗi việc chi trong Đạo đều chung trí nhau tính bàn rồi mới nên cử sự, thì bề thi thố đã không sơ sót mà tình Đạo càng thêm mật thiết như vậy mới tránh khỏi “cái hại chia phe lập đảng”, mới không lỗi câu “đồng Đạo tương phân”.

Tóm lại, đã gọi là Đồng Đạo, phải bỏ hết những thù hiềm ngày trước mà liên lạc nhau, ý y nhau, đồng tâm hiệp lực vụ một chữ “**HÒA**” mà lo điều công ích cho Nhơn sanh, thì Thiên Đạo mới chóng hoằng khai, sanh chúng sau này mới gọi nhuần ân huệ.

Kiên Tâm

Có người thuở nay thường mang tiếng “Làm chi không nên việc”. Bất câu việc gì, lúc ban đầu thì hô hào sốt sắng, rồi không bao lâu lại thối chí, ngã lòng, thành ra cuộc bán đồ nhi phế,⁴ ấy là tại không hay chịu cực và chẳng biết kiên tâm

⁴ “Bán đồ nhi phế” là giữa đường mà bỏ, nghĩa là làm không nên việc.

(bên lòng). Việc thế mà còn vậy, hà hướng là việc tu hành khổ hạnh?. Cho nên bậc tu hành cần phải biết kiên tâm trì chí hơn người ở thế mới nên cho; khó khăn phải rán, cực nhọc phải cam, thì mới mong giữ tròn bốn phận.

Nghĩ coi, muốn làm quan, cần phải sôi kinh nấu sữ, khuya sớm nhọc nhằn từ mười năm sắp lên mới đặng, hà hướng là muốn đạt phẩm vị Thần Tiên, thì bảo sao không phải cần lao khổ hạnh?. Cho nên Ngạn ngữ có câu: “*Chí công mài sắt chầy ngày nên kim*”.

Chư Đạo hữu cần phải nhắc nhở nhau về hạnh này cho lắm.

Thanh Liêm

Thánh Nhơn có câu: “*Lấy của trái lẽ thì mất đức thanh liêm*”. Thế thì hai chữ thanh liêm không những chỉ về quan viên mà thôi, mà lại chỉ chung về cả dân tình cùng người tu niệm nữa. Thanh liêm là gì? Là giữ mình cho trong sạch, không tham lam của ai. Làm quan thanh liêm, trị dân mới công bình, chánh trực; rồi dân sự mới khởi vì thế lực kim tiền mà bị kẻ vô lương đê ép. Làm dân mà đặng thanh liêm trong xứ mới khởi lo trộm cướp. Làm Đạo mà vẹn đức thanh liêm, thì lương tâm mới không cắn rứt.

Tài chánh của Đạo vốn là của chung trong bốn Đạo chỗ không phải riêng ai; cho nên người hành Đạo chẳng phép lấy của chung mà xài riêng cho mình đặng. Người nào lợi dụng danh Đạo mà thủ lợi; hoặc cậy quyền thế ép buộc chư Tín đồ tốn kém vì mình, hoặc là thâu đa nạp thiếu, thì mất hẳn đức thanh liêm. Hễ mất đức thanh liêm thì bao nhiêu công lao tu niệm của mình nơi Tiên thơ thấy đều bị bôi xoá.

Cử chỉ người hành Đạo cần phải cho mình chánh: như phận sự mình hay về việc lý tài, thì xuất phát đâu đó cần phải

phân minh, lại cũng chẳng nên tự chuyên lấy của chung mà làm việc chi tùy ý mình; giữ đặng vậy, trên chẳng hổ với Đấng Chí Tôn cùng chư Thần Thánh Tiên Phật, dưới lại đặng lòng tin cậy của chư Đạo hữu cùng tránh khỏi những việc hiềm nghi của chư vị hảo tâm thiện tính.

II- NGƯỜI TRONG ĐẠO PHẢI ĐỐI ĐÃI NHAU THẾ NÀO?

Ở đời, người ta cần phải giao tiếp⁵ với nhau; đối với chư Đạo hữu, sự giao tiếp ta lại có cái tình liên lạc chí thành, cái nghĩa tương thân chí thiết. Giao tiếp mà chi? Là để đùm dắt nhau, nâng đỡ nhau trong đường Đạo và đường đời, Anh lớn chỉ biểu cho em nhỏ, người rõ Đạo bày vẽ cho kẻ chưa thông; người nầy làm lỗi kẻ kia chỉ giùm; dưới vui tuân lệnh trên dạy; trên không hổ cho dưới bày; lấy lẽ hoà nhau, trên khiêm dưới kính; vui vẻ chung nhau, buồn thảm sốt nhau, giao lưng đầu cật mà bồi đắp mối Đạo Trời, cho rõ là con một Cha, chung thờ một Chủ nghĩa.

Đấng Chí Tôn có giảng Cơ dạy như vậy:

*“Chẳng quản đồng tông mới một nhà,
Cùng nhau một Đạo tức cùng Cha.
Nghĩa nhân đành gởi thân trăm tuổi,
Dạy lẫn cho nhau đặng chữ **Hòa**”*

Trong đường giao thiệp, ta cần phải lấy hết tấm lòng Bác ái⁶, đem hết tấc dạ Chí thành⁷, mà đối đãi nhau, thì Đạo tâm ta mới biểu lộ ra cái gương chơn chánh.

Đồng Đạo mà chẳng biết thương nhau, chẳng vãng lai thù tạc nhau, cứ nhà ai nấy ở, ai khôn đại mặc ai, ai hoạn nạn

⁵ *Giao tiếp* là lân la, lai vãng cùng nhau.

⁶ *Lòng Bác ái* là lòng đại Từ bi thương xót sanh linh hơn thân mình.

⁷ *Chí thành* là mỗi việc đều lấy lòng thành thật mà đối đãi nhau trong đường Đạo và đường đời.

thầy ai, bo bo cứ giữ câu “*Độc thiện kỳ thân*”⁸ thì trái hẳn với Chủ nghĩa Đại Đồng⁹ của Đạo Trời lắm đó.

1- Tín Đồ

Đứng vào hàng Tín đồ, cần phải kính tuân chư Chức sắc Thiên Phong vì chư Thiên Phong là người đã thọ lãnh nơi Thượng Đế một cái Thiên chức đặc biệt để thông truyền Chánh giáo; người vẫn có cái quyền sai khiến chư Tín đồ về việc phải trong Đạo. Dầu bậc Thiên Phong mà tài sơ tuổi nhỏ hơn mình đi nữa, hàng Tín đồ cũng chẳng nên hổ mình từng sự, hoặc là vượt bậc khinh khi ganh gổ; vượt bậc khinh khi ganh gổ tức là buộc vào mình cái tội vi lệnh cùng Thượng Đế vậy. Vả lại, Chức sắc Thiên Phong chỉ có cái giới hạn trong khi hành sự mà thôi, ngoài ra toàn là người đồng Đạo với nhau, tức là Đạo hữu với nhau vậy.

2- Chức Sắc

Đối với hàng Tín đồ, chư Chức sắc Thiên Phong cần phải có cái hạnh khiêm cung từ nhượng; phải dùng lời dịu ngọt mà dạy dỗ kẻ dưới quyền mình; phải lấy nét ôn hòa mà điều độ nhau; phải chỗ khiến thì khiến; không phải việc sai chớ nên sai, đừng làm điều chi quá phận sự mà ra lẽ chuyên quyền. Chẳng nên tự cao, tự phụ; mình may nhờ tiền căn cựu phẩm hoặc là công cả quả đầy nên mới được chức Thiên Phong, biết đâu trong hàng Tín đồ lại không có lắm người tài cao đức trọng hơn mình?

⁸ *Độc thiện kỳ thân* là lo cho một mình mình lành mà thôi

⁹ *Đại Đồng* là cả thấy Nhơn loại đồng một thể với nhau (*La grande unité humaine*).

Chư Chức sắc và chư Tín đồ mà đối đãi nhau cho có thái độ ôn hòa thảo thuận thì trên không chinh, dưới không mịch, ấy là một lễ hiến cho đấng Chí Tôn rất long trọng đó vậy.

III- ĐỐI VỚI NGƯỜI NGOẠI GIÁO

1- Đối với Quan viên Chức sắc

Quan viên chức sắc là bực thay quyền Chánh Phủ để điều đình việc chánh trị và hoai bão cuộc an bình trong Nước. Thế thì phận tôi dân ai lại không kính trọng quan viên, nhứt là kẻ thành tâm tu niệm lại cần phải kính tòng hơn nữa.

Tại sao vậy?

Vì người tu niệm, đối với bực quan viên Chức sắc, vẫn có hai phương diện: một là phương diện người giữ Đạo đối với hàng trưởng thượng; hai là phương diện bực thần dân đối với hàng quan lại. Người giữ Đạo đối với hàng trưởng thượng phải giữ sao cho có lễ nghĩa, khiêm nhường; trên dạy điều phải Đạo, dưới thành thật vâng theo; trên bày điều trái lẽ, dưới cung kính chối từ, chớ nên nói năng vô lễ, vượt bực loạn hàng. Giữ được vậy không những người trên thương mến, chúng bạn ngợi khen, lại còn làm cho rõ ràng danh Đạo thêm nữa.

Bực thần dân đối với hàng quan lại cũng không ngoài cái phạm vi lễ nghĩa, khiêm nhường. Quan viên chức sắc, trong khi hành sự, dạy điều chi kẻ dưới phải tuân theo, vì người thay quyền cho Chánh Phủ; vi lệnh người tức là vi lệnh Chánh Phủ, mà lệnh Chánh Phủ thì chẳng khi nào trái cái đặng.

Nhưng quyền hành quan viên chức sắc cũng không ngoài giới hạn của Luật định cho; dầu vậy mặc dầu, nếu quan viên nào chuyên quyền áp chế ta, ta chẳng nên chống chỏi lại liền, vì nếu chống chỏi lại liền, quấy phải gì sau sẽ hay, chớ trước hết ta đã chịu một phần lỗi trọng trong ấy. Thế nào

cũng còn có kêu nài nơi quan trên nữa, vì Luật pháp Chánh Phủ đặt ra, không những trừng trị kẻ thường dân mà thôi, mà lại cũng trừng trị đến chức sắc quan viên nào chuyên quyền, trái lẽ.

2- Đối với người khác Đạo

Một đôi người không thông Đạo lý, hay tưởng rằng hễ vào Đạo rồi thì chỉ biết người trong bốn Đạo mà thôi, ngoài ra không chịu giao thiệp với người khác Đạo, thậm chí đến đôi khi thị không khứng làm ăn chung với người ta nữa.

Tưởng vậy rất lầm; Đạo gốc tại lòng Bác ái; Tôn chỉ Đạo là cứu nhơn độ thế, nghĩa là cứu vớt cả sanh linh, xót thương cả Nhơn loại, chớ không phải riêng người trong Đạo mà thôi. Nhiều vị chưa vào Đạo là tại chưa rõ Tôn chỉ Đạo Trời cao thượng thế nào, chớ biết đâu trong phần đó lại không có lấm bực nhơn từ đạo đức. Vì vậy nên, khi thị người ngoại Đạo thì rất lầm, không giao thiệp với người ngoại Đạo là trái Tôn chỉ đó.

3- Đối với người nghịch Đạo

Bất câu là Đạo nào, hễ mới khai ra tất phải gặp lấm điều gay trở. Khi Đức Thích Ca truyền Đạo, dân Bà La Môn (*Brahma*) cho là Bàn Môn vì khác Chánh giáo Phật Đạo buổi ấy; khi Đức Lão Tử truyền Đạo, kẻ đồng thời cho là phép mê hoặc; khi Đức Chúa Giê Giu truyền Đạo, nhà Israel gọi là cải chánh Đạo, đến đôi bắt giết đi; bảo sao ngày nay chúng ta lại không chịu lấm điều khó khăn gay trở?

Mặc tình ai bề bai nghịch Đạo, miễn không chuyên chế cùng không làm điều chi can danh phạm nghĩa đến ta, thì ta cũng nên giữ tròn thái độ ôn hòa lễ nghi, rút cuộc rồi họ phải hổ mình mà tự hối.

Vả lại, mình vào Đạo là mình đã biết Tôn chỉ tối cao của Đạo; người nghịch Đạo là người không hiểu đến, vì “Lộ

bất hành bất đáo”; thế thì người biết Đạo mà ra đua tranh, cãi cọ với kẻ không biết, đã chẳng bỏ ích vào đâu lại còn mất ngày giờ vô lối.

IV- PHỔ THÔNG THIÊN ĐẠO

Chư Thiên Phong là người đã thọ lãnh một trách nhiệm rất lớn lao để phổ thông Thiên Đạo. Người ngoài cho Đạo mình chơn chánh cùng chẳng là do nơi cử chỉ hành động của người làm Đạo. Vì vậy nên người đi truyền Đạo cần nhất phải giữ cho tròn phận sự của mình, một là làm cho sáng Đạo Trời, hai nữa để làm gương cho đoàn em bắt chước.

Người đi truyền Đạo cần phải đủ tư cách tu hành thì như tâm mới phục.

1- Thuyết Đạo

Mỗi lần thuyết Đạo, cứ theo Chánh lý giải bày, chẳng nên tôn trọng Đạo mình thái quá mà mục hạ đến Tôn giáo khác; chẳng đặng luận bàn Quốc sự; chẳng đặng bày điều huyễn hoặc làm cho náo động lòng người cùng mất cuộc trị bình trong Nước; chẳng đặng dùng thói dị đoan mê tín mà mê hoặc lòng người. Trong khi thuyết Đạo, nếu ai kích bác mà dùng lời khiêm từ tao nhã, mình cũng nên giữ lấy thái độ ôn hòa mà đối đáp, trừ ra kẻ nào vô lễ thì mình phải nhịn mà làm thinh, song chẳng nên hờn giận.

2- Khai Đàn

Khi đến khai Đàn làm lễ thượng trang cho người mới vào Đạo, trước hết phải xem coi cuộc sắp đặt nơi Thiên Bàn có nghi tiết và tinh tấn chẳng? Nghi tiết phải sắp đặt theo cách thờ phượng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ; chư Thiên Phong chứng Đàn không đặng phép tự chuyên canh cải nghi tiết theo ý muốn của mình. Chẳng nên để cho Đàn chủ tốn kém tiền chi vì mình hết. Chẳng đặng phép thu góp tiền chi

của ai cả; dầu ai muốn gửi tiền cúng về Thánh Thất hoặc là nhang đèn cũng chẳng đáng lãnh thế (*Ai hảo tâm đến Thánh thất mà cúng*); như vậy mới tránh khỏi hiềm nghi dị nghị. Chức sắc hành Đạo mà giữ đặng cử chỉ minh chánh như vậy, không những là chư Tín đồ từng phục, mà người ngoại Đạo trông vào cũng chẳng lời chi bác bẻ.

Mỗi lần khai Đàn, chẳng nên nhóm quá số hai mươi người, trừ ra khi nào có phép quan cho thì mới nên nhóm nhau đông đảo.

Hành Đạo mà giữ tròn phận sự, biết kiêng phép Nước, biết giữ Luật hình, thì quyền Tự do tín ngưỡng của mình mới không ai phạm đến.

V- PHẢI NẮNG HẦU ĐÀN

Vào Đạo rồi, chớ nên lầm tưởng rằng nhà mình có lập vị thờ Thượng Đế, mỗi bữa cúng tứ thời là đủ; cần chi phải đến Thánh Thất hầu Đàn, vì đâu cũng Thầy vậy.

Nghĩ như thế rất sai. Thánh Thất là nhà Thờ chung lập ra cho chư Đạo hữu tới ngày Sóc Vọng¹⁰ tựu đến, trước là dâng Đại Lễ cúng Thầy cùng nghe thuyết Pháp, sau nữa là có dịp cho mình hội hiệp nhau để luận bàn Đạo đức cùng xe chặt mối tương thân.

Thánh Thất lại là nơi biểu hiệu nền Chơn Đạo của Đấng Chí Tôn. Do đó mà nhơn sanh mới biết cách hành Đạo cùng cách sắp đặt Đạo nghi niềm thức của mình ra thế nào; do đó mà Đạo mới dễ phổ thông. Cho nên ngày Sóc Vọng, chư Đạo hữu nơi nào cần đến Thánh Thất nơi đó hầu Đàn cho đông đảo, thì Đạo mới ra vẻ thanh hành. Nếu mỗi người cứ nói ở nhà cũng có Thầy, rồi nhà ai nấy cúng mãi, thì Thánh Thất tất phải bỏ không, ấy có phải là điều đại quan hệ cho

¹⁰ Thánh Thất một tháng tới hai kỳ Đàn lệ.

nên Đạo lắm chẳng? Có người lại lầm tưởng rằng hễ Nhập môn nơi Thánh Thất nào cứ hầu Đàn nơi đó, còn mấy Thánh Thất khác không cần phải đến. Xin phải biết rằng Thánh Thất nào cũng thờ một Đấng Chí Tôn mà thôi; Thánh Thất nào cũng là Thánh Thất chung của Đạo, chớ không phải của riêng ai mà phòng nói Thánh Thất này Thánh Thất nọ. Giả sử như khi trước chỗ mình ở chưa lập Thánh Thất, mình phải Nhập môn nơi khác. Nay chỗ mình có Thánh Thất rồi, mình nên hầu Đàn chỗ mình cho tiện hơn, một là khỏi mất công đi xa, hai là khỏi tốn tiền lộ phí.

Còn các Thánh Thất khác ở xa, như mình có dịp đi đến, lẽ cũng nên ghé vào, một là làm lễ Đấng Chí Tôn, hai nữa cho biết chư Đạo hữu nơi đó.

Tóm lại, vào Đạo rồi cần phải năng đến Thánh Thất hầu Đàn trừ ra khi bận việc nhà, mới nên vắng mặt.

VI- ĐIỀU LỆ HẦU ĐÀN

Cúng tế Trời Phật quý tại lòng thành kính. Chư Đạo hữu Nam nữ, chư Nhu, chư Tín nữ đến hầu Đàn phải cho tinh khiết nghiêm trang.

Vậy thì:

Trước khi đến hầu Đàn, phải dọn mình cho sạch sẽ, hết lòng thành kính mà khẩn nguyện cùng Trời Phật. Đến Đàn rồi phải giữ lễ nghi cho thiệt nghiêm trang.

Trước khi chính Đàn, không đặng ở trước Thiên Bàn mà giỡn cợt hay là nói điều chi hoại sự cùng là khắc nhỏ trong Đàn.

Dầu chính Đàn rồi, dầu chưa chính Đàn cũng vậy, nam nữ phải cho phân biệt thứ tự hẵn hồi; cứ trong ngó ra, thì Nam tả, Nữ hữu, không được lộn xộn, không phép nói cười lả lơi, không đặng lời to tiếng nhỏ, không đặng phép đem chuyện người ngoài mà thuật lại, không đặng luận bàn Quốc sự, không đặng đồn đãi điều chi huyền hoặc, không đặng nhắc

chuyện bất bình buổi trước mà cãi lẫy nhau, không đặng hơn thua rầy rà, không đặng nói chuyện của Đạo hữu vắng mặt, không đặng dùng lời quanh co xoi bói nhau, không đặng giả ý nói chơi mà kỳ trung châm chít nhau, không đặng đem đến Đoàn những sách vở chi khác hơn là sách vở mà Hội Thánh đã phê chuẩn.

Khi nhập Đoàn

Nhập Đoàn phải khăn đen áo dài; Môn đệ của Đấng Chí Tôn thì sắc phục cứ tuân theo Thánh ý, mỗi người ai phải lo phận nấy, giữ cho khỏi vô lễ với đấng Chí Tôn cùng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật. Chính Đoàn rồi, phải phân hàng đứng hầu lắng lặng, khi cúng phải cho đại tịnh.

Ai mặc âu phục thì quần áo phải đoan trang theo phép Âu. Nhập Đoàn rồi, phải đi chơn không, không đặng hút thuốc, không đặng ăn trầu. Những người uống rượu lữ thì không nên nhập Đoàn. Hầu Đoàn thì thân thể phải cho tinh sạch, lòng dạ kính thành. Việc tinh khiết cùng chẳng tinh khiết trong mình, thì ai biết nấy, chớ người nào khác hơn mình thì không thể rõ đặng. Ai đến lữ mà trong mình không tinh khiết thì chẳng khá nhập Đoàn, e mang lỗi cùng Trời Phật.

Trước khi cúng Đấng Chí Tôn, thường có thuyết Đạo, thì cả thầy phải lắng lặng mà nghe. Ai có điều chi không hiểu hay là không vừa ý, thì chờ thuyết giả nói hết rồi mới hỏi lại, chẳng đặng cãi cộ giữa chừng. Còn xin hỏi, thì ai xin nấy hỏi, mấy Đạo hữu khác không đặng xen vào cãi lẫy. Như ai có muốn cãi, muốn hỏi điều chi, thì phải xin phép thuyết giả, chớ không đặng người nầy nói, người kia cãi om sòm, thì là vô lễ lắm. Khi cúng cùng là khi thuyết Đạo, Đạo hữu nào còn ở hậu đường cũng phải giữ cho êm tịnh, không đặng làm rầy rà, cùng đi đứng lộn xộn, khua guốc, khua giầy lộp cộp, lạc cạc.

VII- PHẢI XEM SÁCH KINH, LUẬT LỆ

Sách Kinh, Luật lệ trong Đạo chẳng khác nào ngọn đèn để soi tỏ bước đường cho người giữ Đạo

Người ít học cần năng đọc sách xem Kinh, một là mở mang kiến thức cho mình, hai đặng rõ thông Đạo lý. Luật Đạo là qui tắc dọn sẵn để mọi người do theo mà hành Đạo cho có chuẩn thẳng, cho khỏi phạm điều Giới cấm. Có người Nhập môn rồi mà không lo học hỏi theo Kinh sách, giữ mình theo Luật lệ; mỗi ngày miễn cúng Tứ thời là gọi đủ, rồi than phiền rằng vào Đạo rồi mà không thấy ai chỉ bày Tâm pháp Đạo lý chi hết. Than phiền như vậy rất sai lầm, vì số bốn Đạo vẫn hằng ức hằng triệu, ai hơi đâu chỉ biểu từ người, Thiên thơ sẵn, Chơn Kinh sẵn, tại mình không tỉnh mà xem để than phiền trái lẽ.

Đó là phần người ít học. Còn phần người trí thức, tuy mình tài cao trí rộng mặc dầu, chớ mới bước chơn vào cửa Đạo không thể nào hiểu Đạo cho rành, mà dầu có hiểu thông Đạo lý đi nữa, cũng nên xem Kinh sách nào thuở nay mình chưa đọc đến, vì Kinh sách ấy có lẽ cũng giúp thêm kiến thức cho mình nhiều ít. Vả lại, tuy mình tài trí mặc dầu, chớ mới đầu cơ, thế nào hiểu thấu Tôn chỉ cùng Luật pháp Đạo mẫu cho rành rẽ.

Ví dụ như một vị thông minh kia sang đến xứ lạ nọ, muốn biết đường sá nơi ấy, cần phải hỏi thăm người bản thổ, chớ có đâu tự phụ rằng mình là người thông thái, không cần chi phải hỏi han đến kẻ thường nhưn thiếu học.

Việc Đạo cũng vậy; mình giỏi là giỏi về phương diện khác mà thôi, chớ mới vào cửa Đạo, tức cần phải hỏi Đạo nơi người thông Đạo trước mình, hoặc là học cứu nơi Kinh sách. Đến khi rõ thông Đạo lý rành rẽ rồi, nhờ trí thức của mình ra công nghiên cứu thêm nữa, có lẽ mình sẽ trở hơn người đã chỉ dẫn cho mình trước đó, rồi mình có thể trước tác ra nhiều

sách vở có giá trị hơn sách vở mà mình đã xem trong buổi Nhập môn cầu Đạo.

VIII- PHẢI XEM KINH SÁCH THẾ NÀO?

Kinh sách vẫn do nơi các Ngài rõ thông Đạo lý soạn ra, song các bức ấy vốn cũng người phàm như mình¹¹ nên cũng có chỗ sai lầm sơ sót; vì vậy mà Kinh sách tự nơi mấy vị ấy soạn ra cũng có chỗ khuyết điểm sai lầm. Vả lại Kinh sách làm ra phải hợp thời tùy thế. Có nhiều Quyển Kinh xưa sách cũ đối với đời trước thì rất hợp thời, mà đối với đời nay lại có lắm điều không hợp. (Tác giả không trưng bằng cứ ra đây là không muốn kích bác đến Kinh sách nào cả).

Vậy nên, muốn đọc Kinh sách nào cho được bổ ích, ta cần biết nghĩ suy nghiên cứu, khoản nào Chánh lý để lòng, đoạn nào mờ hồ chớ nên tin vội, chỗ nào hợp theo thời thế thì nghe, khoản nào nghịch với Tôn chỉ mình thời bỏ. Chẳng nên quá tin nơi Kinh sách, chớ nên tưởng rằng Kinh sách của Thánh Hiền làm ra cả thấy, nên dạy sao phải nghe nấy; đọc sách như vậy thì nguy lắm đó.

Kinh sách có chỗ đáng tin mà có chỗ cũng không nên tin vậy; nếu tin hết thì phải lầm lạc; đọc Kinh sách mà không biết phân biệt điều nào hữu lý điều nào phi lý, đọc Kinh sách mà trí thức không biết mở mang, tư tưởng không biết độ lượng thành ra đătổn công vô ích lại còn làm nô lệ cho Kinh sách nữa; như vậy thà là đừng đọc là hơn.

Sách có câu: “Tận tín thư bất như vô thư”. (Nghĩa là: *Tin hết sách chẳng bằng đọc được sách*). Thuở nay nhiều

¹¹ Xin chớ lầm tưởng rằng Kinh điển xưa vẫn là của Thánh Tiên làm ra hết; dầu cho thiệt của Thánh Tiên đi nữa, chớ lúc soạn ra Kinh điển ấy, các Ngài cũng vẫn còn phàm, thì tất phải còn lầm lạc.

người quá tin nơi Kinh sách điển xưa, cứ nhắm mắt tin theo từng chữ, nghe từng câu, rồi hiểu sai tin lầm khổ công luyện Đạo. Than ôi! Đã không ấn chứng thì chớ lại còn hại đến tinh thần là khác. Ấy vậy, xem Kinh sách để rõ thông Đạo lý thì nên, chớ do theo đó mà luyện Đạo thì nguy lắm, vì hiểu lầm một mảy thì cũng đủ hại cho châu thân.

Muốn luyện Đạo cho ấn chứng, trước hết ta cần phải tu Âm chất và lập công bồi đức cho đủ đầy; đến khi công viên quả mãn rồi, một câu Tâm pháp Chơn truyền của Thầy ta là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế cũng đủ cho ta hiểu Đạo. Vả lại, Đức Thượng Đế có dạy rằng: “Kinh điển giúp đời siêu phàm nhập Thánh chẳng khác chi dưa ăn cơm. Chẳng có nó kẻ ăn cơm bốc tay cũng ăn đặng”.

Ý Đấng Chí Tôn muốn nói như vậy; Kinh điển tử như dưa, luyện Đạo tử như ăn cơm. Người đủ Âm chất, Đạo đức mà rõ thông Kinh điển, thì luyện Đạo rất giản tiện, tử như người ăn cơm có dưa vậy. Còn người có đủ Âm chất, Đạo đức mà không rõ thông Kinh điển đi nữa bất quá luyện Đạo khó một chút vậy thôi, thế nào luyện cũng thành đặng, tử như kẻ ăn cơm, dầu không dưa, bốc ăn cũng xong vậy.

Tóm lại, vào cửa Đạo rồi bất kỳ Kinh xưa sách nay, thầy đều nên xem cho biết, song cần phải xét suy chiêm nghiệm, phân biệt giả chơn thì đọc mới là bổ ích. /.

Kiểm duyệt ngày 3 tháng 6 năm Đinh Mùi
(DL.10-10-1967)

Trưởng Ban Kiểm Duyệt Kinh Sách Đạo

HIẾN PHÁP HIỆP THIÊN ĐÀI

TRƯỞNG HỮU ĐỨC

(Ấn ký)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TOÀ THÁNH TÂY NINH

GIẢNG ĐẠO YẾU NGÔN

Tác giả

Nguyễn văn Kinh

HỘI THÁNH GIỮ BẢN QUYỀN



TÁI BẢN NĂM KỶ DẬU - 1969

GIẢNG ĐẠO YẾU NGÔN



Cáo Bạch

Ít lời lược luận sơ giải mấy bài này cốt để giúp ích cho người thiếu học, vẫn nghe cạn thấy, đặng rõ Chơn lý của Đạo chút ít, khỏi lòng nghi nan dừng chơn nghĩ bước.

Bởi ít học, tôi không dùng lời văn chương đặng, nên buộc mình phải lấy lời thô kịch thật thà, giảng luận ra đây cho hiểu lý Đạo. Tôi cũng do cố điển mà luận giải, như chỗ nào có sai lầm xin hoan tâm miễn chấp, giúp cho được thiện mỹ.

Chớ Đạo cao sâu, tôi biết tới đâu xin luận tới đó cho rõ chung về Chơn Đạo.

Tác giả: NGUYỄN VĂN KINH

Làng Bình Lý Thôn

GIA ĐỊNH

LỜI TỰA

Nay là buổi tuần hườn, Trời khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, chấn hưng nền Chánh Giáo, thức tỉnh Chúng sanh, giữ Đạo cương thường, tu tâm sửa tánh, hồi đầu hướng thiện, tự hối ăn năn, cải dữ về lành ra Tân Dân Minh Đức, thì chúng ta rõ cuộc tuần hườn Tạo Hóa xoay vần, công bình Thiên Đạo, mỗi phương đều phải có một Chơn Đạo, đặng đời giữ Luật pháp mà noi gương Chánh Giáo, đìu dắt lẫn nhau, kèm chế sửa nhau, lấy nét công bình mà đối đãi nhau, từ hòa nhin nhục nhau, cho ra hạng người cao thượng, có phải là Đạo khai cho Nhơn loại trở nên tiến hóa đó chăng?

Nên mỗi thời kỳ Trời khai Đại Đạo, hay là các Đấng Tiên Phật vâng mạng xuống trần lập Giáo, bất luận phương nào, thì cũng do nơi Tạo Hóa chủ trương, lấy cân Thiêng liêng mà phân định.

Nay chúng ta gặp thời kỳ này, cũng bởi cơ Tạo vận chuyển đến kỳ Thiên Đạo hoằng khai, chấn hưng chơn Đạo, cứu độ sanh linh, vậy thì đời phải nghịch hẳn công lý của Đạo. Bởi Chánh Giáo thất truyền, nên nhơn tâm đổi biến, sái phép công bình, tranh danh đoạt lợi, giết hại lẫn nhau, thành ra trường náo nhiệt, hư phong bại tục, rối loạn cho đời.

Nay đúng kỳ Trời mở Đại Đạo cho nhơn sanh thức tỉnh, tu tích hồi thiện, giữ phép công bình, khử tà quy chánh, bỏ giả về chơn, cho được thuần phong mỹ tục, khỏi chịu những điều thiệt hại chung.

Thiết tưởng chúng ta vào Đạo, lo tu tâm sửa tánh, bỏ dữ làm lành, ăn chay giữ Luật cấm răn của Đạo mà lo thờ Trời, kính Phật, lấy nét công bình, bỏ những gian tham bài bạc rượu thịt, cho ra người cao thượng, như vậy mới thuận Thiên

thì có lẽ đặng hưởng phước Trời ban; còn nghịch Thiên thì thế nào tránh khỏi bị hình phạt của Trời đặng?

Lâu nay nơi phương Nam Trời chưa mở Đạo, mà chúng ta đã có thờ kính Tôn Giáo: Nho, Thích, Đạo mà chưa trọn.

Như Phật Giáo, từ buổi Đức Thích Ca Mâu Ni giảng sanh Ấn Độ Tây Thiên Trước mà dạy Đạo, thì xứ ấy nhờ Phật giáo mà truyền bá Đạo thanh hưng, con người giữ Tam Qui Ngũ Giới, Minh Tâm Kiến Tánh, luyện thành Mâu Ni Bửu Châu (*Xá Lợi Tử*). Có phải xứ ấy hưởng nhờ ơn Đạo mà trở nên từ thiện, đến ngày nay mới có Phật giáo mà sùng bái.

Như Đạo Tiên là Đức Thái Thượng giảng sanh Trung nguyên (*Xứ Tàu*) dạy Đạo Tiên, thủ cảm ứng công bình, dạy giữ Tam nguyên Ngũ hành, tu Tâm luyện Tánh, thành ra Thử Mễ Huyền Châu, kết tụ linh đơn bửu pháp, thì xứ ấy cũng hưởng nhờ mối Đạo, trở nên người Đạo đức, nên ngày nay mới có Tiên Đạo mà sùng bái.

Như Đạo Nho, Khổng Phu Tử giảng sanh tại Trung Huê (*Xứ Tàu*), dạy đạo Tam Cang Ngũ Thường, tồn Tâm dưỡng Tánh, tu luyện Cửu Khúc Minh Châu, tu thành Chơn Nhứt Khí Thái Cực, vậy nên xứ ấy hưởng nhờ Đạo mà người đặng rõ biết cang thường luân lý, khắc kỷ phục lễ, tu Tâm sửa Tánh, nhu hòa nho nhã, ngày nay mới có Đạo Nho mà sùng bái.

Như Thánh Giáo, Gia Tô Giáo Chủ (*Jésus*) giảng sanh mà dạy Đạo Âu Châu, lập Thánh giáo, xứ ấy giữ Luật Đạo người, đặng hiền lành như đức mà hưởng nhờ Đạo đặng thuần phong mỹ tục, đến nay mới có sùng bái Thánh giáo.

Nên các Tôn giáo nay đã truyền bá ra khắp chốn, mà chúng ta cũng thành kính sùng bái đó vậy, thì Đạo quý báu biết là dường nào. Nay xứ Nam, Trời khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đặng cứu vớt chúng sanh, cho chúng ta một nền chơn

Đạo như các phương ấy, vậy thì chúng ta nữ nào lấp tai che mắt hay sao?

Chúng ta phải biết Đấng Tạo hóa rất công minh, dữ răn lành thưởng. Dưới thế này, sắc da nào cũng con chung Đấng Tạo hóa sanh, thì Tạo hóa đặng phần sửa trị sai khiến phân định cả thấy, không mảy nào sai sót.

Tử như đời trước, nước này sửa trị nước kia, xứ kia lấn hiếp xứ nọ, nước thì bị tai nạn khổ ách, nước thì chịu man di mọi rợ, nước thì đặng quốc thới dân an, người thì khổ hạnh nghèo nàn, kẻ thì giàu sang thông thả, người bị đui cùi tàn tật, kẻ thì đặng da trơn thịt liền, cũng do mạng lệnh Trời phân định thưởng phạt sửa khiến cho nhơn loại, chớ chẳng phải dưới thế này quyền hành ai phân định đó đặng.

Nếu chúng ta biết luật Trời, cơ Tạo hóa, thì dưới trái Địa cầu này nhơn loại toàn phải yêu mến nhau, thương lẫn nhau như con một Cha, vậy mới phải người đồng loại. Bởi kể từ khai Thiên lập Địa cho đến nay cũng có một Đấng Cha Sanh đó mà thôi.

Như một hột giống chường gây ra sanh sanh hóa hóa, mỗi xứ có nhơn loại thì cũng một Cha sanh, nếu chúng ta chẳng biết luật Trời, cơ mầu nhiệm Tạo hóa, cứ lấy sức người tranh cạnh nghịch lẫn nhau, kẻ giàu hiếp người nghèo, người mạnh hiếp người yếu cho là chẳng có Trời phân định, thì tôi xin trả lời: Vậy chớ ai cho người giàu sang, có của mà hưởng giàu sang đó? Vậy chớ ai cho nước kia có thế lực sửa trị nước nọ? Có phải là do Trời phân định mới ra như thế chẳng?

Nếu chúng ta chẳng rõ, không chịu mấy điều của Trời Đất thưởng phạt đó, mà gượng làm trái lẽ Trời phân định, thì là nghịch hẳn với Tạo hóa. Nếu trái lẽ Tạo hóa, thì phạm tội nghịch Thiên, mà bị phạt thêm nữa! Hễ nghịch Thiên thì phải tiêu diệt, nên sách rằng: *“Thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong”*.

Nên chúng ta biết Trời sanh, thì Trời phải có quyền sửa trị, một mảy không sai, vậy nên lo tu tâm sửa tánh ở cho thuận lòng Trời, giữ phận làm con cho ra hiền, nên sách rằng: *“Hoàng Thiên bất phụ thiện tâm nhơn”*. (Nghĩa là: Trời đâu có bỏ lòng người hiền lành hiếu Đạo).

Chúng ta cứ gốc mà vun đắp bồi bổ, thì nhánh lá tự nhiên thành mậu, chớ để gốc ung sùng, mà lo trên nhánh lá, làm sao nó tươi tắn sống đặng! Nếu chúng ta chẳng có chút nào hiền lành nhơn đức khổ cực với đời, thì Trời lấy công quả gì mà ban thưởng cho chúng ta đặng an hưởng?

Ta muốn giàu sang mà làm việc gian ác, chẳng khác nào Trời đã phạt cho thân thể nghèo nàn cực khổ, mà chẳng biết ăn năn, tu tâm sửa tánh, lại còn làm điều gian ác đặng Trời phạt thêm nữa thì phải mất phẩm nhơn loại còn đâu đứng làm người mà an hưởng ơn Trời ban.

Vậy phải sớm thức tỉnh mà tâm Đạo.



GIẢNG ĐẠO YẾU NGÔN

CHƯƠNG THỨ NHỨT

Nguồn cội loài người do nơi đâu mà ra?

Nguồn cội của loài Người do tự nơi đâu mà có, thì người có học cũng biết rằng: Từ khi chưa có Trời Đất, thì chưa có chi trong Kiền Khôn thế giới này, duy có một khí Hư Vô mà thôi. (*Khí Hư Vô là khí thanh nhẹ không cùng tột, nơi trong không khí*). Khí ấy mới sanh ra Thái Cực là Chúa cả Kiền Khôn. Thái Cực biến sanh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi biến sanh Tứ Tượng, Tứ Tượng biến sanh Bát Quái, đến Vật chất (*Là thứ có hình dạng khối chất*).

Từ trong Vật chất mà biến sanh lần ra Thảo mộc (*Loại cỏ cây*), Thảo mộc chuyển biến sanh lần đến Thú cầm, Thú cầm chuyển kiếp lần đến loài Người, thì loài Người cũng phải chịu chuyển kiếp lần lộn trong Vật chất, Thảo mộc, Thú cầm ngàn muôn kiếp mới đến loài Người. Loài Người biết tu hành làm Âm chất mà chuộc tội và luyện tập Tánh linh thì chuyển lên Thần, Thánh, Tiên, Phật, trở về khí Hư vô.

Như kiếp tu hành ít thì linh hồn tiến hóa lên ít. Còn tu hành nhiều Âm chất, luyện bỏ đặng tánh phàm thì thành trong một kiếp... Nếu còn tham dục vọng mê trần, không lo cho linh hồn tiến hóa chuyển lên, thì phải trở lại lần lộn theo Vật chất nữa, kêu là chuyển kiếp Luân hồi (*Xây trở lại*).

Sự chuyển kiếp Luân hồi, thay hồn đổi xác, từ Vật chất lên Thảo mộc, Thú cầm đến loài Người, thì tôi lấy sự thấy trước mắt chỉ chút ít cho chư Hiền rõ: Như lá chanh hóa thành con Dọt Sành, rễ Lãng hóa thành Lươn, con Tằm

chuyển sanh con Nhộng. Nhộng chuyển Bướm, con Sâu chuyển sanh Bướm, con Sùng trắng hóa thành con Kiến dương (*Le ver blanc se transforme en hanneton*). Con Chuột hóa thành Dơi, Dơi thành Chim, Lươn đổi lột thành Chồn, Cá hóa Long, Sấu hóa Cù. . .

Nên loài Người vẫn trong đó mà tiến hóa chuyển lần lên. Các loại hóa sanh do sự chuyển kiếp như vậy mà tuần tự tiến hóa đến kiếp con Người. Người tu hành tiến lên địa vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Nên Phật có lời: “*Cả thầy Chúng sanh đều có Phật tánh*”; còn Nho rằng: “*Nhơn nhơn Thiên phú sở Tánh*”. (Nghĩa là mỗi người đều có tánh Trời cho).

Vậy nguồn cội loài Người do nơi Vô Thủ Không khí chuyển kiếp tiến hóa theo như thế đó.

CHƯƠNG THỨ NHÌ

Đạo là gì?

Đạo là Tiên Thiên Nhứt Khí Bồn thể Hư vô.

Đạo vốn không tên, mượn danh kêu là “Đạo”.

Bởi một phần Âm, một phần Dương hiệp lại cũng là Đạo. Đạo là cơ quan (*Cái máy*) Chủ tể của sự sanh sanh hóa hóa, nên nhứt nhứt cả thầy hễ có sanh hóa đặng là Đạo; nếu làm cho nó không sanh hóa đặng là thất Đạo.

Vậy nên Đạo gọi là: “**Thiên Địa giao thời Pháp Luân thường chuyển**”. (Nghĩa là: Trời Đất hiệp hòa, thì cái máy nó xoay trở chuyển vận mới sanh sanh hóa hóa đặng). Đạo gọi: “**Âm Dương phối hiệp, vạn vật hóa sanh**”. (Nghĩa là: Khí Âm, Khí Dương cảm xúc nhau, muôn vật mới sanh hóa). Có chỗ gọi là: “**Thần khí tương giao thấu Tổ cơ**”. (Nghĩa là: Thần với Khí hiệp lại đặng, thì thấu nơi chỗ Đạo).

Nếu người học được thông chỗ Tiên Thiên Nhứt Khí là đắc Đạo.

CHƯƠNG THỨ BA

Tại sao chúng ta phải Tu?

Tại cuộc tuần hườn của chúng ta đã chuyển đến thì giờ cảm xúc Chơn người (*Tiên thiên người Thần*) sẵn lòng Bác ái biết tỉnh ngộ ăn năn, nhớ lo tu sửa bốn tánh của chúng ta lại cho khỏi bị Thiên Điều hình phạt, Luân hồi chuyển kiếp đọa lạc biển khổ, đặng đem cái Tánh linh về hội hiệp nơi căn xưa bốn cũ của Đấng Sấm Tạo.

Bởi chúng ta đã nhiều kiếp có lành như chi đó, nên nay miêu sanh (*Là mộng như*) vẫn còn, đến thì giờ Tạo Hóa chuyển Đạo thì chúng ta mạnh động ứng cảm, phát khởi hồi đầu hướng thiện¹ thuận theo lẽ tự nhiên của Trời. Nên sách rằng: “**Thiên như hiệp phát**”. (Nghĩa là: *Trời với Người đồng chuyển hóa sanh phát một lượt*).

Cũng như loài thảo mộc đến đúng giờ của chúng nó phải sanh bông trái, chúng ta tử như hột giống chi đó mà chưa hư ảm, lại gặp thì tiết Trời mưa xuống thấm ướt đến như mộng giống ấy, thì phải nứt tởc sanh cây nảy lá. Chúng ta phải Tu là tại đúng thì Trời khai Đạo ra, rưới đầy khắp chốn, vì chúng ta lâu nay chẳng biết Tu nên thường làm hung dữ, như hột giống khô khan nay gặp Đạo lành Chơn chánh, xúc cảm lòng như, như hột giống đã gặp đặng nước đến thì phải nứt tởc sanh cây nở lá, tại nơi lý ấy nên chúng ta phải Tu.

CHƯƠNG THỨ TƯ

Tu có bổ ích gì cho chúng ta chẳng?

Tu hành rất hữu ích cho chúng ta lắm. Nếu Tu thì điều lành xung thấu đến Trời, Trời đặng thêm Dương khí thịnh vượng, thì gió mưa thuận thời. Chúng ta Tu điềm lành ứng

¹ Quay đầu đổi tánh dữ đem lại lành

xuống nơi Đất thì khởi dấy động điều tai biến, muôn vật đặng phần sanh hóa. Chúng ta Tu điều lành đến cho chúng ta thì khởi điều tranh cạnh nghịch lẫn hiếp đáp giết hại nhau, tránh đặng kiếp sát, những điều tai biến hãm hại xác hình nhưn loại đặng an, cộng hưởng thái bình, linh hồn của chúng ta đặng siêu thăng thoát hóa trở về Ngôi cũ.

Chúng ta Tu thì loài vật khởi bị điều tế sát thương sanh, nếu loài vật khởi chết thì đặng phần sanh sanh hóa hóa, đó là bổ ích cho Trời, Đất, Người cùng Vật.

Có bài thi của Thần Nữ cho:

Tu là cội phước vẹn thân sau,

Tu ấy nguồn trong rửa mạch sâu.

Tu giải oan khiên căn nghiệp trước,

Tu trau nền hạnh nguyệt soi lâu.

CHƯƠNG THỨ NĂM

Ăn chay bổ ích về phần nào?

Ăn chay nó bổ ích cho Xác Thân và Linh Hồn. Nếu muốn Xác thân chay, trước cần phải ăn chay, mà ăn chay thì phải dùng toàn đồ rau, đậu, hoa, quả. Những vật thực đó vào tỳ vị (*Bao tử*) tiêu hóa chia ra mà tiếp bổ xác thân và hồn con người, thì xác thân con người vốn là một khối chất chứa những sanh vật hoa quả rau đậu, nó nuôi nấng trưởng thành.

Vật thực ấy nó cũng là vị thuốc bổ hơn hết, nó có thanh khí (*Điện quang trong sạch*), tiếp bổ cho xác thân và linh hồn. Thiêng liêng nhờ được linh khí tinh khiết ấy, nhẹ nhàng đặng cao siêu thoát hóa mà thành. Ấy là phần của Xác thân.

Còn phần Linh hồn (*Lòng người chay*): Lòng người chay thì phải giữ luật Đạo, Tu tâm sửa tánh, tập luyện trừ bỏ đặng lòng tham dục vọng. Nếu còn tham dục vọng, thì lòng chưa chay lạt chỉ cả.

Tham dục vọng nghĩa là: Vào Đạo mà không sửa đổi Tâm tánh ngay thẳng hiền lành, và không làm điều ích lợi cho người cùng muôn vật, không chứa Âm đức chi cho Trời Đất cây cỏ, mà lòng trông mong làm Thần, Thánh, Tiên, Phật. Đó là lòng tham dục không chay, hoặc muốn những điều lợi mình, sung sướng mình, no đủ mình, trọng mình hơn người, lo điều vừa chí mình, mà làm cho mọi người phải chịu thiệt hại, và muôn vật không sanh tồn đặng, là lòng tham dục vọng không chay đó.

Lòng chay kể không xiết, xin nói tóm tắt: Lòng chay của con người là lòng tự nhiên như thuở mới sanh, không có lòng tư vị tham muốn hơn thua tranh giành lợi hại với ai cả, ấy là lòng chay. Khi người mới sanh bốn tánh vẫn lành, nếu miệng bụng chay mà lòng không chay, không thể thành đặng, nên cần lòng phải chay trước hết.

Còn Xác thân không chay ra thế nào?

Như Xác thân không chay, thì phải ăn thịt của thú cầm mà nuôi xác thân, vật thực thú cầm ấy vào tỳ vị (*Bao tử*), phải tiêu hóa mà nuôi Xác thân. Nhiều năm tích khối lại trưởng thành, Xác thân ấy phải chất chứa pha lẫn thịt của thú cầm vào mà thành ra xác thân người, thì nó không tinh khiết nhẹ nhàng được siêu thăng.

Lại còn những loài thú cầm nó hay ăn tạp vật, hoặc nó ăn nhấm vi trùng độc có bệnh, nếu chúng ta ăn nhấm thịt ấy vào tỳ vị, lúc còn mạnh thì nó lướt đặng; đến khi yếu, những vi trùng độc ấy nó biến sanh nhiều chứng bệnh khó trị. Vậy bao tử con người mà chất chứa những vật thực thú cầm đó chẳng khác câu phương ngôn rằng: **“Bao tử của con người là mồ mã của thú vật”**.

Mà cho là mồ mã thú cầm thì thành đất Nhị tỳ hay là Nghĩa địa của thú vật; nếu chất chứa nhiều vong mạng, thì sở ấy thật là nhiều âm hồn thú vật. Có khi cô hồn nó xúm nhau

lại, xúi giục cho người làm điều tội lỗi, đặng trả thù oan mạng nó. Tỉ như xe lửa cán mạng người còn có âm hồn thay, huống lựa là bao tử người biết bấy nhiêu sanh mạng chất chứa vào đó, mà không có cô hồn thú vật theo hay sao?

Nếu biết dùng đặng đồ chay, thì bao tử ấy chất chứa toàn đồ hoa quả rau đậu, thì bao tử ấy tỉ như sở đất trồng cây trái hoa quả rau đậu đó thôi. Nên tu hành cũng phải mượn Xác thân cho tinh khiết, thì Linh hồn mới trong sạch đặng.

Dùng đồ chay nghĩa là cố lần lột thú cầm trong xác thân con người ra, cho khỏi lẫn lộn với thú cầm nữa, mới thành hình Thần, Thánh, Tiên, Phật đặng. Ấy vậy, Xác thân phải chay mới toàn vẹn.

Tôi xin tỏ ý chữ nhục là thịt, có câu chữ thích nghĩa chữ nhục như vậy:

Nhục trung lý nội lương cá nhơn ²,
 Nội diện chiếu kiến ngoại diện nhơn.
 Chúng sanh hườn thực chúng sanh nhục,
 Tử tế tư lương nhơn ngật nhơn.

Nghĩa xuôi:

*Trong chữ nhục có hai chữ nhơn người,
 Người trong đội thấy người ngoài,
 Chúng sanh trở lại ăn lẫn thịt nhau,
 Lo lương tính toán người ăn thịt người!*

Mà không hay! Bởi Người cũng phải chịu chuyển luân trong Vật chất mới lần đến loài Người thì một gốc mà ra.

² Những chữ Nhục và chữ Nhơn, tác giả đều có phụ chú chữ Hán. Ở đây không có chữ Hán.

CHƯƠNG THỨ SÁU

Tại sao có Tam Kỳ Phổ Độ?

Tại Nhơn sanh do nơi “**Bổn Nguyên Nhứt điểm Vô cực**” (Tạo hóa) phân chia Chơn thần sanh sanh hóa hóa, lạc hạ nơi thế, vẫn xuống càng ngày càng tăng số, lại bị nhiễm lấy Hậu Thiên trước địa, giao cảm ác khí làm cho tánh xưa đổi biến, mất chất Thiên nhiên lu lờ điểm Tánh linh của Tạo hóa ban cho mỗi người.

Lại còn lưu luyện hồng trần, làm các điều hung ác, hại tổn cho Đời, hắc khí xung thiên, chơn Dương thất chánh, nên Tạo hóa lập định Tam Ngươn Long Huê Kỳ Hội.

Tam Ngươn là: Thượng, Trung, Hạ; ba Ngươn.

Kỳ là: Nhứt Kỳ, Nhị Kỳ, Tam Kỳ.

Hội là: Hội hiệp các Chơn linh của Tạo hóa đem về phong thưởng.

Nên lập Đạo mỗi Kỳ đặng độ rỗi Sanh chúng tu Tâm sửa Tánh, bỏ dữ về lành, luyện Âm hóa Dương, ngưng tụ Chơn thần, trở về Nguyên bổn.

Đạo gọi là: **Chiết khảm điền ly, lấy Dương lấp Âm, cho ra thành Càn.**

Nho gia rằng: “**Quân tử chung nhứt Càn Càn**”³.

Nữ Oa gọi luyện thạch bổ thanh Thiên, luyện đá vá trời. Đạo là Âm Dương chuyển biến, xây đổi. Nên phần Âm là phần mất lẽ công chánh, sanh kế giết hại lẫn nhau, gian tham xảo

³ **Quân tử** nghĩa là người Chí nhơn tốt lành. **Chung nhứt Càn Càn:** Là trọn ngày không cho xen lòng nhơn dục, và Âm khí lẫn vào điểm Linh tánh, thì phần Dương không hao khuyết; mới ra quẻ “**Càn tam liên**” Càn là Trời vậy.

trá, hư phong bại tục, đó là Ngũ trước ác thế đã cuối cùng, đến kỳ vận chuyển lại phần Dương, như hiền từ thiện, thật thà chơn chất, thuần phong mỹ tục.

Đạo gọi là Âm tận Dương sanh (*Hết lúc tối đến khi sáng*), theo lẽ Thiên Địa tuần hườn châu nhi phục thủy. Bởi do đó cơ vận chuyển Tam kỳ, mở Đạo lần ba, bày bố những tình thần đạo đức ra mà cứu vớt Chúng sanh, độ rỗi Nguyên như trở về ngôi cũ. Vậy mới có Tam Kỳ Phổ Độ.

CHƯƠNG THỨ BẢY

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nghĩa là gì?

Đại Đạo nghĩa là: Đạo cao siêu cả. Trời mở rộng ra toàn khắp Thế giới.

Tam Kỳ nghĩa là: Lần này là Kỳ thứ ba.

Phổ là phổ trương bày bố ra.

Độ là độ rỗi cứu vớt Sanh chúng, nơi chốn u ám chìm đắm sa đọa Luân hồi.

CHƯƠNG THỨ TÁM

Vào Đạo cóặng phần lợi ích cho chúng ta những điều gì chẳng?

Chúng ta vào Đạo, đặng nhiều điều ảnh hưởng trở nên khác lạ hơn lúc chưa có Đạo. Khác lạ là bỏ bớt đặng những điều rượu ngon thịt béo, gái non sắc đẹp, bạc bài, xa xỉ, khí nộ xúc phạm, cùng vạ tà gian tham xảo trá, lặn lừng hiếp đáp, giết hại nhau, đó là ảnh hưởng lợi ích cho chúng ta hiển nhiên trước mắt.

Đạo là Luật lệ Công bình Thiêng liêng của Tạo hóa để truyền bá cho đời. Người có Đạo chẳng khác nào thợ khéo, làm việc chi đã có sợi mực giăng, có thước đo, thì khi dụng

mới nên đồ. Nếu người không có Đạo, chẳng khác chi làm thợ không mực thước, thì khi dụng dẫu nên đồ dặng!

Song người giữ Đạo dặng noi theo Luật pháp qui điều mà sửa răn cái Tâm tánh cho trở nên từ thiện, bỏ những điều ác, vay tà, gian tham, xảo trá, rượu thịt bài bạc, tránh điều cạnh tranh hiếp đáp, giết hại lẫn nhau nữa. Như vậy mới dặng hạng người cao thượng siêu thoát Luân hồi, khỏi đầu sanh chuyển kiếp, vay vay trả trả, mà lại dặng chứng ngôi Hiền, Thánh, Tiên, Phật, về cựu vị, hạp lý thiên nhiên của Tạo hóa. Ấy là lợi ích về phần giữ Đạo đó.

Chúng ta vào Đạo, Chủ nghĩa là học răn lòng sửa tánh, tu tích hồi thiện, cho khỏi sai Luật Công bình Thiên liêng của Tạo hóa. Vậy ngược lên không hổ cùng Trời, cuối xuống không thẹn cùng Đất.

Nên sách rằng: **“Thường bã nhưt tâm hành chánh Đạo, tự nhiên Thiên Địa bất tương khuy”**. (Nghĩa là: *Hằng giữ một lòng tu thân hành Đạo chánh, thì tự nhiên không điều chi mích phạm đến Trời Đất*).

Nếu chúng ta chẳng vào Đạo, dẫu biết giữ Luật Đạo, thì phải lo đua danh cướp lợi, đắm say những rượu thịt bài bạc, lấy điều bất công bình mà hiếp đáp nhau, sanh lòng bạo ngược, hung ác gian tham xảo trá, lập kế giết hại lẫn nhau, dẫu biết Luật Trời mà làm lạnh lách dử. Nếu chúng ta như vậy, là ra hạng người thấp hèn mà bị trong vòng sanh nghề tử nghiệp.

Nay đã gặp đến buổi tuần hườn Trời xây mới Đạo, khai hóa gieo truyền tại phương Nam, chúng ta vào Đạo học tu thân, chẳng khác chi chúng ta vào trường giáo huấn mà học sửa Tâm phàm Tánh tục bỏ dử về lành, dặng ra hạng người nhưn từ hiền đức. Dẫu ta không thành Hiền, Thánh, Tiên, Phật đi nữa, thì cũng dặng ra phẩm người hiền đức, xa lánh được những rượu thịt bài bạc, tranh giành cấu xé nhau, tránh điều tội lỗi, khỏi bị sa đọa Luân hồi chuyển kiếp, không phạm

đến Luật Trời hình phạt, thì cũng đặng phần hơn khi chưa có vào Đạo.

Tỉ như người dốt mới đến trường học tập, chúng ta vì không Đạo mới vào Đạo đặng học tập sửa tánh tu thân. Chúng ta đã nhập trường học rồi, thì dẫu thi không đậu cấp bằng tốt nghiệp đi nữa, cũng có lẽ biết chữ hơn khi chưa vào trường học đó chớ, lẽ nào dốt thêm hơn khi có học đó sao?

Chúng ta vào Đạo tu thân, sự tấn hóa lợi ích chẳng khác nào như người đi học tập vậy. Trời khai Đạo, chúng ta vào Tu đây, ấy là Trời lập trường thi Công quả đức hạnh mà làm Tiên, Phật, Thánh, Hiền. Nếu ai biết thức tánh, giữ y Luật Đạo, lập công bồi đức cho đầy đủ, đặng mà chứng quả vị Thánh, Hiền, Tiên, Phật, ấy là điều đại lợi ích chúng ta đó.

Nên sách rằng “**Tu kỹ dĩ an bá tánh**”. (Nghĩa là: *Chúng ta Tu mà trong bá tánh thấy đều yên tịnh hết*). Ấy là cũng do Đạo.

Lại có câu: “**Quốc hữu Đạo tắc hưng, quốc vô Đạo tắc suy**”. (Nghĩa là: *Nước nhà có Đạo đức hiền lành thì dân trở nên thanh hóa, đặng thuần phong mỹ tục; còn nước nhà mà không đạo đức hiền lành thì lo tranh cạnh nhau đoạt quyền cướp lợi giết hại lẫn nhau, thì tôi phong bại tục mà phải nguy*).

Vậy nên vào Đạo lợi ích có phần hơn cho chúng ta dường ấy.

CHƯƠNG THỨ CHÍN

**Người đi tu hành phải bỏ nhà cùng vợ con
tâm chỗ thanh vắng hoặc núi non mà tu luyện
mới thành, phải vậy chăng?**

Chẳng phải vậy đâu! Chúng ta xuất thế vào Đạo mà Tu, đặng sửa tâm tánh, cho trở nên người hiền lành như đức,

và làm điều cho lợi hơn lợi vật, những việc có ích cho đời mới công quả, phước đức đủ đầy là Đạo.

Nếu chúng ta đi Tu mà lánh đời, không làm điều ích chung, kiếm chỗ thanh vắng mà an ẩn, lo phận sự riêng mình, thì có ích chi cho Trời Đất, cùng người vật nơi thế cậi nhờ, thì công quả đức hạnh đâu mà trông mong thành đặng. Tỷ như chúng ta muốn làm giàu, thì phải kiếm phương chước chi, làm cho sanh lợi ra của mới giàu đặng. Nếu muốn giàu có mà không chịu khổ cực, thì tiền của đâu nó đến cho mà giàu đặng!

Còn chúng ta muốn thành Tiên, Phật, Thánh, Hiền, hay là hưởng phước thì phải chịu khổ cực với đời, lo cứu Nhơn sanh, và Tu cho lợi ích Trời Đất cùng người vật, thì nhờ công quả ấy, mới thăng thưởng cho chúng ta thành chánh quả đặng. Vậy nên chúng ta phải ở thế, mà chịu những điều lao tâm tiêu tứ gay go khổ não, cực nhọc khốn đốn, cũng nhờ các điều nơi thế gian này mà trau giồi, tập luyện cái Tâm sắt đá của chúng ta, nếu chịu nổi các điều ấy, thì trở nên thành quả vị Tiên Phật.

Chúng ta Tu đây chẳng khác khúc gỗ kia phải để chịu cho đời cưa cắt đục đẽo, bào chọt chạm trổ, cho ra hình tượng. Nếu chúng ta Tu mà chẳng chịu những điều thế gian đục đẽo bào chọt cùng các sự khổ, thì như khúc gỗ không chịu cho ai đục đẽo, đá động đến thì đâu có ra dáng hình chi mà nên đặng.

Sách gọi rằng: **“Phũ trát chi công dĩ thành kim thân”**. (Nghĩa là rìu búa đục đẽo, chạm trổ mới ra hình dáng, thì công đức chúng ta lập nên là đó). Các đấng Phật xưa còn phải chịu trải qua tám mươi một nạn mới thành. Nếu chúng ta có Đạo mà không có đức thì làm sao thành?

Có câu: **“Nhược bất tích Âm công, chưởng Âm chất, động khởi quần Ma tác chưởng duyên”**. (Nghĩa là:

Chẳng lập công quả, chẳng chứa Âm chất, thì Ma chướng đầy động ngăn cản khó thể mà thành Đạo).

Vậy chúng ta Tu trước phải ở thế lập công đức, tập rèn tu luyện cho ra hạnh Đạo, mà thành Tiên, Phật, Thánh, Hiền mới xứng, nên có câu: **“Hỗn tục hòa hoan nhưn bất thức, hành vân lưu thủy độ Nguyên nhưn”**.

(Nghĩa là: *Lộn lạo nơi trần thế không ai rõ biết, lặn suối trèo non, tìm kiếm người mê mà độ dẫn*), là trường lập công đức vậy, chẳng luận lên núi mà Tu.

Sách có câu: **“Nhơn nhưn hữu cá Linh sơn tháp, bất tại Linh sơn chỉ tại Tâm”**. (Nghĩa là: *Người nào cũng có núi Linh sơn trong Tâm, chẳng phải lên núi mà gọi là Linh sơn, Linh sơn chỉ tại nơi lòng chúng ta*). Nếu lên núi hay vào Chùa mà không y Luật Đạo, Tâm tánh không hiền lành, Đạo đức chẳng có, làm sao thành hay là siêu thoát đặng?

Nên phải chịu khổ với đời cho Âm chất đầy đủ, sau sẽ kiếm nơi danh sơn phước địa mà Tu bực Đốn giáo Pháp môn, tối thượng nhưt thừa, Vô vi Bí pháp, như các đấng Tiên, Phật, Thánh, Hiền trước mới đặng. Chớ đừng nghe Tiên Phật lên núi tu thành Đạo, mà nay chúng ta mới vào Đạo, chưa hiểu Tâm pháp là gì, công quả không có mà bắt chước lên núi hay là chỗ tịnh ngồi luyện thì phải bị Tà khí nhập khiêu trung, gạt gẫm về nẻo lợi danh mà trở lại thế nữa!

Nên vào Đạo phải cho thông hiểu sơ giai Tu làm sao, trung giai, chánh giai Tu thế nào; chớ đừng gọi mới vào trường giai lo đi thi Cử nhưn, Tấn sĩ. Vậy chúng ta đừng lấy Tâm phàm ham muốn thái quá thì sai Luật Đạo, lại uống công nhọc sức. Nếu ai không tin lời tôi luận đây, thì lấy ý riêng của mình làm thử coi, có nguy hiểm không?

Vậy người mới vào Đạo chẳng nên kiếm chỗ thanh vắng sớm mà luyện Đạo là sai lý Đạo.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI

Chúng ta đứng làm con người đây thì lo điều nào là căn bản?

Chúng ta làm người đứng trong Trời Đất này, cần nhưэт phải lo cho có đạo đức là căn bản. Bởi Đạo là máy sanh sanh hóa hóa cả thảy Trời Đất, Người, Vật.

Trời Đất có Đạo mới cao minh lâu dài đặng, nên gọi là: **“Thiên đắc dĩ thanh⁴, Địa đắc nhưэт dĩ ninh⁵”**. Người có Đạo thì khỏi sa đọa lẫn lộn vào trong trái Đất, khuynh tán điều tàn, lại đặng siêu thăng thoát hóa, gọi là: **“Nhơn đắc đức thành Thánh”**.

Sách rằng: **“Hữu Đạo tất hữu Đức, hữu Đức tất hữu Thổ, hữu Thổ tất hữu Tài, hữu Tài tất hữu dụng”**.

(Nghĩa là: Có Đạo mới có Đức, có Đức mới có Đất, có Đất mới có của, có của mới có dùng). Nên Đạo là cơ quan Chủ thể của sự sanh hóa, còn không Đạo thì phải điều tàn tiêu diệt. Nếu người mà không biết cơ quan Đạo thì phải xung khắc nhau, giành giựt giết lẫn nhau mà tiêu tị.

Bất luận là đời nào, không có Đạo thì phải suy vi tội tệ, chúng ta đã biết dư, đời vô Đạo thì phải Dân tán Quốc khuynh, đời có Đạo thì Dân an Quốc thời, người mà có Đạo cả thảy Nhơn loại đặng hưởng Cộng hòa. Hễ Nhơn loại đặng Cộng hòa thì chẳng hạnh phúc nào hơn. Nên sách cho rằng: **“Thời thời bất như địa lợi, địa lợi bất như nhơn hòa”** (Nghĩa là: Thời Trời chẳng bằng Đất lợi, Đất lợi chẳng bằng Người hòa).

⁴ Thanh là khinh thính.

⁵ Ninh là ninh tịnh lâu dài, siêu thoát.

Vậy Đạo là căn bản cơ quan của Tạo hóa, nếu chúng ta lo cho nó có Đạo thì ta lo bồi đắp nguồn cội căn bản lớn hơn hết đó.

Như đời lấy cái thế lực (*Là sức người*) và trí khôn ngoan ra mà không có Đạo thì thế lực trở lại hiếp đáp giết hại lẫn nhau, thành ra trường náo nhiệt mà phải ra đời kiếp sát loạn ly, nên Đạo là căn bản chính của chúng ta. Phải lo cho có Đạo là điều cần nhất, nên Cổ nhơn có câu: **“Đản quan Tam giáo, duy Đạo độc tôn”**. (Nghĩa là: *Xem coi trong Tam giáo thì Đạo là trên hết*).

Chúng ta lo cho có Đạo là điều căn bản vậy.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI MỘT

Vào Đạo mà thờ Thiên Nhân chủ ý về đâu?

Vào Đạo mà thờ Thiên Nhân là chủ ý về thờ Thần. Thần thuộc Hỏa, Hỏa là mặt Nhật thuộc Dương, Dương là thanh khí, thì thanh khí là Trời, nên chúng ta thờ một vầng ánh sáng thanh khí ấy là thờ Trời đó vậy. Bởi chữ **Thanh** một bên, chữ **Khí** một bên, là **Thanh Thiên tức là Trời vậy**.

Thờ Thiên Nhân chẳng phải thờ Trời đó sao? Nếu giải thân người, con mắt chủ Tâm, Tâm là linh quang chơn chánh, mà người biết gìn giữ cái Tâm, cũng nhờ kính Trời.

Nho gọi là: “Tôn Tâm khả dĩ sự Thiên”. (Nghĩa là: *Gìn giữ bốn Tâm đừng cho nhiễm loạn gọi là thờ Trời*).

Đạo Gia Tô chỉ nơi trái tim, cũng chủ nghĩa thờ Đức Chúa Trời nơi trái tim. Tục gọi là Tâm tức Phật.

Bởi Thiên Nhân là Thần Quang, Chủ tế nơi Tâm của mọi người, nên chúng ta thờ Thiên Nhân là chủ nghĩa thờ Trời vậy.

Có câu Thượng Đế dạy vẽ Thánh Nhân mà thờ như vậy:

**“Nhãn thị chủ Tâm,
Lưỡng quang Chủ tế,
Quang thị Thần
Thần thị Thiên,
Thiên giả ngã dã”**

Ấy Thiên Nhãn là Thần, Thần Thiêng liêng của Tạo hóa.

Khi trước, Đức Ngũ Tổ hỏi Lục Tổ Huệ Năng: **“Trời ở đâu?”** Huệ Năng trả lời: **“Trời ở nơi Tâm ta”**. Thì biết rõ, Thiên Nhãn là bốn Tâm chơn Tánh, chủ trương xác thịch này, mà lâu nay chúng ta vùi lấp chẳng biết tu dưỡng lại, cho nên hôn mê tán loạn, đâu biết Trời mà thờ kính.

Nay đến buổi tuần hườn, Trời mở Đại Đạo, chúng ta mới biết Trời mà thờ kính đó là thủ Chơn linh, Nguơn Thần, căn bản của ta vậy. Nên chúng ta thờ Thiên Nhãn, chủ ý là kính Trời, một vừng Thần Quang ánh sáng đó là Chủ tế sanh hóa các Chơn linh của chúng ta vậy.



CHƯƠNG THỨ MƯỜI HAI

Sao gọi là baTrấn?

Ba Trấn, nghĩa là cũng Tam Giáo.

Như khi Nhứt Kỳ, Nhị Kỳ các Đấng ấy giáng thân trần dạy Đạo, kêu là Tam Giáo. Nay Trời lấy huyền diệu lập Đạo, mà chấn hưng Tam Giáo lại phải có ba vị, thay thế cho Đức Phật, Tiên, Thánh, nên kêu là Tam Trấn.

Trấn là trấn nhậm. Theo ý ngu tôi tưởng, đó là Thượng Đế chọn lựa công quả Chơn thần Thiêng liêng của ba vị đương lúc ở thế như:

**Thái Bạch Kim Tinh, công bình minh chánh;
Quan Âm Bồ Tát tiết hạnh trinh liệt;
Quan Thánh Đế Quân trung cang nghĩa khí,**

đặng phần trách nhiệm thế quyền cho đủ số Tam Giáo. Lúc Tam Kỳ Phổ Độ này là kỳ dùng huyền diệu Thiên liêng mà lập Đạo, nên phải dùng Chơn thần Vô vi theo Kỳ Hội thứ ba mà thế quyền Tam Giáo, nên lập ba Trấn.

Thái Bạch Kim Tinh thường thủ Tiên cơ chỉ rõ cảm ứng rộng truyền Chơn Đạo, hoằng khai Chánh giáo.

Quan Âm Bồ Tát chỉ rõ hạnh tiết trinh liệt, đại chí Từ Bi cứu độ Tín nữ.

Quan Thánh Đế Quân chỉ rõ trung cang nghĩa khí, gìn lòng, hằng đọc Xuân Thu, dẫn độ Thiện nam.

Ấy là ba Trấn.

Thượng Đế chọn công quả và có gương Chánh kỷ, nên thế quyền cho ba vị Giáo Chủ: Phật, Thánh, Tiên, mà dẫn độ cho chúng ta noi gương ấy, kêu là ba Trấn.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BA

Sao gọi Tam Giáo?

Đạo là Nhứt Khí sanh Nhị Nghi, là số tam của Đạo, kêu là tam Dương khai thới, Thiên Địa định vị, mới có phân Tam Tài là: Thiên, Địa, Nhơn; cũng là số tam.

Nên Trời có số tam là: Nhựt, Nguyệt, Tinh;

Đất có số tam là: Thủy, Hoả, Phong;

Người có số tam là: Tinh, Khí, Thần;

thì Đạo truyền cho đời, cũng phải có số tam đó mà dẫn truyền thế Đạo. Ba ngôi Giáo Chủ là Phật, Thánh, Tiên, cũng một cội mà sanh ba, nên khai Thiên bất ly tam cực, thâu viên bất ly Tam Giáo: Nhứt vi tam, tam vi nhứt. Bởi lý ấy gọi Tam Giáo.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BỐN

Các vì Giáo Chủ là ai?

Nhứt Kỳ:

- Thánh Giáo Chủ đời Bàn Cổ là Văn Tuyên Đế

Quân.

- Phật Giáo Chủ là Nhiên Đăng Cổ Phật.
- Tiên Giáo Chủ là Thái Thượng Đạo Tổ.

Nhị Kỳ:

- Tiên Giáo Chủ là Lão Tử.
- Phật Giáo Chủ là Thích Ca.
- Thánh Giáo Chủ là Khổng Phu Tử, và Gia Tô Giáo

Chủ.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI LĂM

Các vì Tiên, Phật, Thánh

xuống trần hành Đạo, lập Giáo nơi nào?

Khai quang Phổ Độ:

- Lão Tử lập Tiên Đạo tại Trung Huê, giảng sanh đời nhà Thương, vua Võ Đinh, năm Dậu, ngày 15 tháng 2.

- Thích Ca lập Phật Giáo tại Ấn Độ, Tây Thiên Trước, giảng sanh đời Châu, vua Chiêu Vương, năm thứ 24, tháng tư, ngày mùng tám.

- Khổng Phu Tử lập Nho giáo tại Trung Huê, giảng sanh đời Châu, vua Linh Vương, năm Kỷ Dậu, ngày Rằm, tháng chín.

- Còn Gia Tô Giáo Chủ cũng mở Đạo bên Thái Tây, đời nhà Châu.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI SÁU

Khai Đạo tại sao, bế Đạo tại sao?

Đạo vẫn có một phần Dương, một phần Âm, hiệp thành Kiền Khôn thế giới, thì Âm Dương chuyển vận tuần

huờn mà sanh sanh hóa hóa, mới có đêm tối ngày sáng. Khi Đạo khai là phần Âm cuối cùng vừa tận, thì đến phần Dương phát khởi chuyển hóa. Ấy là thời kỳ phổ khai Nhơn loại đặng từ thiện minh chánh, hung ác vạy tà điều tàn tiêu tị. Lúc ấy, Dương thịnh Âm suy, nhơn vật tuần huờn, đến kỳ thoát hóa, tu tâm dưỡng tánh, cộng hưởng thời bình.

Tại nơi cuối cùng, hết lúc Đạo suy, đến lúc Đạo thịnh, do máy Âm Dương chuyển vận, phần Âm cuối cùng thì Đạo khai, còn Đạo bế là tại phần Dương cuối cùng muốn dứt chuyển biến ra Âm.

Hết thịnh đến suy, nhơn vật thay đổi, đến kỳ Đạo bế, hung ác bạo ngược gian tham xảo trá, giao cảm ác khí gây nên tội lỗi, chìm đắm sa đọa, nhơn vật điều tàn, phần Dương tiêu tị, phần Âm thịnh phát. Ấy là tại lúc Âm thịnh Dương suy, nên Đạo phải bế vạy.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BẢY

Tại vì đâu mà chúng ta được biết Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ khai ra?

Chúng ta cũng có chỗ biết chút ít như vậy:

Là Chánh giáo thất kỳ truyền đã lâu, đời chưa có Đạo nên người mới không giữ cương thường luân lý bỏ phép công bình, lo tranh cạnh hiếp đáp lẫn nhau, làm cho phong đời tục đổi, thì chúng ta nghĩ sau đây sẽ có một Chơn Đạo nào chấn hưng mà dạy thế sửa đời cho ra thuần phong mỹ tục, mới theo lẽ tuần huờn.

Tỉ như một năm có bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông, mà chúng ta vẫn gặp lúc thu Đông đã lâu rồi, thì sẽ có mùa Xuân nữa, như chúng ta ở lúc ban đêm thì cũng sẽ có vận chuyển

đến lúc ban ngày, lẽ nào ban đêm hoài mà không ban ngày? Hết tối thì sáng, không lẽ tối hoài.

Vậy nên Sám Truyền có lưu ý rằng: “**Mạt hậu, Tam Kỳ Thiên Khai Huỳnh Đạo**”. (Nghĩa là sau đây sẽ có Trời mở Đại Đạo nơi Kỳ thứ ba, kêu là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ)

Và sử rằng: “**Lục vạn dư niên, Thiên khai Huỳnh Đạo**”. (Nghĩa là: đủ sáu muôn năm lễ, Trời sẽ mở Đại Đạo lại cùng khắp năm Châu, như khi trước vậy, và cũng nhờ có huyền diệu Cơ bút thông công cùng Thiêng liêng mà chúng ta đặng rõ biết Tam Kỳ Phổ Độ)

CHƯƠNG THỨ MƯỜI TÁM

Lập Thiên Bàn để thờ ai?

Lập Thiên Bàn để thờ **Đấng Chí Tôn** là Tạo Hóa. Đấng ấy sanh hóa chúng ta, lại gây dựng Kiền Khôn Thế giới, sanh sản muôn vật, cho chúng ta hưởng nhờ, thì chúng ta để thờ kính **Đấng** ấy. Còn kể dưới thì thờ Ngũ Chi Đại Đạo.

Ngũ Chi là: Phật Đạo, Tiên Đạo, Thánh Đạo, Thần Đạo, Nhơn Đạo.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI CHÍN

Thờ ai trên hết?

Thờ ngôi **Chí Tôn**, Đấng tạo hóa ra chúng ta đây, thì thờ kính **Đấng** ấy trên hết.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI

Tại sao trên hết?

Tại chúng ta vào Đạo thì phải biết bốn nguyên nơi đâu gây dựng Càn Khôn Thế giới cho đến chúng ta, thì chúng ta phải biết gốc ngọn thủy chung. Cái ân lớn, mà trọng kính thờ phụng **Đấng** ấy là Trời trên hết.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI MỐT**Khi cúng Đức Chí Tôn,
dâng Bông, Rượu, Trà, chủ ý gì?**

Khi làm lễ Đức Chí Tôn mà dâng **Bông, Rượu, Trà**:
Ba vật ấy chủ ý rõ ba vật báu là Tinh, Khí, Thần trong thân
thể.

Lấy lý Đạo tỏ dấu kính bề ngoài mà cúng cho có thể
dụng:

Bông thể **Tinh**

Rượu thể **Khí**

Trà thể **Thần**

Vậy lấy ba món báu của người mà chỉ dấu kính, vật có
hình mà hiến lễ, vậy nên trong Kinh Ngọc Hoàng Tâm Ấn gọi
là tam phẩm thượng đước: Thần dữ Khí, Tinh là vật quý báu
phẩm trên đó.

Đạo thơ rằng:

*“Thiên hữu tam Bửu: **Nhật, Nguyệt, Tinh***

*Địa hữu tam Bửu: **Thủy, Hỏa, Phong***

*Nhơn hữu tam Bửu: **Tinh, Khí, Thần**”.*

(Nghĩa là: Trời có ba vật báu là mặt *Nhật*, mặt *Nguyệt*, và
Tinh tú. Đất có ba vật báu là nước, lửa, gió. Người có ba vật
báu là *Tinh*, *Khí*, *Thần*)

Nên chúng ta không có vật chi là quý nữa, chỉ có ba
điều ấy quý báu, nên trạng ra vật có hình là Bông, Rượu, Trà
dùng dâng kính hiến Thượng Đế. Đó là chủ ý kính tam Bửu
vậy.



CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI HAI

Tại sao chúng ta kêu

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế bằng Thầy?

Bởi Đức Thượng Đế chính mình xuống lập Đạo, hạ mình xưng với chúng ta bằng Thầy, dạy dỗ chúng ta và truyền bảo chúng ta rằng: **“Phải kêu bằng Thầy”**, dạy dỗ chúng ta.

Ấy là xưng Thầy mà dạy trò cho hiệp Đạo, lại cũng là một phương pháp để làm gương cho chúng ta nữa. Đã đứng bực Chí Tôn, lại còn hạ mình xuống xưng Thầy với các con là tỏ ý cái hạnh khiêm cung của Trời cho ta học lấy. Thế thì chúng ta đây là kẻ phạm phu tục tử còn phải hạ mình khiêm cung với kẻ dưới ra làm sao mới hiệp Đạo? Vậy chúng ta phải noi theo gương ấy mà điu dắt lẫn nhau mới có hạnh khiêm cung là hạnh yêu dấu của Đấng Chí Tôn.

Bởi lý ấy nên chúng ta mới dám kêu Chí Tôn bằng Thầy.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI BA

Cúng lạy chủ ý gì?

Cúng lạy là cảm ân đức của Đấng Tạo Hóa và các vị tiền giác. Bởi chúng ta không biết lấy chi báo đáp, nếu lấy lòng chúng hiệp chí thành cung kính nơi Tâm thì không thấy rõ ảnh hưởng hình trạng chi hết. Vậy phải dùng cúng lạy mà tỏ dấu kính bề ngoài cho có hình dạng khó nhọc cảm tạ ân đức ấy mới vừa lòng; nên dùng hết tinh thần bề ngoài cúng tận tụy, đặt ra vẽ kính lễ hiển.

Nên có câu: **“LỄ PHẬT DĨ KÍNH PHẬT CHI ĐỨC”**. (Nghĩa: *Lạy Phật là kính đức của Phật*). Bởi vậy, buộc chúng ta phải cúng lạy là chủ ý này vậy.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI BỐN

Cách lạy thế nào?

Lạy chấp hai tay ấn Tý. Tả thuộc Dương, hữu thuộc Âm. Ấn Tý đó là chỉ: Thiên khai ư Tý, Trời mở nơi đầu hội Tý.

Sách gọi: Vô danh Thiên Địa chi tử, là khi trước chưa có Trời Đất gọi là “Hư không nứt khí”.

Còn tay mặt thuộc phía Âm, ắp ngoài bàn tay trái, là Âm Dương bào ắp. Khí Âm ở ngoài, khí Dương ở trong, Âm Dương lưỡng hiệp kêu Kiên Khôn định vị. Còn ngón cái tay mặt chỉ qua ngôi Dần bên tay trái, tay Âm chỉ qua tay Dương là dấu tỏ: **Nhơn sanh ư Dần. Dương trung hữu chơn Âm**, trong bàn tay Dương, có ngón phía Âm ẩn trong, nên người bắm khí Âm Dương mà sanh, mới có Hậu thiên hình chất.

- Bởi Nhứt Kỳ Phổ Độ sơ Long Huê Hội, Thái Thượng lập Đạo dạy cách lạy hai bàn tay chấp nắm co lại, như cái bông búp.

- Qua Nhị Kỳ Phổ Độ nhị Long Huê Hội, Thích Ca lập Đạo dạy cách lạy hai bàn tay xòe ra nhập sát lại một như bông nở.

- Nay đến Tam Kỳ Long Huê Hội, Đức Chí Tôn lập Đạo dạy cách lạy chấp tay ấn Tý, kiết quả lại như trái cây có hạt, kêu là “**Kiết quả thâu viên**”, độ tận Chúng sanh trở về cực vị (Ngôi cũ), là Hạ Ngươn thâu viên kiết quả, Tam Kỳ Phổ Độ, Tam Giáo Qui Nguyên Phục Nhứt.

Trước khi vào lạy, đứng ngay thẳng rồi xá ba xá, chỉ tỏ dấu thành kính, tam Dương khai thời, Đạo lập lần thứ ba cho hiệp Chơn lý. Khi chấp tay đưa lên trán, chỉ dấu kính **Thiên**, xá xuống chỉ gối chỉ dấu kính **Địa**, đem về để ngay ngực, chỉ dấu kính **Nhơn**, cũng đều gom lại Tâm mà thành kính Đức Chí Tôn⁶. Nên lạy cũng cho phù hợp theo Ngươn hội mới nhằm Đạo, nên cách lạy phải như thế vậy.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI LĂM

Cúng lạy nhiều có phước, khỏi tội chẳng?

⁶ Khi quì lấy dấu niệm: Phật, Pháp, Tăng; Phật là Thần, Pháp là Khí, Tăng là Tinh; dấu niệm Thần là Trời, niệm Khí là Đất, niệm Tinh là Người, nên bên Thánh Giáo lấy dấu: Nhơn danh Cha và Con và Thánh Thần cũng là Ba Ngôi ấy.

Trả lời: "Chẳng phải cúng lạy nhiều mà có phước khỏi tội đặng ". Có phước khỏi tội là tại lòng người biết tu hành ngay thẳng hiền lành như đức, thương người mền vật, bỏ các điều dữ y theo luật Đạo, làm những điều lợi ích chung Trời Đất cùng là Người Vật, thì là phước có phước khỏi tội đặng; chớ chẳng phải cúng lạy nhiều mà có phước khỏi tội đặng!

CHƯƠNG THỨ HAI MƯỜI SÁU

Có nên bỏ việc cúng lạy chẳng?

Chẳng nên bỏ, vì Trời, Phật, Tiên, Thánh, Thần và Tiên linh cũng là căn nguyên nguồn cội trong một điểm chuyển biến sanh hóa đến chúng ta. Nay chúng ta đặng hình chất này cũng do gốc đó mà ra.

Các Đấng ấy lại để những gương lành tốt cho đời, và lưu kinh truyền điển dạy đời đặng thuần-phong mỹ-tục, biết điều lành mà làm, điều dữ mà tránh, được siêu thăng thoát hóa, thì chúng ta đáng ngưỡng vọng ân ấy, nên không biết lấy chi tỏ lòng thù tạ báo đáp, dùng việc cúng lạy bề ngoài cho có dấu kính mà xưng tụng nhắc nhở công-đức ấy.

Đến khi làm lễ đối kính với các Đấng ấy, thì phải lấy hết lòng, hạ thân đảo bái, cúc cung tận tụy, cho ra lễ thành kính tỏ dấu bề ngoài, nên không bỏ sự cúng lạy đặng.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯỜI BẢY

Phật có phải lớn hơn Trời chẳng?

Trả lời: "Chẳng phải lớn hơn, Trời là Chúa cả Kiền Khôn hóa dục quần sanh, nên bài tặng: Đại La Thiên-Đế ... Nãi Nhựt Nguyệt Tinh thần chi Quân, vi Thánh, Thần, Tiên, Phật, chi Chủ". (Nghĩa là: Trời làm Chủ mặt Nhựt, mặt Nguyệt, Sao, Chúa cả của các Đấng Tiên, Phật, Thánh, Thần).

Bởi vậy, chư Tiên có giảng bút cho mấy lời như vậy:

“Đạo đức nhà người khá gắng giồi,
 Nên hư tại máy cướp cơ Trời.
 Trời sanh người, người sanh Tiên, Phật,
 Phải nhớ Càn Khôn chớ khá lời”.

Bởi Trời sanh người, người biết giác ngộ thức tỉnh tu hành, mới thành Tiên, Phật đặng. Nên chữ “Phật” phải có chữ “Nơn” (Người) một bên chữ Phất mới là Phật. Có làm người trước rồi, sau tu mới làm Phật, nên không phải Phật mà lớn hơn Trời đặng. Nhứt nhứt Đạo nào cũng Đấng Tạo Hóa gây dựng ra cả, nên Phật chẳng phải lớn hơn.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI TÁM

Lập Nghi Thiên Bàn

để các phẩm vật cúng đó chủ ý gì?

Các phẩm vật để trên Thiên Bàn mà cúng đó là chủ ý lấy lý Đạo Tiên Thiên thể ra cho có hình trạng vật chất Hậu Thiên mà sùng bái.

Phẩm vật nơi Thiên Bàn thường có một ngọn đèn chong ở giữa, đó là Thái Cực đặng, nhứt điểm huệ đặng bất diệt. Thể trên Trời là mặt Nhựt, thể dưới Đất là Lửa, thể nơi Người là Tánh, thể nơi Đạo là Huyền Quang nhứt khiếu; chỉ nơi Trời ở giữa gọi sao Thiên Xu (*Bắc Đẩu*), chỉ nơi Đất ở giữa gọi là Tu Di Sơn, chỉ nơi Người ở giữa gọi Linh Quang nhứt điểm.

Bên tả để một chén nước trắng gọi là Thái Cang (*Tả Thanh Long*). Bên hữu có một chén nước có trà gọi là Thái Nhu (*Hữu Bạch Hổ*).

Trong chén nước có tám phân, bên Âm có trà, bên Dương nước trắng: Âm Dương hiệp lại thành Đạo. Đạo gọi là: **“Nhị bát hiệp thành nhứt cân chi số dã”**. (Nghĩa là hai cái

tám phân hiệp làm một cân 16 lượng). Chỉ đối trên Trời là Âm Dương, chỉ nơi Đất là cang nhu, nơi Người tánh mạng.

Khi cúng Bông, Rượu, Trà ba vật ấy thể nơi Trời là: **Nhật, Nguyệt, Tinh**; nơi Đất là: **Thủy, Hỏa, Phong**; nơi người là: **Tinh, Khí, Thần**.

Còn lư để hương thuộc Thổ, tại nơi Người là tạng tì, đốt hương cắm năm⁷ cây đó thể nơi Trời thuộc Ngũ Khí, thể nơi Đất thuộc Ngũ hành, nơi Người thuộc Ngũ tạng. Mùi thơm chủ về Khí nhẹ nhàng, khứ trước lưu thanh, khinh phù xung thấu Cửu Trùng Thiên, đặng tỏ lòng thành kính của chúng ta chủ ý vậy.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI CHÍN

Vào Đạo phải Minh Thệ, chủ ý gì?

Minh Thệ chủ ý để cho người vào Đạo buộc phải Thệ đặng thủ tín, nhớ lời nguyện trước Thiên Bàn: Trời, Phật, Tiên, Thánh, Thần và có mặt Đạo hữu chứng lời Thệ nguyện của người vào Đạo đặng người ấy lấy hết một lòng một dạ giữ thờ Chánh Đạo mà thôi, sau chẳng dám làm điều gì sai lời nguyện với bề trên, nên buộc phải giữ lời nguyện với Trời, Phật, Thánh, Thần mới chứng chiếu, đặng chúng ta răn lòng sửa chí hằng ngày, phải nhớ lời nguyện mà kềm thúc cái Tâm phàm Tánh tục của người giữ Đạo cho cuối cùng.

Nên Phật, **đĩ nguyện vi bằng, vô nguyện bất năng thành chánh quả**⁸. Nên chủ ý Thệ nguyện là vậy đó.

⁷ Ngũ phần chơn hương là: Năm phần mùi thơm

⁸ Nghĩa là Phật lấy lời Thệ nguyện làm bằng chứng, không lời nguyện đó không đốc tín lập chí cho thành Chánh quả.

CHƯƠNG THỨ BA MƯỜI

Câu niệm “**Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát**” là chủ ý gì?

Chủ ý về mỗi khi lập Đạo, phải lấy Thánh danh khác mà khai Đạo cho có danh hiệu. Nhưng trong Thánh hiệu lại có lý Đạo. Như niệm **hai chữ Nam Mô**, là Tâm không tưởng chi cả, để không cho thanh bạch, đặng niệm Thánh hiệu Đức Chí Tôn. Còn **chữ Cao Đài** trong Đạo thơ rằng: Thượng Đế viết Cao Đài, viết Linh Đài.

Hai chữ **Cao Đài** chỉ phần **Nho Giáo**.

Tiên Ông chỉ về **Tiên Giáo**.

Đại Bồ Tát Ma Ha Tát chỉ về **Phật Giáo**.

Vậy nên kêu là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tam Giáo Qui Nguyên.

Nên mỗi kỳ Thượng Đế lập Đạo hay là Tiên, Phật cũng đều mượn Thánh danh khác, như Trời khai Đạo khi trước.

Hoặc xưng:

- Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn.
- Hồng Quân Lão Tổ Thánh Mẫu Từ Tôn.
- Thiên Địa Lão gia.
- Huyền Khung Cao Thượng Đế.
- Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn.

Nên lập Đạo, mỗi kỳ Thánh danh đều khác, cho phù hiệp Ngươn hội của Đạo.

Câu niệm chủ ý là vậy.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI MỐT

Mỗi người vào Đạo phải thuộc Kinh và đọc cho ăn nhịp nhau một cách, chủ ý gì?

Chủ ý Đạo gốc có một mà ra. Nên chúng ta học Đạo phải thuộc kinh nơi Tâm, đặng rõ lời yếu lý Bí pháp của Đạo, cho biết mà thiệt hành phận sự, và đọc cho ăn nhịp hiệp nhau làm một, ấy là chỉ rõ Đạo có một gốc mà ra, nên kêu là **“Nhứt sanh vạn vật, Đạo sanh nhứt”**⁹. Song khi đọc Kinh dùng lòng thành tín, tinh thần của nhiều người, đồng hiệp chung liên kết lại, gom về một mà cầu nguyện, khẩn đảo mới là qui nhứt hiệp Đạo. Bởi lý ấy, mỗi người thuộc Kinh và đọc cho ăn nhịp nhau mới nhằm lý Đạo.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI HAI

Vào Đạo phải giữ Trai giới. Trai là gì, giới là gì?

Trai là gì, giới là gì?

Trai nghĩa chay lạt, đồ trong sạch nhẹ nhàng tinh khiết.

Giới là điều cấm răn của Đạo. Trai là chay, nếu ăn chay thì Tâm tánh phải hiền lành lánh điều tội lỗi, giảm tánh hung hăng, đổi lần họa ra phước, bỏ dữ về lành:

1- Là chẳng giết hại loài bò bay máy cựa.

2- Là tránh nợ oan báo, linh hồn đặng trong sạch nhẹ

nhàng.

3- Lòng nhơn biết thương người mến vật.

Đó là giữ Trai giới. Nên có câu rằng: **“Phật ái Chúng sanh như Mẫu ái tử”**. (Nghĩa là: *Phật thương loài Chúng sanh như Mẹ thương con vậy*). Và có câu rằng: **“Nhứt tử tri**

⁹ Nghĩa là: Một điểm Linh sanh muôn vật, thì Đạo sanh một điểm Linh ấy.

trai thiên Phật tử". (Nghĩa là: *Một người ăn chay đặng thì ngàn muôn Phật thấy đều vui lòng mừng đó*).

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI BA

Ngũ Giới là gì?

Ngũ là năm, **Giới** là răn, **năm điều cấm răn của Đạo Phật**.

Thứ 1- **Bất Sát Sanh**: Cấm không giết hại loài sanh linh vật sống.

Thứ 2- **Bất Du Đạo**: Cấm gian tham trộm cướp của người.

Thứ 3- **Bất Tà Dâm**: Cấm không phong tình huê nguyệt.

Thứ 4- **Bất Tửu Nhục**: Cấm thịt rượu say sưa.

Thứ 5- **Bất Vọng Ngữ**: Cấm không nói dối trá sai lời.

Đạo Nho Ngũ Thường:

1- Nhơn: “**Bất sát bất hại, thể háo sanh chi đại đức**”. (Nghĩa là: *không giết hại muôn vật, lấy lòng Nhơn phóng xá để chúng nó đặng phần sống, sanh hóa như chúng ta*).

Vậy mới có lòng Bác ái thương người mến vật.

2- Nghĩa: “**Nhứt thảo nhứt mộc, các hữu kỳ chủ bất vấn khẩn ngật, ám thủ phi nghĩa**”. (Nghĩa là: *Cả thấy mọi vật đều có chủ, chẳng hỏi mà lấy và sanh lòng gian xảo tham muốn của người là điều thất nghĩa*).

3- Lễ là: Bớt lòng dục nuôi mạng, cấm tà dâm khỏi hao tổn Nguơn tinh, sát hại chất sanh, làm cho mất lễ.

4- Trí là: Tồn Tâm Dưỡng Tánh, không dùng rượu thịt mùi ngon vật lạ, mê Tâm loạn Tánh, hoại hư tạng phủ, đổi mất tánh xưa, biến ra ngây dại, mà thất trí.

5- Tín là: Chỉ ư tín, thủy chung như nhứt, không sai lời dối chí giữ điều chắc thật, cho khỏi thất tín.

Ngũ Giới, Ngũ Thường cũng một lý.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI BỐN

Giữ Tam Qui là nghĩa gì?

Tam nghĩa là ba. Còn chữ Qui, bạch một bên, chữ phản một bên. **Phản bạch** nghĩa là phải trau giồi sửa tánh trở lại cho đặng thanh bạch gọi là Qui, nên kêu Tam Qui, là ba điều cho thanh bạch tinh khiết trở lại tánh Chơn như Phật tánh.

Ba điều là điều gì?

- 1- Là cho y Phật,
- 2- Là cho y Pháp,
- 3- Là cho y Tăng.

Y là làm cho giống in khuôn không sai, gọi là Y.

Y Phật là tu Tâm sửa tánh, **tịnh dưỡng Ngươn Thần**, y lại như thuở mới sanh (*Nhơn chi sơ, tánh bốn thiện*) gọi là y Phật.

Y Pháp là tu **điều dưỡng Ngươn Khí** (*Hơi thở*) không cho hao tán, phục lại Tiên Thiên, không hô hấp là Chơn khí như thuở mới sanh, gọi là y Pháp.

Y Tăng là **tu bổ Ngươn Tinh**, chẳng cho hao tán khuy tổn, y lại như thuở nhỏ, tinh ba đầy đủ chưa khuyết điểm, vậy là y Tăng.

Nên Tam Qui chủ nghĩa tu luyện Thần Khí Tinh, ba điều cho y nguyên lại thanh bạch tinh khiết, gọi là **Qui Y**.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI LĂM

Tập Cơ chấp Bút, quan hệ của việc Cơ Bút thế nào?

Quan hệ việc Cơ bút tối trọng. Vì Cơ bút cốt để dùng thông công với Thiên liêng không hình dạng, mà chúng ta là người có hình chất phàm phu nhục nhãn, đâu thấy biết rõ đặng lẽ nào tà chánh, phải hay là quấy, vì những điều có hình dạng hiển nhiên đây mà chúng ta phân biệt chơn giả còn chưa thiết đặng; huống chi không hình dạng ánh bóng, tuy lấy lời chánh tà có lý hay là không có lý, mà biện luận đó thôi.

Có khi Tiên, Phật giảng dạy chúng ta điều chánh đáng có ích, mà chúng ta không muốn làm theo lời ấy. Có khi Tà quá lấy sự thông minh của chúng nó bày điều có lý hay hơn chúng ta, và phù hợp ý chúng ta thì chúng ta lại nghe lời chúng nó cám dỗ, sai khiến, bị mưu, lớp hao tài tổn của, lại thêm nhọc sức.

Chúng nó làm nhiều điều huyền diệu cho mà tin, và có lý tén ngưỡng mà lại làm tội tở nó. Có khi thần tư tưởng của người phò Cơ, hoặc của người Hộ đàn, cũng có thể tiếp thêm điển mà ra bày điều cho chúng ta làm mất ngày giờ mà không biết đặng. Vì điều sai khiến chúng ta đặng là Chơn Thần của chúng nó mạnh hơn, hoặc cái Chơn Thần nó ra đặng khỏi xác, nó thông linh, biết điều vị lai quá khứ, nên nó rõ cao xa, lại do theo ý muốn của chúng ta mà nó lập theo, ắt phải lầm hại, chùng biết ăn năn thì đã muộn.

Còn người phò Cơ chấp bút cũng bị cái thần điển nó nhập vào choán cái Chơn Thần của Đồng tử, thì Chơn Thần của người phò Cơ chấp bút càng ngày càng suy giảm thối vị lần lần. Có khi nó choán hết Chơn Thần, còn lại Thức Thần phải điên cuồng lảng trí là khác nữa. Bởi có người tập Cơ

chấp bút mà điên cuồng là vậy, nên Cơ bút là quan hệ tối trọng chẳng nên dùng thường.

CHUNG

Kiểm Duyệt ngày 27 tháng 5 Đinh Mùi

(DL.4-7-1967)

TRƯỞNG BAN KIỂM DUYỆT KINH SÁCH ĐẠO

HIẾN PHÁP HIỆP THIÊN ĐÀI

TRƯỞNG HỮU ĐỨC

(Ấn ký)

MỤC LỤC

- 1- Nguồn cội loài người do đâu mà ra?
- 2- Đạo là gì?
- 3- Tại sao chúng ta phải Tu?
- 4- Tu có bổ ích gì cho chúng ta chẳng?
- 5- Ăn chay bổ ích về phần nào?
- 6- Tại sao có Tam Kỳ Phổ Độ?
- 7- Đại Đạo tam Kỳ Phổ Độ nghĩa là gì?
- 8- Vào Đạo cóặng phần lợi ích cho chúng ta những điều gì chẳng?
- 9- Đi Tu phải bỏ vợ con, nhà cửa, kiếm nơi thanh tịnh luyện Đạo mới thành phải vậy chẳng?
- 10- Chúng ta đứng làm người lo điều nào là căn bản?
- 11- Vào Đạo thờ Thiên Nhân chủ ý gì?
- 12- Sao gọi là ba Trấn?
- 13- Sao gọi là Tam Giáo?
- 14- Các vị Giáo Chủ là ai?
- 15- Nhứt Kỳ, Nhị Kỳ Phổ Độ đời nào? Ai xuống lập Đạo?
- 16- Khai Đạo tại sao? Bế Đạo tại sao?
- 17- Tại đâu chúng ta biết đặng Tam Kỳ Phổ Độ?
- 18- Lập Thiên Bàn để thờ ai?
- 19- Thờ ai trên hết?
- 20- Tại sao trên hết?
- 21- Khi cúng Đức Chí Tôn, dâng Bông, Rượu, Trà chủ ý gì?
- 22- Tại sao chúng ta kêu Thượng Đế bằng Thầy?
- 23- Cúng lạy chủ ý gì?
- 24- Cách lạy thế nào?
- 25- Cúng lạy nhiều có phước mà khỏi tội chẳng?
- 26- Có nên bỏ việc cúng lạy chẳng?
- 27- Phật có phải lớn hơn Trời chẳng?
- 28- Lập Thiên Bàn để các phẩm vật đó chủ ý gì?
- 29- Vào Đạo phải Minh Thệ chủ ý gì?
- 30- Câu niệm Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát chủ ý gì?
- 31- Người vào Đạo đọc Kinh cho ăn rập nhau chủ ý gì?
- 32- Trai giới nghĩa là gì?
- 33- Ngũ Giới nghĩa là gì?
- 34- Giữ Tam Qui nghĩa là gì?
- 35- Tập Cơ chấp bút, quan hệ của việc Cơ bút như thế nào?

LỜI CẢM TẠ

Chân thành tri ân toàn thể Quý Đồng Đạo, các Cơ sở Đạo, Quý vị Đạo Tâm và thân hữu ở Hải Ngoại đã hết lòng yểm trợ tài chánh cho QUỸ IN KINH SÁCH giúp BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI có điều kiện ấn tống Quyển Sách này, góp phần vào việc Phổ truyền Chơn Đạo.

Thành tâm cầu nguyện hai Đấng Phụ Mẫu Vạn Linh chan rưới Hồng Ân cho toàn thể Quý vị và gia đình.

Thành kính tri ân,

BAN QUẢN NHIỆM

BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI



SÁCH BIỂU

Quý Đồng Đạo, Quý Cơ sở Đạo, Quý vị Đạo Tâm và thân hữu các nơi có nhu cầu về Quyển Sách này, xin vui lòng liên lạc:

BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI

3076 Oakbridge Dr.,

San Jose, CA. 95121-1716, USA.

Phone & Fax :(408) 238- 6547

Email: dutani@comcast.net

THI VĂN DẠY ĐẠO

**Gắng sức trau dồi một chữ TÂM,
Đạo đời muôn việc khỏi sai lầm.
TÂM THÀNH ắt đạt đường Tu vững,
TÂM CHÍNH mới mong mỗi Đạo cầm.
TÂM ÁI nhân sinh an bốn biển,
TÂM HÒA thiên hạ trị muôn năm.
Đường TÂM, cửa THÁNH dầu chứa vẹn,
Có buổi hoài công bước Đạo tâm.**

(Trích TNHT., QII, 1964)



Tam Thánh

SÁCH KÍNH BIỂU



BAN THỂ ĐẠO HẢI NGOẠI

3076 Oakbridge Dr.,

San Jose, CA. 95121-1716, USA

Phone & Fax: (408) 238- 6547

Email: dutani@comcast.net

